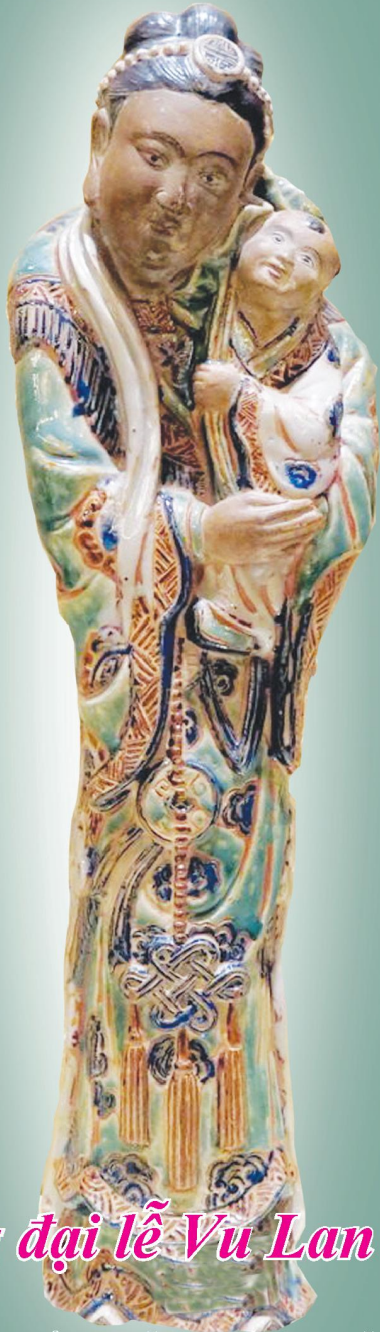


NHIỀU TÁC GIẢ



HƯƠNG THIÊN 41

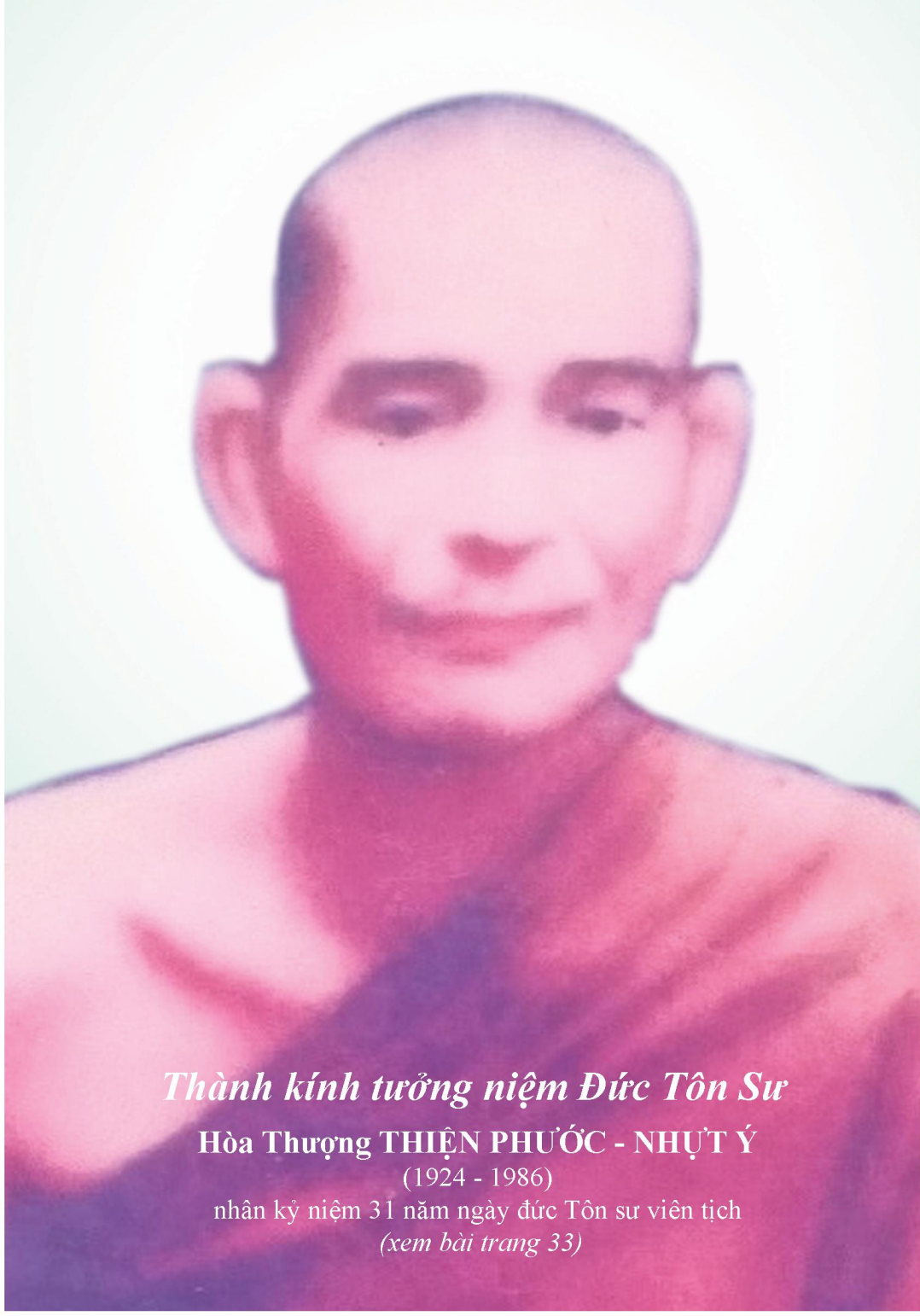
VU LAN PL.2561 - DL.2017

**hương
thiên**
TẬP 3/2017 (41)

Kính mừng đại lễ Vu Lan - PL.2561



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ



Thành kính tưởng niệm Đức Tôn Sư

Hòa Thượng THIÊN PHƯỚC - NHỰT Ý

(1924 - 1986)

nhân kỷ niệm 31 năm ngày đức Tôn sư viên tịch

(xem bài trang 33)



Tập 3/2017 (41)

BAN CHỨNG MINH

Hòa thượng Thích Hiền Pháp

Hòa thượng Thích Giác Quang

Hòa thượng Thích Nhật Quang

BAN CHỦ NHIỆM

Thượng tọa Thích Thiện Tài

Nhà thơ Phạm Thiên Thư

Nhà văn Nhật Chiêu

Nhà báo Nguyễn Đức Tố

Bác sĩ Lê Hành

MỸ THUẬT: Họa sĩ Nguyễn Thịnh

ÂM NHẠC: Nhạc sĩ Trần Đức Tâm

NHIẾP ẢNH: Nhiếp ảnh gia Nam Thanh

CHỦ BIÊN: Nhà báo Phan Cát Tường

Bìa: Quan Âm Từ Mẫu, gồm Biên Hòa.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2017

Văn này không chỉ là
Giới luật
Mà là đạo đức
Chức năng
của pháp luật



THƯ PHÁP TRƯ VŨ

“Mẹ có biết là con thương mẹ không?”

... “Chiều nay khi đi học về, hoặc khi đi làm việc ở sở về, em hãy vào phòng mẹ với một nụ cười thật trầm lặng và thật bền. Em sẽ ngồi xuống bên mẹ. Sẽ bắt mẹ dừng kim chỉ, mà đừng nói năng chi. Rồi em sẽ nhìn mẹ thật lâu, thật kỹ để trông thấy mẹ và để biết rằng mẹ đang còn sống và đang ngồi bên em. Cầm tay mẹ, em sẽ hỏi một câu ngắn làm mẹ chú ý. Em hỏi: “Mẹ ơi, mẹ có biết không?” Mẹ sẽ hơi ngạc nhiên và sẽ hỏi em, vừa hỏi vừa cười “Biết gì?” Vẫn nhìn vào mắt mẹ, vẫn giữ nụ cười trầm lặng và bền, em sẽ nói: “Mẹ có biết là con thương mẹ không?” Câu hỏi sẽ không cần được trả lời. Cho dù người lớn ba bốn mươi tuổi người cũng có thể hỏi một câu như thế, bởi vì người là con của mẹ. Mẹ và em sẽ sung sướng, sẽ sống trong tình thương bất diệt. Mẹ và em sẽ đều trở thành bất diệt và ngày mai, mẹ mất, em sẽ không hối hận, đau lòng.

Ngày Vu Lan ta nghe giảng và đọc sách nói về ngài Mục Kiền Liên và về sự hiếu đễ. Công cha, nghĩa mẹ. Bổn phận làm con. Ta lạy Phật cầu cho mẹ sống lâu. Hoặc lạy mười phương Tăng chú nguyện cho mẹ được tiêu diêu nơi cực lạc, nếu mẹ đã mất. Con mà không có hiếu là con bỏ đi. Nhưng hiếu thì cũng do tình thương mà có; không có tình thương hiếu chỉ là giả tạo, khô khan, vụng về, cố gắng mệt nhọc. Mà có tình thương là có đủ rồi. Cần chi nói đến bổn phận. Thương mẹ, như vậy là đủ. Mà thương mẹ không phải là một bổn phận”...

(Trích tùy bút “Bông Hồng Cài Áo”)

Phạm Thiên Thư thi hóa tư tưởng Dàmamùka Nidàna Sùtra
(Kinh Hiền Ngu), Trần Thị Tuệ Mai nhuận sắc.

Kinh Hiền Ngu

*Ngày xưa Phật ở đất La,
Trong vườn lục trúc nơi nhà cỏ tranh.
Ngày ngày hóa độ trong thành
Như chim Thu tự cõi thanh tịnh về.
A-nan hiền giả hầu kê,
Bước chân theo nở đóa lê đậm đà.
Cổng Đông có một túp nhà,
Ông thường thấy vợ chồng già què đui,
Và con trai mới lên mười,
Nó đi khắp phố đông người xin ăn.*

*Cơm ngon trái ngọt để dành
Về nuôi cha mẹ, lòng thành tự nhiên.
Đã lưu tâm đến trẻ hiền,
Một hôm hầu Phật, ông liền trình thưa:
“Từ ngày thỏa gót mây đưa,
Con thường qua mái tranh thưa bên thành.
Thấy một đứa bé hiền ngoan,
Kiếm nuôi cha mẹ cơ hàn một thân.
Thôi thì nắng hạ mưa xuân,
Thời gian nứt nẻ gót chân đọa đầy.”*

Phật dạy: “Phúc đức sâu dày,
Kẻ nào hiếu thuận vui vầy mẹ cha.
Tiên thân nhớ một đời ta
Nguyện đem cái chết cứu cha mẹ hiền.
Nên chi hưởng quả nhân thiên,
Trên trời: Tiên đế, dưới trần: Thánh vương.
Đời nay thành Phật Thế tôn,
Cũng nhờ cội phúc lưu tồn xa xưa.”
A-nan hầu chấp tay thưa:
“Xin thầy dạy nghiệp xưa như thế nào?”

Phật rằng: “Trong cõi mộng đào
Có vua Đổ Bá, hoàng trào oai danh.
Được mười hoàng tử tinh anh,
Mỗi người giữ một tiểu thành chặn dân.
Người con út hiệu Thiện Thân,
Lòng từ tế thế, tài thần an bang.
Bỗng đâu nghiêng ngả triều đình,
Trượng quân soán đoạt ngại vàng ai hay.
Đất bằng sóng nổi cát bay,
Voi xô cửa ải, ngựa giày xác dân.

Kéo về vây bắt Thiện Thân,
Thế cô chẳng thể chống quân bạo tàn.
Ngài cùng vợ dắt con ngoan,
Nửa đêm cải dạng lên đàng lưu vong.
Tháng ngày vượt núi băng sông,
Chân xa cổ quốc, lòng trông đất nhà.
Lần hồi đói khát cả ba,
Phu nhân lo lắng biết là cậy đâu.
Thương chồng con, dạ quận đau,
Chẳng đành chết đói nhìn nhau một bầy.

Chi bằng ta lóc thịt tay,
Nuôi chồng con sống qua ngày còn mong.
Thân ta sao cũng cam lòng,
Còn hơn chết hết chẳng công ích gì.
Phu nhân mắt lệ đầm đìa,
Quyết lòng toan tính xa lìa trần lao.
Người con giằng được lưỡi dao,
Tự đâm vào ngực, máu đào vọt tuôn.
Hai thân xiết đối kinh hồn,
Thêu thào con trẻ thở dồn thừa qua:

“Lòng con muốn cứu mẹ cha,
Xin dùng thịt nọ để mà cầm hơi.
Hồn con vương vất chân trời,
Mừng cha mẹ sống, ngậm cười mà đi.
Nếu song thân chẳng dùng thì...
Hồn con mãi mãi sầu bi dưới mồ.”
Thừa rồi khép mắt hư vô,
Mẹ cha khóc ngất lệ khô tuôn dòng.
Bỗng nghe vắng vắng thình không,
Chim đậu thả xuống trái hồng trái lê.

Lại thêm bầy thỏ kéo về,
Thi nhau dâng mạng bên khe lách vàng.
Tưởng như trong giấc mơ màng,
Lần ăn, hai tám thân tàn cầm hơi.
Đáy mồ lót nắm cỏ tươi,
Nóc trông hoa trắng cho người con ngoan.
Thương thay, để khóc trùng than,
Bên rừng gửi nắm xương tàn bụi sương.
Sáng sau tiếp tục lên đường,
Chân qua cuối thác hồn vương đỉnh triền.

Hai năm ở nước láng giềng,
Mài gươm sửa giáp chiêu hiền dấy quân.
Kéo binh về dẹp loạn thân,
Qua rừng xưa vẫn xanh ngàn mộ hoa.
Não lòng ai chẳng lệ sa,
Tạc bia dựng miếu mấy tòa khói nhang.
Rồi sau thâu đoạt thành vàng,
Dựng lên triều đại huy hoàng muôn thu.
Đó là duyên nghiệp ta xưa,
Thiện Thân ngày trước, bây giờ Tịnh vương.

Phu nhân một thuở toan đường
Hủy thân, giờ hiện mẫu hoàng Ma-gia.
Trẻ hiền trước bỏ thân hoa,
Nhờ công đức lớn, bây giờ là đây.”
Nghe xong diệu pháp khai bày,
Trong lòng ghi nhớ lời thầy từng câu.
Bao đời hiếu hạnh cao sâu,
Kết nên ánh sáng nhiệm màu Như Lai.
Quanh thêm phơ phát hoa lay,
Mỗi nhành lá mỗi búp tay cúng dường.





Trong lời đầu sách của bộ “Thiền Quan Sách Tấn” (NXB Văn hóa - Văn nghệ 2014), Hòa thượng Thích Nhật Quang đã dành nhiều trang để viết về mẹ mình, nhân lễ chung thất của Sa-di-ni Thích Nữ Thanh Giới, mừng 2 tháng 2 năm Giáp Ngọ (2014).

Những dòng của Ngài viết về mẹ, tuy là văn xuôi nhưng tuôn chảy mượt mà như một bài thơ về tình mẹ, như là một câu chuyện cổ tích của một đứa con lạc loài luôn khát khao những ngày sống bên mẹ.

Hương Thiền xin trích đăng những dòng tùy bút ấy nhân đại lễ Vu Lan thắng hội PL.2561, cũng nhân ngày Hòa thượng Thích Nhật Quang - Chứng minh đạo sư của tập văn *Hương Thiền* từ năm 2007 - được suy cử vào chức vụ mới: Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai.

* * *

Mẹ - Suối Nguồn Yêu Thương

Kính giác linh mẹ,

Kể từ khi mẹ xả báo thân theo về với Phật, con đêm ngày một dạ chí thành, nguyện mẹ sanh về cõi lành, cùng chư thượng thiện nhân thánh chúng một hội. Lai sinh phát chí siêu phàm, nương Bát - nhã lực, thệ cùng con đời đời kết duyên tu hành cho đến viên thành Phật đạo.

Hôm cuối cùng ngồi trợ tiến cho mẹ, nhìn thấy từng hơi thở dứt quãng hắt ra giữa đôi bờ sinh tử, con thấy cả một dòng đời của mẹ tuôn chảy dịu ngọt, bền bỉ nuôi dưỡng, vun bồi đạo nghiệp cho con tới giây phút cuối cùng. Chín mươi lăm năm và sẽ còn nhiều hơn thế nữa, mẹ luôn là vị hiện hữu tri thức trong cuộc đời tu hành của con.

Thời gian gần đây, mỗi lần nhớ đến mẹ, trong lòng con bỗng nghe nhói đau, dòng ký ức cứ tràn về. Con, một ông già trên bảy mươi nhưng vẫn cảm thấy nhỏ bé trước mẹ già hơn chín mươi, vẫn luôn cần đến sự nhắc nhở chở che của từ mẫu. Mẹ ơi, con không thể nào quên được những buổi chiều ở quê khi con còn nhỏ, mẹ chặt chiu từng nắm xôi, từng củ khoai, từng cái bánh nghèo đường nghèo bột mà đậm đà mẫu tử tình thâm. Nhà mình nghèo, chùa con ở cũng nghèo. Cha mất, mẹ bươn chải tảo tần, bữa đói bữa no mà vẫn không quên dành dụm, gửi gắm cho con cả bầu trời yêu thương. Rồi con lớn lên, mẹ cũng theo sát gót phong trần con trai, để rồi có những bữa chiều người mới mòn tựa cửa trông con. Và sau đó là những buổi chiều, con hắt hiu còn lại thân phận kẻ mồ côi, nhớ mẹ đau thắt ruột thắt gan.

Rồi cũng một chiều, con từ Trí Đức về thăm mẹ. Nhìn con hồi lâu mẹ hỏi:

- Ông Quang lên trên làm gì mà ngày nào cũng đi vậy?

Con cung kính trình Mẹ:

- Mỗi ngày con có mặt một chút để đại chúng yên tu.

Mẹ lâu bầu:

- Đi về sớm một chút, gì mà cũng tối thui tối mò mới về.

Lời mẹ tuy ngắn, nhưng đến bây giờ và mãi mãi về sau vẫn luôn trong con. Bởi vì đó là cả nguồn suối yêu thương màu nhiệm của mẹ cho con.

Mẹ có còn nhớ không,

Từ năm 1975, con vâng lời Hòa thượng Trúc Lâm về Thường Chiếu. Mẹ hay tin cũng theo về với con. Bây giờ mẹ còn khỏe cho nên cáng đáng việc cơm nước mỗi ngày cho tăng chúng thật chu toàn. Mẹ thương tất cả chư tăng và luôn chia thức ăn đồng đều cho quý thầy y hết như con. Nhờ công đức và phúc duyên lành này, mẹ được Hòa thượng cho xuất gia tu học trong đạo tràng. Từ năm 1968, đại chúng tự nấu ăn, mẹ đã già đi nhưng vẫn siêng năng công quả, tới lui phụ việc trừ phòng và là một cụ bà sàng gạo lượm thóc xuất sắc nhất trong số các cụ về Thiền viện làm công quả thời ấy.

Ngoài thời gian làm công quả, mẹ luôn giữ công phu niệm Phật tụng kinh đều đặn mỗi ngày. Công phu nội tại của mẹ thì con chưa rõ, nhưng cuộc sống hằng ngày, đối diện với các nhân duyên, mẹ của con đã được tôi luyện ngày một chín chắn. Có lần con thử nêu vài câu chuyện hơi lạ chung quanh cuộc sống tu học, mẹ liền nhắc nhở: “Thôi, mình tu rồi, chuyện đó dính dáng gì chứ!” Câu nói của mẹ đã tiếp sức cho con, đã ban cho con một niềm vui trong cuộc hành trình vốn còn gian khó vô kể. Và con biết chắc một điều tất cả sự cố gắng tu tập của mẹ, phần nhiều là nhắm vào con với Hạnh Pháp. Bởi vì mẹ đã từng nói:

- Tôi nguyện Phật trời gia hộ, tôi sống chừng nào ông Quang ngoài bảy chục tuổi, Hạnh Pháp hơn năm chục tuổi tôi mới chết, để nó đủ khôn sống với người ta.

Kính mẹ,

Tấm lòng này của mẹ, tâm tình này của mẹ, con và Hạnh Pháp nguyện muôn phần tạ dạ thâm ân, thương mẹ nhiều lắm. Hơn chín mươi năm sống trên cuộc đời, mẹ chính là con thuyền đại nguyện đưa chúng con vượt khỏi tối tăm tìm về nơi chốn bình an. Nhìn vào gương mặt của mẹ, con an lòng và nguyện tu tập xứng đáng với tông môn, thầy tổ, đặc biệt là lòng thương yêu vô bờ của Mẹ”.

Mẹ

*Thuở còn thơ - dòng Hương con tắm
Sợ hụt chân thấp thỏm mẹ chăm
Mẹ kỳ cọ cho sạch cả cuộc đời con
Khôn lớn vuông tròn chưa một lần
Dù thay áo cho mẹ ra đi được...*

*Xuôi dòng Hương thuyền ai buồn gác mái
Đôi bờ xa trơ tím một màu tang
Bước chân khuya gãy nhịp khua vôi vàng
Mờ lối cũ hoen mi dòng lệ tỏ
Đôi tay trần không ôm hết áo quan
Giận rưng rưng dòng lệ đôi hàng
Đành bắt lực trước nỗi buồn mắt mẹ...*

*... Mẹ già hồi! Cúi khô chừ ai nhật
Hoa xoan bên thềm ai quét để trắng sân.
Chữ A, B ngày xưa mẹ giục con ghép vần
Lúc khôn lớn - Mẹ không còn nữa
Ngự Bình rủ mình buồn/ Nghiêng hông đứng
đợi/ Đón mẹ về/ Giữ sạch nét phù du.
... Mẹ mắt rời - con chừ đây:
Gánh nỗi đau - cày sâu cùng năm tháng,
Đôi vai gầy trĩu nặng bao tháng năm thừa
Cứ mỗi lần nhớ tới mẹ
Nhớ Huế cảnh tà tà lụi mưa
Trên nước nổi:
Mẹ kiệt sức - xói bờ gieo sự sống.*

Mẹ Hiền Như Phật Quan Âm

*Mẹ ơi! Hãy dịu niềm thương đợi
Vì đời con một kiếp luân tu.*

Chiều nay bầu trời âm u
vần vũ chuyển mây, không
gian xám chùng như sắp tan
thành lệ. Sau giờ công phu
niệm Phật, tôi ngồi yên trong
tịnh thất đơn sơ, nhìn lên bàn
thờ qua khói hương bay, trông
thấy tượng ảnh của đức Quán
Thế Âm đẹp dịu dàng trang
nghiêm từ ái, chợt liên tưởng
đến mẹ.

Người mẹ không quản
mưa nắng nhọc nhằn nuôi con
ăn học, màu tóc pha sương
nhuộm trắng hơn nửa mái đầu,
biết bao đêm dài sống hăm hiu
cuộc đời góa bụa, dỗ giấc ngủ
con thơ qua tiếng ru êm ái
ngọt ngào, cùng với nhiều lo
toan chăm chút mặc dầu con
đã khôn lớn trưởng thành rong
ruổi đua chen. Lúc đó, vì mãi
mê ngủ vui trong hư ảo lợi



Quán Âm Từ Mẫu - Ảnh Thành An Tự

danh, nên lòng nông nổi vô tư trước ân sâu cao cả. Ngày nay những tâm tình chất chiu ấy lại biến thành mỹ cảm nồng nàn theo mỗi bước du phương.

Thấm thoát đã ba mươi năm, nhân ngày Lễ Vu Lan sau nhiều đêm suy nghĩ, tôi quyết định xin phép mẹ hiền được vào chùa lập hạnh ly gia. Mẹ lặng im không phản đối bởi vốn là một Phật tử thuần thành, tuy nhiên trong ánh nhìn ngân ngai như ngầm bảo rằng: Gia đình ta vốn vẹn có hai mẹ con, một căn nhà khang trang với mảnh vườn sum suê cây trái, sao không chịu an hưởng thanh nhàn tu tập, lại vẽ vời tính chuyện vân du. Mẹ kể cho nghe câu chuyện để trầm tư:

“Thuở xưa, có một chàng thanh niên nghe nói đức Phật là đáng siêu tuyệt, bèn háo hức từ giã mẹ lên đường tìm chân lý, phó mặc niềm nhớ nhung của người mẹ cô đơn, chàng đi và đi mãi vào tận rừng sâu núi cao nhưng vẫn không hề thấy Phật. Sau nhiều năm phiêu bạt, một hôm may mắn gặp ông lão tiều phu hóa thân của Như Lai, khéo léo chỉ bày cách nhận dạng, hãy tìm gặp người nào mà hồn nhiên mang đôi dép ngược giống trẻ thơ, thì đó chính là Đức Phật. Năm tháng gian nan chí nguyện chưa tròn, sức lực mỗi mòn nhớ mẹ da diết, chàng hỏi hỏi trở lại quê nhà vào đêm mưa rơi lạnh uớt, gõ cửa kêu lớn: “Mẹ ơi! Con về đây”. Trong giấc ngủ chập chờn nổi sầu mong đợi, nghe tiếng gọi thân quen choàng tỉnh dậy, bà mẹ hân hoan khôn xiết, chạy ra mở cửa ôm chầm đứa con xa biệt. Chàng trai quỳ xuống ôm hai chân mẹ, thổn thức trong lòng hỏi lỗi trào dâng. Bỗng dưng đứa con kêu lên nức nở: “Phật đây rồi!”. Vì chàng ta vừa nhận thấy mẹ mình đang mang đôi dép ngược, do bà sợ ý xỏ chân làm khi vội vã mừng con”.

Thật xúc động vô cùng, nhưng tôi cố giải tỏa vòng đai buộc ràng độc đáo, bằng cách kể một giai thoại thú vị, hy vọng mẹ sẽ cảm thông: Đại đức A-Nan sau vài lần thất bại khăn cầu Phật

Thích Ca, xin cho bà Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề xuống tóc gia nhập Tăng đoàn. Cuối cùng Ngài đành chọn phương án khơi gợi bốn phận hiếu thảo của Thế Tôn đối với công lao người Di Mẫu. Phật tuyên thuyết: *“Này A-Nan! Nếu có ai vai trái công cha, vai phải công mẹ đem vật thực chu cấp đủ đầy, suốt đời không làm song thân phiền muộn, người đó cũng không thể nào đền đáp công ơn dưỡng dục của hai đấng sanh thành. Nhưng nếu có người đem điều thiện lễ ác giảng trạch cho cha mẹ được nghe, trọn đời sống theo chánh pháp, đem lòng bình đẳng yêu thương tất cả muôn loài. A-Nan ơi! Người đó đã làm tròn hiếu đạo ở thế gian”*. Phải mất hơn một tuần thao thức đắn đo, hằng đêm đọc tụng phẩm Phổ Môn (kinh Diệu Pháp Liên Hoa) cầu nguyện, mẹ mới chấp thuận cái ước vọng quá táo bạo này.

Trong buổi tiễn đưa, mẹ không khóc nhưng giọng nói thoảng nghẹn ngào, mãi đến giờ đây lòng tôi vẫn âm vang từng lời dặn dò sâu sắc: *“Hãy khiêm tốn, nhẫn nhục, đừng vội vàng bài bác điều gì, nếu con chưa đủ trình độ thấy biết như thật. Đặc biệt hãy nhớ lời nhắc nhở của chư Tổ Sư Thiên Trục Chi: “Dù mang hình tướng tu sĩ mặc áo cà sa nhưng lòng tâm cầu Phật vẫn là ngoại đạo”*. Tôi hết sức ngạc nhiên đến sững sờ trước ngôn từ thâm thúy đượm nhuần đạo vị Pháp Hoa. Tôi ngắm mẹ thật lâu, rồi đưa mắt nhìn bức ảnh đức Quán Thế Âm trên ngai thờ đang nở nụ cười phổ độ. Nhìn lại mẹ tôi cảm nhận dạt dào cái nụ cười đôn hậu thân thương...

Mùa Vu Lan đêm ấy, ngoài trời lất phất mưa bay, trong căn nhà ấm áp kỷ niệm, mừng lễ Đáo Tuế giản dị. Mẹ cắt đôi cái bánh kem hình hoa sen chia mỗi người một nửa. Tựa hồ tức cảnh khai tâm, mượn pháp vị đậm đà dâng hiến mẹ, tôi diễn bày khái quát về pháp thân lưu xuất của Phật Quan Âm: *“Dạng thứ nhất Chánh Pháp Luân Thân với tướng hảo quang minh tảo nhã như Ngài Bạch Y Đại Sĩ, lấy thuận duyên cứu khổ chúng sanh gọi là Đại Từ*

... “Này A-Nan ! Nếu có ai vai trái cõng cha, vai phải cõng mẹ đem vật thực chu cấp đủ đầy, suốt đời không làm song thân phiền muộn, người đó cũng không thể nào đền đáp công ơn dưỡng dục của hai đấng sanh thành”.

KINH VU LAN BỒN

Bi. Còn dạng thứ hai Giáo Linh Luân Thân với tướng phần nộ dữ dần của ngài Mã Đầu Quán Tử Tại, dùng nghịch hạnh nhiếp phục kẻ ngoan cố ác ôn, gọi là Vô Duyên Đại Tử Vô Ngại Đại Bi”.

Mẹ phần khởi tiếp thu giáo lý, cảm khái nghe pháp không nề mệt mỏi, rồi thông thả uống cạn tách trà vừa nhớ chuyện xa xăm, mỉm cười mẹ nói: “Đứa quý tử lông bông phải về về chịu chuồng mới chịu làm Sĩ Tử, nhưng dục trần cám dỗ đẩy đưa thích thú bốn ba đời lãng tử. May mắn thay! Nhờ trạng huống trái ngang dẫn lối thiện tâm trở nên Phật tử”.

Tôi ngẫu hứng nương theo lối dùng từ uyển chuyển: “Thưa mẹ ! Phật Tử chẳng chịu dùng chân đầu, bởi nhận ra mình là “gã Cùng Tử” trong kinh Pháp Hoa, nên lẫm liệt cởi bỏ mặc cảm thấp hèn quyết vươn lên làm Thích tử, ngộ hầu thừa kế gia bảo của cha già, hóa thành Trưởng Giả Tử giàu sang...”

Hoàng hôn phủ trùm lên cảnh vật, mùi thơm từ những khóm hoa Bạch Hạc dọc theo lối sỏi kinh hành ngào ngạt hương đưa. Tiếng chuông chùa Linh Sơn ngân nga báo hiệu sắp đến thời niệm Phật, khéo nhắc nhở tôi luôn luôn tinh tấn tu hành, để hồi hướng công đức cho mẹ hiền tại tiền thân và ở giây phút cuối đời được hoan hỷ trọn lành đến thắng cảnh Tây phương.

Mẹ già chịu cánh đơn côi

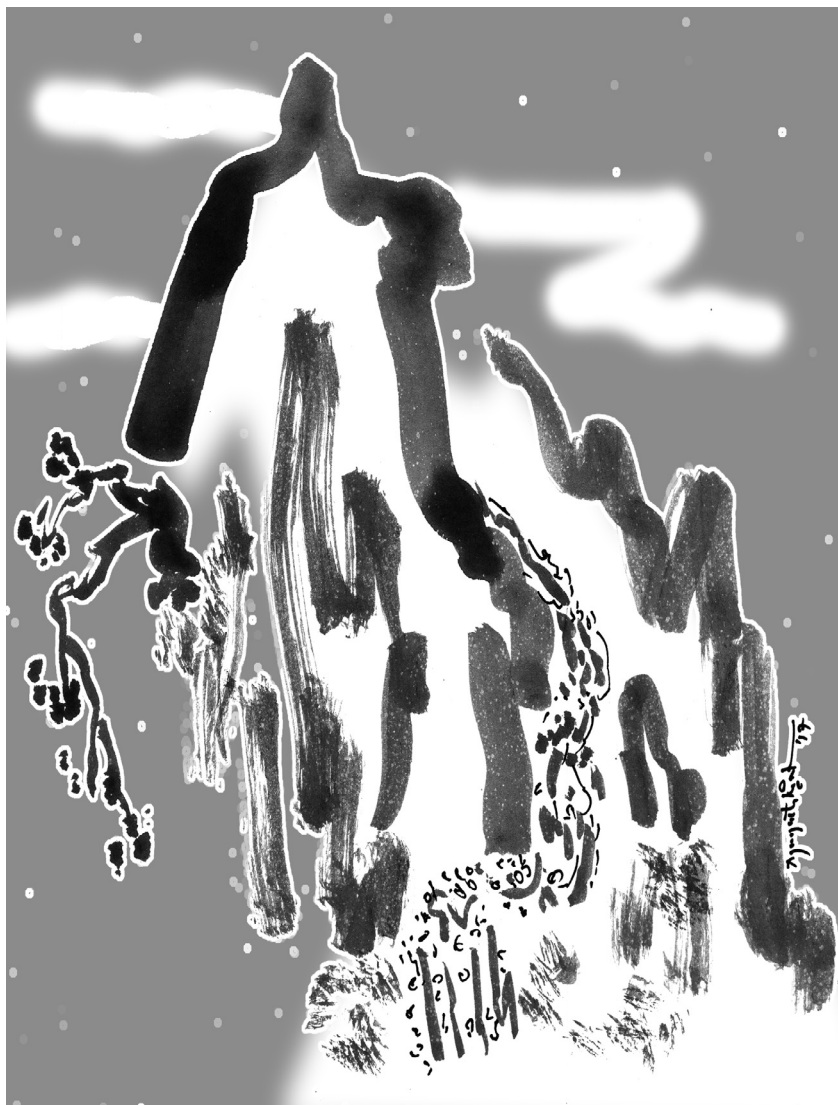
Riêng con vẫn một góc trời phong ba

Quyết đi tìm Phật trong ta

Tìm chân thật giữa phiêu pha lọc lừa.

Núi Đinh, Mùa Vu Lan Nhớ Mẹ 2017

Nguồn Suối Tình Thương



*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

Câu ca dao được trao truyền từ hàng ngàn năm ấy, cho chúng ta thấy một nền tảng văn hóa tâm linh của dân tộc Việt Nam. Tình nghĩa hiếu trung được đặt tuyệt đối lên hàng đầu trong tư tưởng và giữa trái tim.

Đọc lại cho nhau nghe câu ca dao ấy hôm nay chính là để chúng ta cùng niệm nhớ ân đức sanh thành của cha mẹ, thấp sáng tâm linh ta ý thức tình nghĩa và hạnh phúc giữa cuộc đời mà ta đang có.

*Tượng cha, thân trúc thẳng
Hình mẹ, nhánh mai gãy
Trúc mai cùng sóng sánh
Bát thơ con thêm đầy.
Tượng cha núi non cao
Hình mẹ biển dạt dào
Biển non xanh bất tận
Đời con ngời sáng sao.*

Hình bóng người cha bao giờ cũng thế: nghiêm trang, chuẩn mực đàng hoàng, cương nghị.

Ở giữa cuộc đời, hình bóng cha luôn sừng sững như ngọn núi cao, vững vàng như trụ cột, tiết trực như trúc, như tre, chẳng yếu mềm như lau như lách. Đối với cuộc sống gia đình hàng ngày, có thể cha chẳng bận tâm bao nhiêu đến việc nuông nui, bú mớm, ẵm bồng... khi con thơ ấu. Nhưng chính cha là ngọn đuốc soi đường cho con đi tới. Chính cha là người tạo dựng niềm tin, trao truyền dũng khí, sinh lực làm hành trang cho con vào đời dựng xây cuộc sống.

Bao giờ cha cũng nghiêm khắc, đạo mạo, ít cười, ít nói; bản thân con thơ ngây, hời hợt nên thật khó nhận ra tình thương trân quý, tấm lòng nhân hậu, trầm lắng sâu thẳm trong trái tim cha.

Chúng con chưa hề biết lúc mẹ vịn mình đón đau trong con

vượt cạn, chính là lúc cha cúi đầu cắn cỏ, gặm đất. Chỉ một niềm duy nhất là nguyện cầu cho con trẻ lọt lòng, mẹ tròn con vuông.

Làm sao chúng con với con mắt thịt ơ hờ, lại có thể thấy được những giọt nước mắt âm thầm cố nén trong lòng cha. Chiều nay khi con có lỗi, cha bảo không vâng. Nên đã phải đang tâm dùng roi vọt.

Thực sự ở đời con chưa đủ trí khôn, chưa dày cảm xúc để có thể dễ dàng hiểu hết, cảm nhận được hết tình thương trầm lắng, ngữ ngôn ẩn dụ, mắt nhìn xa vắng thường có nơi cha. Và đôi khi, có thể, cha vắng bóng rồi, con mới hiểu thấu tình thương của cha. Chỉ khi nhìn thấy anh em bất hạnh mồ côi cha quá sớm, con mới thấm thía ý nghĩa câu nói: *Con không cha như nhà không nóc*. Ngày xưa thơ ngây khờ dại, cha còn có mặt, con cứ tưởng câu nói ấy là để cho ai, chứ đâu có để cho mình. Chỉ đến khi cha khuất non Tây, con mới nghe ra trong tràn trào nước mắt. Nỗi bất hạnh lớn lao của những con người thất niệm chính là chỗ ấy. Lắm lúc chỉ vì thờ ơ, chúng ta trở thành người phản bội tình thương.

Có cha, có mẹ còn hơn

Không cha, không mẹ như đèn đứt dây.

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn, vâng nói đến mẹ chính là nói đến suối nguồn tình thương dạt dào vô cùng vô tận. Nói mẹ là chuỗi ba hương, là xôi nếp một... như nhiều thế hệ bình dân Việt Nam đã nói, quả là một cách nói rất hay, rất ngọt ngào. Cách nói cụ thể hóa, hình tượng hóa tình thương bao la vô bờ vô bến của mẹ.

Hơn ai hết, mẹ là người đã thấu nỗi đau “*Đi biển lẻ loi một mình*”. Đau đớn biết là bao khi mẹ vịn mình quần quai cho đứa con thơ cất tiếng chào đời. Tấm thân mẹ còn bê bết vẩy va máu mủ, thế mà chỉ cần nghe thấy tiếng đầu đời con khóc là môi mẹ đã nở nụ cười, lòng mẹ đã vui tươi hơn hờ và tình mẹ cho con đã khơi nguồn cuộn suối dạt dào. Con mẹ vuông tròn đủ đầy tay chân, mặt mũi là thế. Nhưng nhớ bất hạnh rằng con mẹ mù què,

mẻ sứt, eo ngảng tay chân, dị hình dị tướng... tình thương của mẹ vẫn cứ tròn đầy như thế.

Đất trời thiên nhiên đã truyền thừa, phó chúc cho mẹ tình yêu như thế: Khi nào cũng vành vạnh tròn đầy. Từ bầu vú mẹ, từ bàn tay mẹ, bú mớm, nuông niu, ẵm bồng... con đã như đóa hoa tươi thắm nở giữa vườn đời.

Cha nghiêm khắc cương cường bao nhiêu, mẹ lại hiền lành rộng lượng bấy nhiêu. Thương con, bao giờ mẹ cũng hồn nhiên bộc lộ, không cần tế nhị, kín đáo, giấu che khuất lấp. Chẳng khi nào mẹ sợ thương con mà để con hư. Mẹ cứ như con gà mái nuôi con, bươi quào đượ hạt lúa, hạt ngô hay con sâu, cái kiến là túc túc, túc túc gọi hết đàn con mà chia cho nó.

Trong ánh mắt nhìn của mẹ, tất cả các con đều như nhau trong biển tình thương bao la: Không vì con trai mà quên con gái, không vì đứa nhỏ mà xao lãng đứa trưởng thành. Cha mẹ thương con thương đến tận cuộc đời, ngay cả lúc đã tàn hơi kiệt sức “*Mẹ già trăm tuổi còn thương con tám mươi*”.

Khi con thơ dại thì nuông niu bồng ẵm, buổi con đau ốm chạy vạy thuốc thang, thức trắng đêm dài quạt nòng ấp lạnh, ru hời ru hời, không hề than thở.

Khi con tập tễnh vào đời mẹ dõi mắt trông theo chân con từng bước một, mong sao con đừng vấp ngã. Và ngay cả khi con cái trưởng thành, lớn khôn; đôi mắt mẹ vẫn cứ mãi nhìn con như là tấm bé, nhỏ dại, thơ ngây. Cho dù con cái lớn năm, sáu bảy chục tuổi đời cũng không làm sao lớn được với mẹ.

Kinh Phổ Môn của đạo Phật có chữ: “*Từ nhân thị chúng sanh*”, ý nói các vị Phật, các vị Bồ Tát (như Bồ Tát Quán Thế Âm) bao giờ cũng thế, luôn luôn như thế: Dùng đôi mắt từ bi mà nhìn ngắm chúng sanh, nhìn ngắm cuộc đời. Chữ ấy mà đem dùng cho ánh mắt của mẹ, cách nhìn của mẹ, thì quả thực không còn chữ nào hay hơn được nữa: “*Mắt thương nhìn đàn con*”. Đã là mẹ, khi nào mẹ cũng lấy đôi mắt thương mà nhìn con. Con tưởng

con khôn ngoan láu lỉnh, khi thất bại giữa đường đời, bạn hữu gần xa lánh tránh, vợ cay đắng một mình, trở về với mẹ là sẽ thấy ngay. Mẹ dang đôi cánh tay hiền ôm lấy vai con, vò đầu rờ trán, áp sát mặt con lên ngực mẹ rồi mẹ vỗ về an ủi: “*Tội nghiệp con tôi, sao con tôi ra nông nỗi thế này*”. Nước mắt mẹ già sẽ sưng ẩm lòng con. Và giả thiết, đưa con hoang đàng chi địa, bất kể hiếu trung, bất tuân lễ nghĩa, phạm phải tội hình rồi ra sẽ chết. Pháp luật thế gian không hề cho phép, nhưng nếu mẹ được chết cho con sống mẹ vẫn sẵn sàng. Có vượn mẹ kia, đứng ở trên cây, đã nhảm tên độc, ruột đã đứt rời, biết mình sắp chết vẫn cứ ôm lấy vượn con cho đến khi trao trút hơi thở cuối cùng.

Tình cha mẹ thương con trên khắp cả thế gian này đều là như thế. Chính nhờ nền tảng tình thương của mẹ của cha ta mới học được bài học thương yêu người khác. Chính nhờ tình thương của cha mẹ mà ta học yêu thương cuộc đời, tình yêu và lễ sống chan hòa quyện lẫn với nhau.

Hằng năm, nhân ngày Vu Lan, chúng ta đã cùng nhau quy tụ dưới mái chùa. Ngày lễ Vu Lan chính là ngày nhắc nhở chúng ta học về hạnh hiếu và làm hạnh hiếu. Noi gương Đại hiếu Mục Kiền Liên, ròng rã bao nhiêu năm tinh cần tu học, vừa mới chứng được sáu thần thông là đã dùng ngay thần thông mắt dõi khắp ba cõi trời người tìm cho ra mẹ. Đã thấy mẹ đang chịu đói khát khổ đau liền bung cơm dâng nước cho mẹ, mẹ không dùng được thì trở về khóc lóc thiết tha nhờ Phật chở che cứu hộ. Đức Phật chỉ bày phương pháp thì tận tâm tận lực làm theo cho đến khi mẹ bình an thoát khổ Ngài mới an tâm thỏa dạ.

Có một nếp sinh hoạt hôm nay đã trở thành một phần nghi lễ trong ngày Vu Lan. Chúng ta cùng đứng trước ngôi Tam bảo mà cài hoa hồng cho nhau.

Đây chỉ là đóa hoa làm biểu tượng. Người còn mẹ sẽ được cài một đóa hoa hồng. Người mất mẹ sẽ được cài một đóa hoa trắng.

Người được cài đóa hoa hồng cảm nhận ngay một nguồn ân

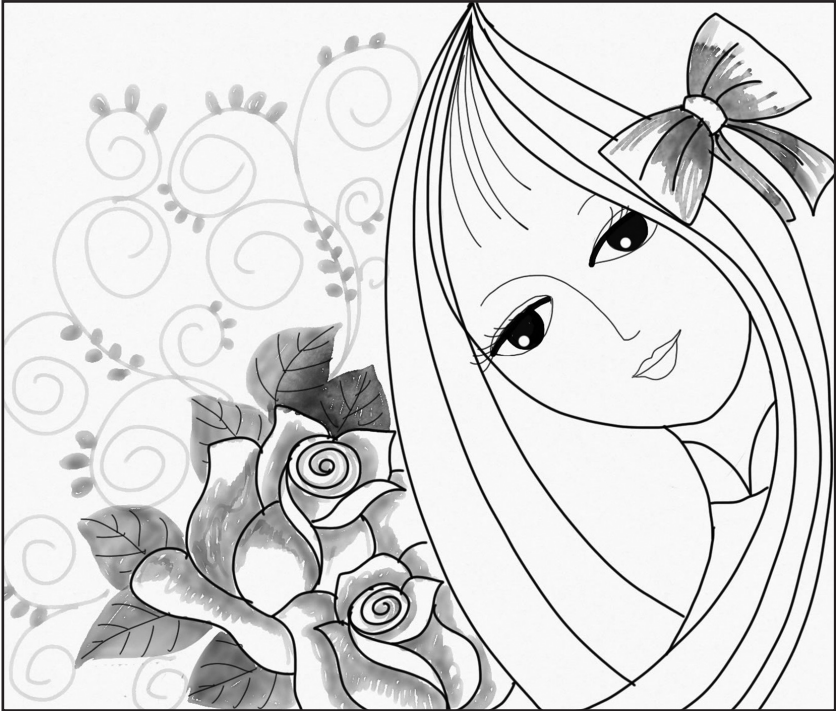
sủng lớn lao: Mẹ cha mình đang còn đó! Mình đang sống bình an trong vòng tay cha quý, mẹ hiền. Cha mẹ đã già yếu, mình phải ý thức sớm chăm sóc an ủi, vỗ về. Phải học lấy cách cha mẹ thương mình ra sao thì mình thương cha mẹ như thế ấy. Cha mẹ có vô tình xao lãng, nên khéo nhắc cha mẹ tu trì niệm Phật. Thậm chí mẹ cha đã lẫn đi rồi thì mình nên dành nhiều thì giờ kê miệng vào tai niệm Phật cho cha mẹ mình nghe. Đó chính là cách báo hiếu chân chính. Và nhìn lại đóa hoa được cài trên ngực áo chừ vị hôm nay mới thực tràn đầy ý nghĩa. Đối với những người đã vắng bóng mẹ cha, hôm nay, sẽ được cài một bông hoa màu trắng. Cúi nhìn đóa hoa tang trắng mình thấp sáng lên ý thức này: Mẹ cha mình hôm nay không còn có mặt ở giữa cuộc đời. Mình không nhìn thấy được con người thịt xương tứ đại của mẹ cha, không nghe được tiếng nói của mẹ cha, không thấy được hơi ấm bàn tay cha mẹ rờ lên mặt mình, trán mình.

Nhưng đã là Phật tử chân chính mình phải tập, phải vượt qua nhận thức đau khổ thường tình. Cha mẹ đã cho mình thấy ân sủng lớn là được làm người. Thân thể con người mình đây là do cha mẹ sinh thành. Mình còn đây thì cha mẹ vẫn còn đây. Và đúng như Pháp Phật đã chỉ bày, mình phải nhất tâm chú nguyện cho mẹ cha. Ngày chừ tăng Tụ Tứ, mình tùy theo hoàn cảnh gia đình, không nhiều thì ít, căn bản là tấm lòng thành, sắm sanh lễ vật, cúng dường tụ tứ. Thỉnh cầu mười phương hiện tiền chừ Tăng Ni chú nguyện cho linh thức mẹ cha thoát khỏi u đồ, siêu sanh lạc quốc. Đó là cách báo đáp công ơn cha mẹ đúng chánh pháp nhất và hiệu quả cao nhất. Có như thế nhìn lại đóa hoa được cài trên ngực áo mình hôm nay mới thực sự có ý nghĩa.

*Bông hồng hình ảnh mẹ
Lặng lẽ vào chiều sâu
Bình minh nhân loại hé
Ánh kim cương nhiệm màu.*

H.P

Đón Vu Lan *Mừng Ngày Hiền Mẫu*



KHÁNH LINH

Trong lễ Vu Lan, ngày Rằm tháng 7 âm lịch, có hai phương thức hành lễ khác nhau nhưng được thực hiện cùng chung một ngày: Lễ thí thực và lễ báo hiếu. Lễ thí thực là lễ cúng các cô hồn, các vong hồn được mời đến hưởng các lễ vật cúng tế, và các vị Tăng Ni, Phật tử tụng đọc kinh Phật cầu nguyện cho các vong hồn của người chết còn trôi nổi được siêu thoát.

Theo tục lệ trong dân gian thì lễ Vu Lan là ngày giỗ chung cho tất cả các vong linh không ai thờ phượng. Tuy nhiên, theo đà tiến hóa của nhân loại, lễ này ngày nay rất mờ nhạt, mất tính!. Vì vậy, tô nét hình hươg lên Vu Lan không gì hơn là lễ báo hiếu.

1. Vạn cổ tình thâm Ngày của Mẹ

Không riêng gì ở Việt Nam mà cả thế giới, ngày Hiền Mẫu hay Ngày của Mẹ là một ngày kỷ niệm để tôn vinh các người mẹ và tình mẹ, ảnh hưởng của các bà mẹ trong xã hội. Lễ này được tổ chức vào các ngày khác nhau ở nhiều nơi. Ngày này được khởi xướng bởi bà Anna Marie Jarvis tại thành phố Grafton, tiểu bang Tây Virginia, Hoa Kỳ, để tôn vinh những người mẹ hiền, đặc biệt là trong khung cảnh của mái ấm gia đình. Theo truyền thống của Hoa Kỳ và đa số các quốc gia trên thế giới, ngày nay, ngày Hiền Mẫu được tổ chức hằng năm vào ngày Chủ nhật thứ nhì của tháng 5. Một số quốc gia khác cũng có các ngày lễ tương tự được tổ chức vào các ngày khác trong năm.

Theo đó, vào buổi sáng ngày lễ “Mother’s Day”, con cái những gia đình Mỹ, theo truyền thống, phục vụ bữa sáng cho mẹ ở ngay trên giường. Một số người khác lại tặng mẹ những món quà do chính mình tự làm ra, (không mua những món quà do các công ty chế tạo sẵn, vì như thế khiến các con lười biếng, và sẽ mất hết ý nghĩa cao quý). Trong dịp này, người lớn thì tặng mẹ hoa cẩm chướng màu đỏ - loại hoa chính thức của “Ngày của Mẹ”. Nếu mẹ đã mất thì có thể sẽ mang hoa cẩm chướng màu trắng đặt trên mộ.

Ở Việt Nam, theo nghi thức “*lễ Báo hiếu*” của Phật giáo trong ngày lễ Vu Lan truyền thống, người ta sẽ cúng đồ ăn như cháo, bánh, hoa quả, quần áo và cả các vật dụng khác làm bằng giấy.

Nay dần dần đã chuyển sang hình thức “Bông Hồng Cài Áo”. Vào năm 1962, tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn, trụ sở của Hội Phật học Nam Việt, lần đầu tiên đoàn sinh viên học sinh Phật tử đã tổ chức buổi lễ theo hình thức này. Tất cả những người tham dự đều được gắn hoa trên áo. Người nào còn mẹ thì được cài hoa màu hồng, mất mẹ thì được cài hoa màu trắng. Nghi thức tổ chức buổi lễ đơn giản nhưng thật trang nghiêm, đã tạo được một ý thức rất mạnh về tình mẫu tử. Bởi vậy, buổi lễ này đã làm rung động tận đáy lòng người tham dự, khiến không ai cầm nổi nước mắt. Kể từ năm 1962 trở đi, hàng năm cứ đến ngày Vu Lan là mọi Phật tử đều tổ chức lễ Bông Hồng Cài Áo: “*Một bông hoa tỏa sáng niềm thông suốt/ Cánh mượt mà tỏa sắc tỏa hương mơ/ Con kính dâng Bông Hồng thương tặng Mẹ!*”.

Tất cả mọi Phật tử đều coi đó như là một ngày lễ truyền thống đáng quý. Người ta lấy hai bông hồng kết lại thành một đóa: Đóa hoa tượng trưng cho cha hơi cao hơn một chút để dễ phân biệt với đóa hoa kia tượng trưng cho mẹ. Cành hoa màu hồng tượng trưng cho cha hoặc mẹ vẫn còn, cành hoa màu trắng tượng trưng cho cha hoặc mẹ đã khuất bóng. Thật ra, sáng kiến trên là bởi duyên do: “*Có một ngày tôi (thầy Nhất Hạnh) đi với thầy Thiên Ân tới nhà sách ở khu Ginza, Đông Kinh, nửa đường gặp mấy người sinh viên Nhật, bạn của thầy Thiên Ân. Có một cô hỏi nhỏ thầy Thiên Ân một câu, rồi lấy ở trong túi xách ra một bông hoa cắm chướng màu trắng cài vào khuy áo tràng của tôi*”. Một nghĩa cử quá tuyệt, chạm đến trái tim thầy Nhất Hạnh, truyền cảm hứng, ông liền viết bài “Bông Hồng Cài Áo” cho Việt Nam. Vì vậy, “*Minh nên hiểu chữ hồng (...) là đỏ. Cài hoa khác như hoa cắm chướng cũng có màu đỏ. Không nhất thiết phải là hoa hồng, bất cứ hoa gì cũng được, kể cả hoa lan*”. Trong tùy bút của mình, Thiên sư Nhất Hạnh tâm sự: “*Ý niệm về Mẹ thường không thể tách rời ý niệm về tình thương. Mà tình thương là một chất liệu ngọt ngào, êm dịu và cố nhiên là ngon lành. Con trẻ thiếu tình thương*

thì không thể lớn lên được. Người lớn thiếu tình thương thì cần cỗi, héo mòn”. Được biết, trong dịp về thăm Việt Nam đầu tiên, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã tặng tùy bút “Bông Hồng Cài Áo” cho nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ. Từ đoản văn này, nhạc sĩ Phạm Thế Mỹ đã phóng tác ra một nhạc phẩm mang cùng tên “Bông Hồng Cài Áo” rất nổi tiếng - khiến đoản văn “Bông Hồng Cài Áo” của thầy Nhất Hạnh càng được chấp cánh bay xa: “*Một bông hồng cho em, một bông hồng cho anh. Và một bông hồng cho những ai, cho những ai đang còn mẹ (...), mẹ, mẹ là dòng suối dịu hiền. Mẹ, mẹ là bài hát thân tiên. Là bóng mát trên cao. Là mắt sáng trăng sao. Là ánh đuốc trong đêm khi lạc lối*”.

2. Bản đồng ca của tình mẫu tử

“*Có tát cạn biển Đông mới tỏ tường lòng mẹ/ Không trèo qua non Thái sao thấu hiểu tình cha*”. Đó là câu tục ngữ mà hầu như bất cứ người Việt Nam nào cũng đều thấu hiểu đồng thời thấm thía một đôi câu hát trữ tình của Y Vân qua ca khúc “Lòng Mẹ” (1959): “*Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào. Lời ru êm ái như đồng lúa chiều rì rào. Tiếng ru bên thềm trăng tà soi bóng mẹ yêu...*”. Nhạc không cầu trúc cầu kỳ, nhưng êm ái như lời ru; lời bình dị, nhưng rất giàu hình tượng. Ai đó đã nói: “*Lòng mẹ là nơi ẩn náu yên ổn nhất*”, bởi: “*Lòng Mẹ thương con như vàng trắng tròn mùa thu/ Tình mẹ yêu mến như làn gió đùa mặt hồ...*”

Mỗi đứa con sinh ra bao giờ cũng có một sợi dây gắn kết vô hình lạ kỳ với hai đấng sinh thành. Nếu như cha, thường biểu trưng cho những gì kiêu hùng, nghiêm khắc thì mẹ là hình ảnh của sự gần gũi, dịu dàng và bao dung. Có lẽ vì vậy mà những bài thơ, bài ca, điệu hát viết về mẹ nhiều hơn và dễ khiến người ta mỉm lòng hơn. Đã là con thì không thể không thương mẹ, nhưng hình như đứa con thường hay quá vô tình. Trong niềm vui hạnh phúc, phần đông đứa con ít nghĩ, ít nhớ về Mẹ. Cho đến khi “*Gót danh lợi bùn pha sắc xám/ Mặt phong trần nắng râm mùi dâu*”

thì người con mới hướng về bầu trời tâm linh của mẹ. Bởi, tình thương của mẹ bao la biển bờ. Bởi, mẹ luôn là chỗ dựa, là bến đỗ bình yên nhất cho mỗi đứa con. Mẹ hy sinh và cho đi tất cả mà chưa bao giờ đòi hỏi báo đáp. Niềm vui của mẹ là được nhìn thấy nụ cười trên môi con, thấy con an yên và vững vàng giữa dòng đời trôi nổi. Thi sĩ Du Tử Lê ví ca khúc *Lòng mẹ* của nhạc sĩ Y Vân là “bản quốc ca của tình mẫu tử” bởi sự giản dị, gần gũi của ca từ, giai điệu đã ăn sâu vào lòng người. Và còn bởi, bài hát đã khái quát được hết sự hy sinh, dãi dầu mưa nắng, tình thương bao la của mẹ dành cho con: “...*Thương con thao thức bao đêm trường/ Con đà yên giấc, Mẹ hiền vui sướng biết bao/ Thương con khuya sớm bao tháng ngày/ Lặn lội gieo neo nuôi con tới ngày lớn khôn... Mẹ hiền sớm tối khuyên nhủ bao lời mẫn mà/ Khắc ghi bên lòng con trẻ muôn bước đường xa...*”

3. Mỗi mùa xuân mới con mừng tuổi mẹ

Chúng ta đều biết, cứ mỗi lần Tết đến, mọi người Việt Nam đều mừng tuổi cha mẹ ông bà của mình. “*Mỗi mùa xuân về mẹ thêm tuổi mới*”. Nhưng có biết bao nhiêu người vì hoàn cảnh mà không thể gặp mẹ. Mỗi một năm, một mùa xuân sang rồi theo cùng năm tháng chồng chất tái tiếp, con người mãi bươn chải với cuộc sống khiến sự chia xa giữa người mẹ với người con ngày một nhiều hơn. Đây là việc ngoài ý muốn của con người, nhưng tâm lý người ta luôn che đậy sự thật, khi mẹ đã già thì khó thoát nổi được cái chết! Nên phải dựa vào sự ước mơ như một huyền thoại: Luôn tin tưởng mẹ của mình còn trẻ trung như ngày ta còn thơ bé: “*Dù biết như thế. Tôi vẫn phải tin, tôi vẫn phải tin mẹ tôi còn trẻ...*”.

“*Mỗi mùa xuân sang/ Mẹ tôi già thêm một tuổi. Mỗi mùa xuân sang ngày tôi xa Mẹ càng gần*”. Và cũng lần theo định luật vô thường ai cũng phải trở về cát bụi, cũng phải xa con! Bất cứ ai làm con cũng phải bù ngùi, thở than, khóc lóc: “*Mẹ già như chuối chín cây/ Gió lay mẹ rụng, con phải mò coi*”. Có thể nói,

“*Mừng tuổi mẹ*” của nhạc sĩ Trần Long Ẩn chính là sự biểu hiện truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, nhớ về cội nguồn, nhớ về những đấng sinh thành. Mộc mạc, chân chất như một người mẹ quê, đã gieo vào lòng người nghe nỗi niềm thương cảm, xúc động đến rơi nước mắt. Bài hát không chỉ có ý nghĩa đối với những người đang sống mà cả đối với những người đã khuất. Hơn thế nữa, còn để mọi người hôm nay có dịp soi rọi mình đã sống có nghĩa, có tình với cha mẹ chưa, góp phần phát huy truyền thống đạo đức, và tinh hoa văn hóa, đậm đà bản sắc của dân tộc.

Hình ảnh người mẹ luôn là nguồn cảm hứng sáng tác của bao thế hệ nhà văn, nhà thơ, họa sĩ. Nhất là văn hóa tâm linh. Bằng ngôn ngữ riêng của từng loại hình nghệ thuật, hình ảnh người mẹ được khắc họa, ngợi ca dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong âm nhạc, hình ảnh người mẹ không chỉ được thể hiện qua giai điệu ngọt ngào, thiết tha, êm đềm, sâu lắng, trữ tình mà còn được khắc họa qua ca từ đã được các tác giả gọt giũa, chắt lọc.

4. Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc!

Hình ảnh mẹ già là cả khung trời miền quê, có đặc sản thơm, ngon, dịu ngọt. Mặc dù khi già thì “*tóc bạc da mồi*”, “*như chuối chín cây*”, nhưng năng lượng yêu thương của mẹ, “một” mực không thay đổi, được hình tượng như xôi nếp một, tức “nếp rặt” (chỉ toàn một thứ, một loại, không xen lẫn thứ khác). Một nghĩa khác, tuy mẹ có thể nhiều con nhưng con chỉ có “một” mẹ duy nhất! Lại nữa, lời ru của mẹ dịu dàng êm ái, ngọt ngào như đường mía lau... Ở nông thôn, không có thứ gì giá trị ngoài nông sản, vì nó đã nuôi sống bao con người. Ca dao lấy đặc sản làm tự hào, ẩn dụ tính cao cả đại diện cho bà mẹ Việt Nam!

Người mẹ là biểu tượng cho lương tâm, nên thầy thuốc mà có lương tâm thì được xem như từ mẫu, “lương y như từ mẫu”, nhưng trong thực tế cuộc sống thì “từ mẫu hóa lương y” có lẽ còn chuẩn xác hơn. Bởi lẽ, những lúc ốm đau chính người mẹ khám bệnh cho ta, mẹ chính là “bác sĩ” đầu đời của ta. Mẹ đặt

bàn tay “luơng y” lên trán để cảm nhận nhiệt độ nóng lạnh của ta, mẹ hạch hỏi đủ điều để tìm nguyên nhân gây bệnh, lúc nào cũng chăm sóc từ tấm bé cho đến lúc trưởng thành, luôn hết lòng trong tinh thần bầu sữa và núm ruột!

Không chỉ vậy, mẹ còn là vị giáo sư “văn hóa đa năng” đáng kính, một phân khoa quan trọng nhất trong trường đại học cuộc đời. Nếu “*Cha một đời oằn vai gánh nặng*” thì “*Mẹ một đời đôi dép lác bàn chân*”. Bời tất bật, lo toan hàng khối việc, làm sao mẹ tỉnh táo mà nhớ đôi dép để đâu! Hoặc có nhớ cũng xô lộn mặt qua trái! Câu chuyện kể về một hành giả cất công đi hết sông dài biển rộng, trèo non lặn suối để tìm Phật. Qua bao năm tháng dãi dầu mưa nắng, thân tàn sức kiệt đến nỗi đôi giày cũng phải rách nhưng vẫn không gặp Phật. May mắn thay, có một nhà hiền đức mách bảo: “*Ngài ráng đi thêm nữa, chừng nào gặp một người dáng đi yếu ớt, chân mang đôi dép ngược thì đích thực chính là Phật mà Ngài đang tìm*”... Gần trọn kiếp người mà tìm mãi vẫn không thấy, chán nản quá người ấy quay trở về nhà. Bà mẹ nghe tin con về mừng quá, vội xỏ nhầm đôi dép ngược ra đón. Chừng ấy người mới ngộ ra, mẹ chính là Phật mà ta đang tìm kiếm. Ca dao có câu rất sâu sắc: “*Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là chân tu*”. Vì vậy, cha mẹ là món quà lớn nhất mà Thượng đế ban tặng cho ta, những ai đã và đang có mẹ. Đừng phải đợi đến: “*Mẹ mỗi ngày thêm già cõi. Cuộc hành trình thăm lạng phía hoàng hôn*”. Hoặc đến khi mẹ chết rồi mới mong mọi người đưa đón: “*Anh đã bao lần dừng lại trên phố quen, ngả nón đứng chào xe tang qua phố. Ai mất mẹ?*”. Mẹ đã phải suốt đời bấp nức vá may, thức khuya dậy sớm tảo tần mưa nắng, “đăng”, “đê” vụn sự. Do vậy, làm con phải biết chia sẻ cái bận rộn trong gia đình mà ra sức chuyên cần, phụ giúp công việc cho cha mẹ. Nếu chẳng may, gia cảnh nghèo, mình cũng đừng vô lễ trách cứ mẹ cha mà lỗi đạo với đấng sinh thành. Người xưa dạy: “*Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo*”. Cho nên nhà nghèo mới biết con hiếu,

“*gia bản tri hiếu tử*” là vậy. Điều cốt yếu là không chỉ vì bả lợi danh mà quên đi tấm lòng của mẹ cha; hay cha mẹ còn sống mà chẳng cho ăn đến khi mất rồi mới làm chay to đám bự: “*Con sẽ không đợi một ngày kia khi mẹ mất đi mới giặt mình khóc lóc. Những dòng sông trôi đi có trở lại bao giờ.*”

Biển Đông có lúc vui đầy. Chứ lòng cha mẹ biển trời nào dâng. Nhờ mẹ mà ta biết thế nào là tình yêu; nhờ mẹ mà ta có chút ý niệm về đức từ bi, nên ý niệm mẹ bao trùm ý niệm thương yêu của tôn giáo: “*Hãy yêu thương nhau như con một mẹ*”. Đạo Phật có đức Quán Thế Âm được tôn sùng dưới hình thức mẹ. Đạo Chúa có Đức Mẹ, Thánh nữ đồng trinh Maria. Tín ngưỡng dân gian người Việt có Thánh mẫu Liễu Hạnh, cũng dưới hình thức mẹ. Đạo Phật giáo Hòa Hảo có giáo lý Tứ Ân, đặt nặng ân tổ tiên cha mẹ lên “*đệ nhất ân*” (trước ân Tam Bảo). Cuộc đời của mẹ trở thành “*danh ngôn cuộc sống*” được đúc kết từ bao đời, thể hiện qua ca dao, tục ngữ. Nó tuôn chảy khắp sông dài đất rộng, vút tận núi tận mây, hòa quyện thoáng đãng trong trời cao biển cả, nung chí nung lòng... Nó kỳ diệu, cảm hóa và lay động bao trái tim người!

5. Tâm hiếu là tâm Phật, hạnh hiếu là hạnh Phật

“*Ngôn ngữ trần gian như túi rách/ Đựng sao đầy hai tiếng mẹ cha*”. Quả thật, dầu ta có diễn tả thế nào cũng không hết, viết hay thế nào cũng không xong về ý nghĩa cao vời ấy. “*Vì cuộc sống, mẹ suốt đời lam lũ. Vì con vui, mẹ gánh hết buồn đau*”. Đã là một người mẹ, thiên chức ấy không bao giờ thực sự cô độc trong suy nghĩ của mình. Một người mẹ luôn phải nghĩ hai lần, một lần cho bản thân và một lần cho con cái. *Vũ trụ không có nhiều kỳ quan, nhưng kỳ quan tuyệt phẩm nhất là trái tim người mẹ.* Trái tim của người mẹ là vực sâu muôn trượng mà ở dưới đáy, bạn sẽ luôn tìm thấy sự thứ tha, tình cảm siêu năng lượng của mẹ tràn đầy vô biên không thể cân, đo, đong đếm được! Do vậy, trọng trách, bổn phận của con người phải “*cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*”. Nhưng

hiếu thì cũng do tình thương mà có; không có tình thương từ trong tâm não thì hiếu cũng chỉ là giả tạo, khô khan, vụng về, cố gắng mệt nhọc. Mà có tình thương là có đủ hết rồi, cần chi nói đến bốn phận. Thương mẹ là một cái gì rất tự nhiên, như đói thì ăn, khát thì uống. Con có mặt trên đời này là nhờ có mẹ, phải thương mẹ. Chữ “phải” đây không phải là luân lý, là bốn phận mà “phải” đây là lý đương nhiên. Con đương nhiên thương mẹ như trái đất đương nhiên phải có sự sống cho muôn loài. Và điều cần nhất là phải biết *“Đi khắp thế gian không ai sánh bằng mẹ/ Gian khổ cuộc đời ai nặng gánh hơn cha”*.

Tương lai của con là công trình của mẹ. Trên đời này, hầu hết những gì là đẹp đều hiện ra như hai, như ba, như hàng tá hay hàng trăm thứ. Nhiều như thể những bông hồng, những buổi hoàng hôn, những cầu vồng, những anh chị, những chú bác cô dì và anh em họ; nhưng trên cả thế giới, ta luôn luôn chỉ có MỘT bà mẹ mà thôi! Nghề đẹp nhất, quan trọng nhất trong tất cả mọi nghề, là thiên chức làm mẹ. Đó là nghề đòi hỏi nhiều tri thức nhất trong lãnh vực khoa học nhân bản: *“Nước biển mênh mông không đong đầy tình mẹ/ Mây trời lồng lộng không phủ kín công cha”*. Ta hãy tôn vinh mẹ, tôn vinh cha trong trái tim: *“Mẹ cha là kẻ trọng ân/ Dưỡng nuôi báo hiếu lúc thân tuổi già”*. Thương cha mẹ ta hãy ngày hai thời đều phụng hành bài Tây Phương ngũ nguyện. Cầu cho *“Tông Tổ siêu thăng Phật đài”*. Trong hàng số sáu trăm lời nguyện thứ ba: *“Nam mô tam nguyện cầu: Phụ mẫu tại đường tăng long phước thọ, phụ mẫu quá khứ trực vãng Tây phương. Một năm 365 ngày nguyện 700 lần, được kết tinh “một khối tinh” cao đẹp. Tin tưởng rằng, lời nguyện chân thật ấy sẽ được chuyển hóa thành lễ vật quý báu để kính dâng lên ngày của mẹ trong dịp lễ Vu Lan.*

Ngày Của Mẹ, Rưng Buồn

*Đã ba năm rồi tình mẹ vắng cha xa
Dẫu chúng con trưởng thành gia thất
Làm sao quên cuối tuần đều có mặt
Mừng tuổi già chúc thọ trăm năm*

*Để được nghe lời chỉ dạy thâm ân
Êm ái ngọt ngào nhờ cây cao bóng cả
Nhánh sâu đâu vườn sau vẫn mơn mớn lá
Đâu rồi dẫu tay chai hay làm lụng chắt chiu*

*Tươi nước vun phân hoa kiểng sớm chiều
Thời con gái quen nếp nhà cơ cực
Theo chồng nổi trôi bèo bọt sông nước
Buôn gánh bán bưng rày đó mai đây*

*Bây giờ hai đáng từ thân về với gió mây
Chưa cuối Đông sao lòng rưng buốt lạnh
Như đờn đứt dây mỗi hoàng hôn cô quạnh
Con khe khẽ hát thầm điệu lý mù sương*

Bất chợt mưa chiều ngùi thương nhớ mẹ mình ên!

Cái đẹp của người tu

*Tâm con yên lặng như gương tròn sáng
Tâm con trong sạch như ánh nguyệt tròn
Tâm con từ bi như tuyết phủ núi sông
Tâm con quảng đại như cam lồ pháp vũ.*

*Tâm là Phật như đóa sen vàng
Tâm là đức hạnh như ngàn hoa đua nở
Tâm con chẳng yêu mùi tục lụy
Nào khác chi sương rơi đỉnh núi.*

*Tâm con chẳng tham sân si
Nào khác chi gió mùa xuân thổi nhẹ
Tâm con thiện lành là mỹ sắc thanh lương
Tâm con nhẫn nhục hiếu đạo.*

*Cũng như ngày xuân vô tận
Tâm bình đẳng là tình cao thượng
Tâm bác ái ái nộ cười chur Phật
Tâm hỷ xả là ánh sáng Như lai.*

*Tâm giác ngộ là rừng bửu báu
Tâm ly trần là thắng cảnh Tây phương
Tâm vô ngại là Nhật Quang Bồ tát
Tâm vô chấp là đoạn diệt não sầu.*

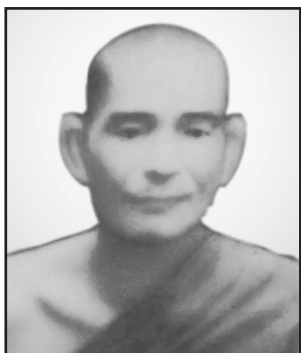
*Tâm như lưu ly bích ngọc
Tâm như Nguyệt Quang Bồ tát
Tâm tự hồi là mùi trầm thượng hảo
Tâm cầu tu là cái đẹp thiên hương.*

Hòa Thượng THIÊN PHƯỚC - NHỰT Ý

(1924 - 1986)

(nhân kỷ niệm 31 năm ngày đức Tôn sư viên tịch)

CÁC MỐC THỜI GIAN ĐÁNG GHI NHỚ CỦA CUỘC ĐỜI ĐỨC TÔN SƯ THIÊN PHƯỚC - NHỰT Ý



- **1924:** Đức Tôn sư sinh vào thời điểm 06 giờ sáng, tiết Đại Thử, ngày mùng 01 tháng Bảy năm Giáp Tý (1924) tại thôn Nhật Tảo, làng An Nhật Tân, quận Thủ Thừa, tỉnh Long An. Thân phụ là cụ Lê Văn Đầu, nhà Nho học uyên thâm; thân mẫu là bà Nguyễn Thị Hoạch, một phụ nữ trọn vẹn tam tòng tứ đức.

-**1954:** Có duyên lành nương náu nơi tổ đình Bửu Quang (núi Dài, Văn Liên, Ba Chúc, An Giang), học đạo với

Đức sư ông thượng Bửu hạ Đức. Sau 8 tháng công phu công quả, chính nơi đây, Ngài đã đắc pháp với Đức Ông và được thọ ký về hành đạo tại miền Đông Nam bộ.

- **1956:** Theo lời dạy của Đức Sư ông, ngài về Long Sơn cô tự cầu pháp với Hòa thượng Hồng Ân - Trí Châu (dòng Lâm Tế Chánh Tông thứ 40) và được ấn chứng làm đệ tử thừa truyền dòng Lâm Tế Chánh Tông thứ 41.

Nơi tổ đình này, ngài được đồng đạo đệ tử quy y thọ pháp, trong số đó có một vị đại đệ tử sau này là Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác, vị Tổ thứ hai của Liên tông Tịnh độ Non Bồng.

- **1957:** Ngài được bổ nhiệm làm Trụ trì tổ đình Linh Sơn cô tự, một ngôi già lam được khai sơn đã hơn 200 năm trên lưng

chùng sườn phía Tây núi Dinh, thuộc xã Hội Bài, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do Ngài Yết Ma Sở làm quản tự.

- **1959:** Dưới sự chủ trì của đức sư ông thượng Bửu hạ Đức và đức Tôn sư thượng Thiện hạ Phước, Liên tông Tịnh độ Non Bồng được khai sơn tại tổ đình Linh Sơn Cổ Tự (núi Dinh) ngày 19 tháng giêng năm Kỷ Hợi (1959), theo Ủy nhiệm thư số 78/TĐ.TU của Trung ương Phật giáo Tịnh Độ Tông do Chủ tịch Hội Phật giáo Tịnh Độ tông Việt Nam ký ngày 24 tháng 02 năm 1959 (PL. 2503), chấp thuận cho sinh hoạt theo hệ thống Tịnh Độ tông Việt Nam.

Từ lúc khai sơn đến nay (2017), Liên tông Tịnh độ Non Bồng đã phát triển lên hơn 170 tự viện trên toàn quốc, với trên 1.300 Tăng Ni và khoảng 1,3 triệu Phật tử đang tu học.

- **1961:** Tại Tổ đình Linh Sơn cổ tự, đức Tôn sư thành lập Phật giáo Từ thiện - Xã hội miền Đông, cụ thể là cô nhi viện Long Phước Thọ, nuôi dưỡng trên 200 trẻ em là nạn nhân chiến tranh tại địa phương.

- **1962:** Cũng tại tổ đình Linh Sơn cổ tự, đức Tôn sư thành lập Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo, là nơi trú xứ tu học của hơn 300 Tăng Ni sinh với các vị giáo thọ là các bậc tôn đức xuất thân từ Giáo hội Tăng già Nam Việt, Giáo hội Tăng già Khất sĩ, hoặc các sư trưởng là hàng đệ tử của đức Pháp chủ đại lão Hòa thượng Khánh Anh.

- **1965:** Chiến tranh lan rộng tại miền Đông Nam bộ, ngày 30 tháng 7 năm Ất Ty (1965), toàn bộ cụm Tổ đình Linh Sơn cổ tự cùng các cơ sở phụ trợ khác như: Cô Nhi viện Phước Lộc Thọ, Phật học đường Tây Phương Bồng Đảo,... bị dội bom tiêu hủy, gây thương vong cho 12 tu sĩ, cô nhi và thương tích nặng cho 30 Tăng Ni Phật tử.

Do tình trạng chiến tranh lan rộng, toàn bộ Tăng Ni và Phật tử từ tổ đình Linh Sơn cổ tự lúc bấy giờ phải tản cư về một số các ngôi chùa khác như: chùa Phổ Hiền (Tân Thành), tịnh xá Thắng

Liên Hoa (cù lao Phó), Nhứt Nguyên Bửu Tự (Lái Thiêu), tịnh xá Thiện Chơn (Bà Điểm), chùa Phước Thiện An (Hóc Môn), chùa Long Phước Thọ (Long Thành)...

- **1966:** Đức Tôn sư chỉ thị cho Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác đứng ra thành lập tổ đình Quan Âm Tu Viện (Biên Hòa - Đồng Nai), là ngôi già lam tôn thờ chư Phật, chư Tổ của Liên Tông và cũng là nơi quy hướng cho hàng Phật tử xuất gia cũng như tại gia.

- **1966:** Đức Tôn sư khai mạc khóa tu “Bách Nhật Trì Danh” tại Nhứt Nguyên Bửu Tự (Lái Thiêu), quy tụ tứ chúng đồng tu niệm Phật trong 100 ngày, từ mùng 8 tháng 8 năm Bính Ngọ (1966) và kết thúc vào ngày vía Phật A Di Đà 17 tháng 11 cùng năm.

Kể từ đó về sau, hàng năm, Nhứt Nguyên Bửu Tự đều chốt thời điểm trên làm thời khóa tu học cho các hành giả Tịnh độ. Tính đến nay (Đinh Dậu - 2017), Liên tông Tịnh độ đã tổ chức được 52 khóa tu, mỗi khóa quy tụ hàng ngàn Tăng Ni Phật tử về tu học.

- **1975:** Noi theo tinh thần Tổ Bách Trượng, đức Tôn sư thành lập 09 ban Nông Thiên tại 09 tự viện trong tông phong: chùa Long Phước Thọ, Quan Âm Tu Viện, Bửu Hoa Ni Viện, Nhứt Nguyên Bửu Tự, chùa Thiên Quang, Long Sơn cổ tự, Tổ đình Linh Sơn 1 và 2, tịnh xá Thăng Liên Hoa.

- **1981:** Tăng Ni Phật tử thuộc Liên tông Tịnh độ Non Bồng phối hợp với địa phương thực hiện dự án trồng gần 100 mẫu rừng bạch đàn, trầm bông vàng, sao, dầu... tại khu vực núi Dinh.

- **1986:** Đức Tôn sư thượng Thiện hạ Phước sau một thời gian lâm bệnh, đã an tường xả bỏ báo thân vào lúc 23 giờ 30 ngày 30 tháng Bảy năm Bính Dần (1986), hưởng thọ 64 tuổi, để lại cho đời một sự nghiệp đạo pháp - dân tộc đồ sộ, cùng sự thương tiếc và lòng tôn kính vô biên của hàng hàng lớp lớp Phật tử xuất gia cũng như tại gia.

HT. THÍCH GIÁC QUANG

LỄ KHÁNH TUẾ ĐỨC TÔNG TRƯỞNG

Lễ Khánh Tuế lần thứ 81 của Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác - Tông trưởng Liên tông Tịnh độ Non Bồng kiêm Viện chủ Quan Âm Tu Viện đã được chư Tăng Ni và quý Phật tử long trọng tổ chức vào ngày 25/6/2017 (nhằm mừng 2/6/Đình Dậu) tại Quan Âm Tu Viện (Biên Hòa - Đồng Nai).

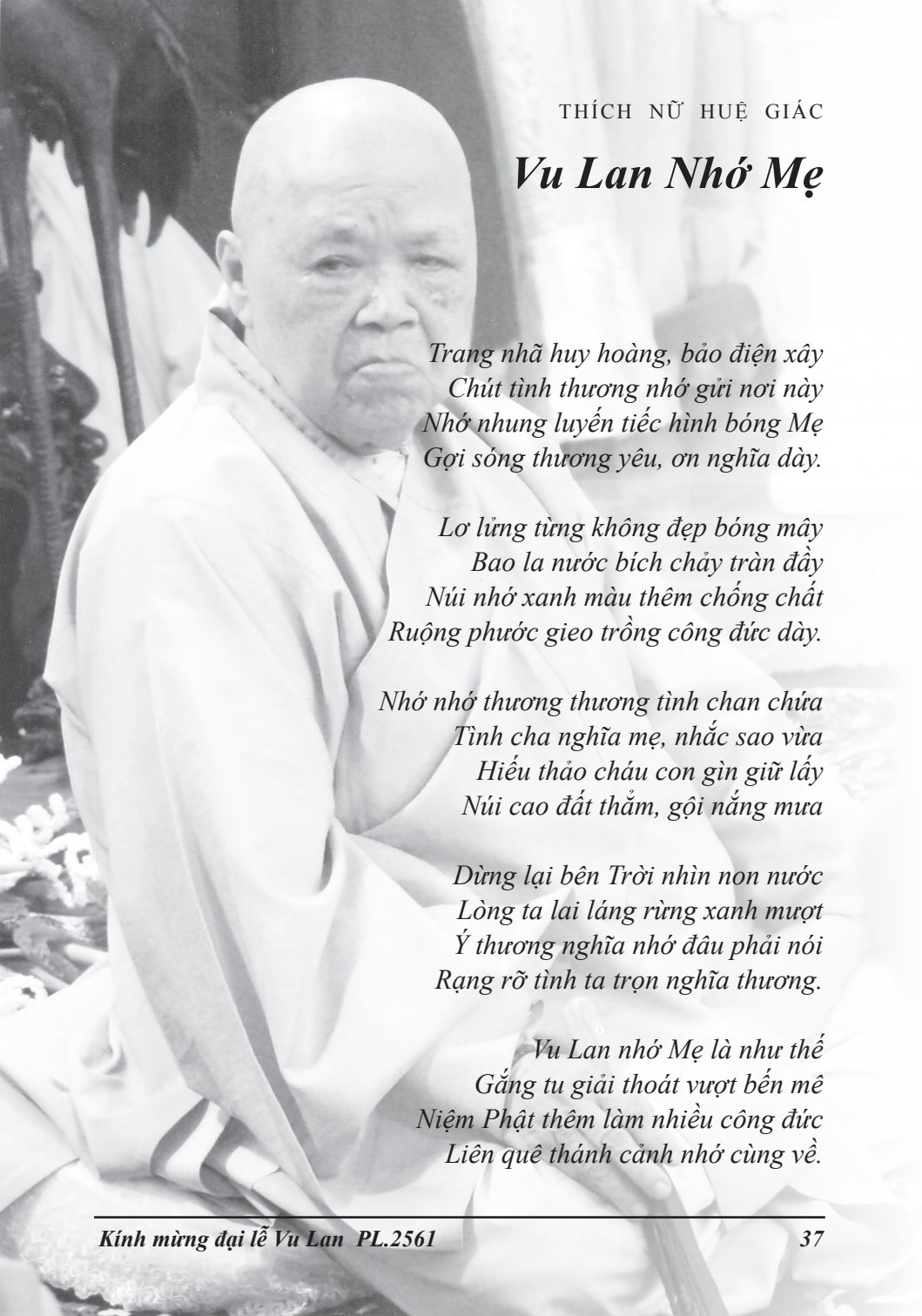
Tham dự buổi lễ có Hòa thượng Thích Huệ Hải - Trụ trì chùa Tịnh Độ (Bà Rịa), Hòa thượng Thích Giác Quang - Trưởng ban Tăng sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Thượng tọa Thích Thiện Tài - Trưởng ban Trị sự GHPGVN Quận 8,... gần 500 chư Tăng Ni và hơn 1.000 Phật tử tại 175 ngôi chùa, tự viện, tịnh thất, tịnh xá thuộc Liên tông trên toàn quốc.

Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác sinh ngày mừng 2 tháng 6 năm Đinh Sửu (1937) tại Tân Uyên (Bình Dương), thiếu thời là nữ sinh nội trú trường Nữ Trung học Gia Long (tức Nguyễn Thị Minh Khai ngày nay). Năm 18 tuổi, quy y với Hòa thượng Thích Trí Châu (dòng Lâm Tế Gia Phổ thứ 40). Năm 21 tuổi xuất gia với Hòa thượng Tôn sư Thiện Phước - Nhựt Ý tại tổ đình Linh Sơn (núi Dinh - Bà Rịa) và là đệ tử được đức Tôn sư truyền trao tâm pháp, kế vị sơ tổ Liên tông sau khi đức Tôn sư viên tịch vào năm 1986.

Đức Tông trưởng Thích Nữ Huệ Giác là vị lãnh đạo tông phong nối tiếp truyền thống tu học của đức Tôn sư Thiện Phước - Nhựt Ý, có công lớn trong Phật sự trùng tu và phát triển các ngôi già lam trực thuộc Liên tông; Ngài ưu tiên cho việc tu học của Tăng Ni, Phật tử, lấy pháp môn Tịnh độ làm căn bản giải thoát.

Lễ Khánh Tuế hàng năm của Ngài cũng là dịp để họp mặt các vị giáo phẩm trong tông phong, đồng thời là cơ duyên để hàng đệ tử xuất gia cũng như tại gia được trực tiếp lắng nghe pháp thoại, đồng thời cảm nhận những mẫu nhiệm Phật pháp từ thân giáo của Ngài.

HƯƠNG THIỀN



THÍCH NỮ HUỆ GIÁC

Vu Lan Nhớ Mẹ

*Trang nhã huy hoàng, bảo điện xây
Chút tình thương nhớ gửi nơi này
Nhớ nhung luyến tiếc hình bóng Mẹ
Gợi sóng thương yêu, ơn nghĩa dày.*

*Lơ lửng tình không đẹp bóng mây
Bao la nước bích chảy tràn đầy
Núi nhớ xanh màu thêm chóng chất
Ruộng phước gieo trồng công đức dày.*

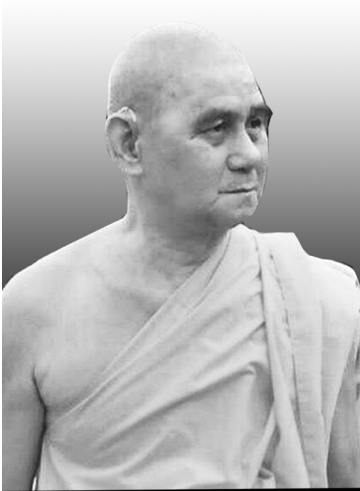
*Nhớ nhớ thương thương tình chan chứa
Tình cha nghĩa mẹ, nhắc sao vừa
Hiếu thảo cháu con gìn giữ lấy
Núi cao đất thắm, gọi nắng mưa*

*Dừng lại bên Trời nhìn non nước
Lòng ta lai láng rừng xanh mượt
Ý thương nghĩa nhớ đâu phải nói
Rạng rỡ tình ta trọn nghĩa thương.*

*Vu Lan nhớ Mẹ là như thế
Gắng tu giải thoát vượt bến mê
Niệm Phật thêm làm nhiều công đức
Liên quê thánh cảnh nhớ cùng về.*

THÀNH KÍNH TƯỜNG NIỆM CỔ HÒA THƯỢNG
THÍCH THIỆN NHỰT (SƯ LÀNH)
(1954 - 2017)

Cao đẳng Phật Quốc



Sau biến cố Mậu Thân (1968) gia đình cụ bà Nguyễn Thị Hoa, Hội Phụ nữ Cứu quốc xã Bình Nhâm (Lái Thiêu, Bình Dương) đã không kham nổi nuôi những đứa con thơ dại, khi người cha, người chồng yêu quý của nhà họ Vương, liệt sĩ Vương Văn Mừng đã hy sinh tại địa phương. Lúc bấy giờ thân mẫu xin quy y với Đức Tôn sư Thiện Phước-Nhựt Ý, biệt hiệu Đức Mẫu Trần Bồng Lai và ông Sáu Lục Tổ, đồng thời gởi ba người con vào cô nhi viện Phước Lộc Thọ (thuộc Quan Âm Tu Viện, Bửu Hòa, Tp. Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai) trong đó có chú Hạnh Minh, chú Thiện Nhựt (Sư Lành) và chú Tí Hạnh.

Biệt danh Sư Lành đó, nay là Thượng tọa Thích Thiện Nhựt, thế danh Vương Văn Đông, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1956, năm Bình Thân. Gia đình họ Vương có 9 người con, gồm 6 trai 3 gái, hiện chỉ có Sư Lành đi tu là nên đạo nghiệp, phục vụ cho tông phong Liên tông Tịnh độ Non Bồng.

XUẤT GIA TU HỌC

Sư Lành được mẫu thân gởi vào cô nhi viện, nhưng với bản chất từ hòa ngay từ thời thơ ấu, thức trí thông minh, siêng năng tụng niệm theo sự hướng dẫn của Hòa thượng Thích Thiện Thành và Hòa thượng Thích Giác Quang, vị giáo thọ đứng lớp dạy dỗ các học sinh. Sư Lành học giỏi và chăm ngoan, Sư đỗ đầu lớp Nhứt (năm là lớp 5) tại Trường Trung Tiểu học Lâm Tỳ Ni (Quan Âm tu viện) và được Thầy Tổ cho thọ Tam quy Ngũ giới, sau đó thể phát xuất gia làm chú tiểu chùa Chóp, gia nhập hàng xuất gia trú ngụ tại Tây viện Quan Âm. Năm 1973 Sư được giới thiệu lên học lớp 6 trường Trung học Phổ Thông thuộc xã Hóa An, Biên Hòa.

Từ đây, sư được nhập chúng, hằng đêm siêng năng tụng kinh niệm Phật, nhất là mỗi giờ ngọ cúng dường Tam Bảo rồi mới thọ thực, Trai đường không lúc nào vắng bóng Sư. Ngày 19 tháng giêng năm Đinh Tỵ (1977) Sư được Thầy Tổ và chư Tăng chấp thuận cho thọ giới Sa di, ngày 11 tháng 7 năm Tân Dậu (1982) thọ Tỳ kheo giới tại giới đàn Tổ đình Long Thiền do Đại lão Hòa thượng Thích Huệ Thành chứng truyền

Năm 1978, tình hình kinh tế khó khăn, Sư Lành theo chân các sư lớn, dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng Thích Thiện Thành đi làm rẫy trồng khoai mì, trồng sả cất tinh dầu, trồng các loại cây ăn trái và làm ruộng tại ấp Phước Hòa để phục vụ đại chúng và cả các em trong cô nhi viện Phước Lộc Thọ, lúc bấy giờ đang nuôi dưỡng 600 em, do sư bà Thích Nữ Huệ Giác làm Giám đốc.

SỰ NGHIỆP PHẬT PHÁP

Ngoài thời khóa công phu niệm Phật hàng đêm tại Quan âm tu viện, Sư Lành còn tham gia lao tác nhiều Phật sự:

Trồng cây gây rừng

Từ sau năm 1975, Sư Lành có mặt trên tất cả các công trình thuộc hơn 100 hecta trồng cây gây rừng tại Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu do Quan Âm Tu Viện quản lý. Đặc biệt là công trình điếm trồng các loại cây quý hiếm trên 4 hecta đất bạc màu, như: sao, dầu, bằng lăng,...

được nhà nước khen tặng và được các nước Thụy Điển, Lào, Nhật Bản đến học hỏi về phương pháp trồng cây gỗ quý trên vùng đất nghèo dinh dưỡng.

Trùng tu Tam bảo

Năm 1998, Sư Lành thay Hòa thượng Thích Giác Quang đứng ra chịu trách nhiệm thiết kế, thi công, trang trí nội thất, chánh điện, trai đường, nhà trù cho chùa Phước Thiện An, Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh. Năm 2006 Ni trưởng Thích Nữ Huệ Giác đứng ra trùng tu Tổ đình Thành An Tự, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Sư Lành đã phối hợp với nhà thầu Bửu Thiên thi công một số hạng mục của công trình đạt chất lượng cao. Năm 2009 sau lễ khánh thành Tổ đình Thành An Tự, Sư trở về Quan Âm tu viện làm việc trong Ban Trang nghiêm Môn phong. Hằng năm đến ngày Tết Nguyên đán, ngày đại lễ Phật đản, Vu Lan, nhất là ngày húy kỵ Đức Tôn sư (*ngày 28, 29, 30 tháng 7 và mùng 01 tháng 8 âm lịch*), Sư là người chịu trách nhiệm thiết kế, chỉ huy thi công các hạng mục trang trí ngôi đại hùng bảo tháp của Đức Tôn sư Thiện Phước - Nhựt Ý.

Dựng xây Phật pháp vẫn chưa xong/ Duyên mãi trần ai xả báo thân/ Trăm nguyện ngàn xưa chưa đáp đủ/ Xả thân tứ đại cõi đi về

Cao đăng Phật quốc

Khoảng thời gian gần đây, do tuổi cao sức yếu, Sư có chút bệnh về tim mạch. Sư Lành đã an tường xả bỏ báo thân vào lúc 9 giờ sáng ngày 28 tháng 6 năm Đinh Dậu (22/6/2017), hưởng thọ 64 tuổi đời, 35 tuổi hạ lập, 49 tuổi xuất gia.

Đại chúng vô cùng thương tiếc với cuộc đời tu hành của Sư, giữ gìn giới luật tinh nghiêm, thân tâm trong sạch. Sư được Ni trưởng và Hội đồng môn phong tấn phong lên hàng giáo phẩm Hòa thượng và hiệu tứ Non Bồng. Ban tang lễ đem trà tỳ nhập tháp vào lúc 7 giờ sáng ngày mùng 01 tháng 6 năm Đinh Dậu, linh cốt được tôn thờ tại Quan Âm tu viện để cho đại chúng ngày sau soi bước.

Về đâu chí nguyện vẫn chưa xong/ Sáu một niên đã chảy theo dòng/ Trăm năm đây đó còn vượn mãi/ Một chút công thành xin ghi ơn.

Lòng Mẹ

Kính mừng lễ Khánh Tuế lần thứ 81 của đức thầy thượng Huệ hạ Giác -
Tông trưởng Liên tông Tịnh độ Non bông (2/6/Đinh Sửu 1937 - 2/6/Đinh Dậu 2017)

*Lòng mẹ bao la đạo chân truyền
Pháp âm huyền diệu độ con hiền
Mẹ thương con đại, khuyên tỉnh mộng
Thiền Tịnh song tu, xả vọng liền*

*Nhờ lòng bi nguyện đáng mẹ hiền
Con cháu y lời bỏ trần duyên
Hơn tám mươi năm hành chánh đạo
Mẹ tạo tình thương Bát Nhã thuyền.*

25/6/2017

Hiếu tử Thiện Tài kính đề

Cảm Niệm Bạc Chân Tu

Tưởng niệm Tân viên tịch Giác linh Hòa Thượng thượng Thiện hạ Nhựt
(Sư Lành) - Môn đồ Quan Âm Tu Viện/ (28/5/Đinh Dậu 2017)

*Linh đài tưởng niệm cầu kinh
Thiện Nhựt Hòa thượng Giác linh chứng lòng
Là con cháu của Liên tông
Tổ thầy tiếp dẫn thông dong non bông
Đức chúng như hải kính mong
Cao đẳng Phật quốc, an lòng vắng sanh.*

Thiện Tài bái vọng

Thâm Ân Tình Mẹ

Áu ơ...

Con ơi! Con ngủ cho ngon
Con đừng khóc nữa ru con ngọt ngào
Dạy con tập bước ra vào
Mong con mau lớn mẹ nào tiếc công
Con đau mẹ khóc trong lòng
Tìm thầy chạy thuốc ước mong cứu nàn
Trông con mạnh khỏe bình an
Tai qua nạn khỏi mẹ an tâm lòng
Dạy con tập nói vỡ lòng
Đánh vẫn tiếng “Má” thuộc lòng đầu tiên.

Mẹ không ham bạc ham tiền
Ham con học giỏi con hiền thảo ngoan
Thành nhân chi mỹ chu toàn
Mẹ thời mãn nguyện vương tròn nuôi con
Ba năm bú ẵm mới mòn
Cưu mang chín tháng bảo toàn thai nhi
Biết rằng ra biển hiểm nguy
Sanh con mẹ quyết ra đi một mình
Dầu cho sống chết cực hình
Mẹ đành chấp nhận vì tình thương con.

Hy sinh tất cả vì con
Miễn con hạnh phúc, đời con an lành
Đời mẹ khổ nhục cam đành
Tình thâm mẫu tử mẹ dành riêng con.
Nhớ mẹ nước mắt lăn tròn
Mẹ ơi! Mẹ nở bỏ con sao đành?
Vu Lan thắng hội lòng lành
Tâm hương con đốt chân thành kính dâng
Nguyện cầu đức Phật ban ân
Hồn mẹ siêu thoát đặng phần vãng sanh.

Vãng sanh về chốn lạc thành
Tiêu diêu tự tại ngời nhành liên hoa
Cửu huyền thất tổ ông bà
Nương nhờ bi nguyện vượt qua luân hồi
Con quỳ bày tỏ khúc nô
Nhân mùa báo hiếu bồi hồi đêm thâu
Thành tâm sám hối dập đầu
Báo ân phụ mẫu thâm sâu nghĩa tình
Ngậm ngùi thốn thức riêng mình
Áo cài hoa trắng khơi tình mỗ cô.

Mẹ ôi! Mẹ hỡi! Mẹ ôi!
Mẹ con cách biệt hồn cô lạnh lùng.

Mùa Báo Hiếu 2017

Thuần Tâm



Sư bà DIỆU KHÔNG
(1905 - 1997)

Thế danh: Hồ Thị Hạnh, tên thân mật: Cô Tám

Pháp danh: Trừng Hảo, pháp hiệu: Diệu Không

Năm sinh: 1905 tại Huế

Quê quán: làng An Truyền, Phú Vang, Thừa Thiên Huế

Giáo phẩm: Đại lão Ni Hòa Thượng

Thành Kính Tưởng Niệm

Sư Bà Diệu Không

Cho phép người biên soạn nói qua một chút về tiền thân của sư bà Diệu Không: Chắc là một ngôi sao văn khúc được đầu thai vào gia đình vị nhất phẩm đại thần qua các giai đoạn hưng phế của Nguyễn triều. Đó là, Thượng thư bộ Học kiêm bộ Lễ Hồ Đắc Trung, sau này khi tiểu thư Hồ Thị Chi được vua Khải Định nạp phi thì Thượng thư Hồ Đắc Trung mới được tấn phong là Quận công Quốc Trượng (nhạc phụ vua Khải Định).

Là con gái út của vị quan đầu triều cùng phu nhân Châu Thị Lương, cô Hạnh được sống trong tình yêu thương của song thân và hai người chị gái. Một bà là phu nhân của hoàng thân Ứng Úy - mẹ của nhà bác học nguyên tử Bửu Hội, sau này là sư bà Diệu Huệ (tiểu thư Hồ Thị Huyền).

Người chị thứ hai là tiểu thư Hồ Thị Chi, bà hoàng phi sậu muện của vua Khải Định.

Nhìn chân dung của tiểu thư Hồ Thị Hạnh, hẳn không ai không cảm mến dung nghi nhu mì diễm lệ và nét nhân ái, trí tuệ tỏa sáng, nét tài hoa trên toàn gương mặt mỹ miều. Nhưng quan niệm nhân sinh của cô tiểu thư này lại khác với bao khách hồng quần (là yên vị thụ hưởng những đặc ân đặc lợi mà cuộc đời đã hào phóng ban tặng).

Thiên hướng sống cho mọi người đã có sẵn trong trái tim đa cảm, trong phong cách sống của một cô gái đoan trang, nét hạnh, được

học hành và giáo dục đến nơi đến chốn. Cô biết cảm thông và chia sẻ nỗi bất hạnh của bao cuộc đời chung quanh bằng hành động thiết thực xé áo nhường cơm, những việc làm ấy là tiền đề cho sự xuất gia cầu đạo xiển dương chánh pháp của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni sau này - để từ một tiểu thư trở thành nữ tu Diệu Không.

Thời son giá cô đã có dịp theo phụ thân đi dự hội chợ ở Phnôm Pênh, trong phái đoàn đi dự hội chợ triển lãm do cụ Thượng thư Hồ Đắc Trung lựa chọn ấy có một gương mặt, một tên tuổi mà dường như định mệnh đã an bài cho cô gặp một chướng duyên (chướng duyên hiểu theo thuật ngữ Phật học, bắt đầu cho bước đường hành đạo từ bi ban vui cứu khổ).

Thượng tá Cao Xuân Xang, thuộc Cơ mật viện là bạn đồng liêu vong niên của cụ Thượng Trung và là thành viên trong phái đoàn đi Cao Miên vào năm 1929. Trong cuộc du hành quan san diệu vợi ấy, có những lúc dừng chân nghỉ ngơi; và các bậc tri thức quan trường lại có dịp bàn đến quốc gia đại sự, đến sự xâm lược của thực dân Pháp. Trong các buổi cao đàm khoát luận ấy, cô tiểu thư lá ngọc cành vàng Hồ Thị Hạnh với tư tưởng cầu tiến, xin phụ thân cho tham dự và tham gia bàn luận. Bằng lối chính luận hùng hồn, bằng tấm lòng yêu nước của một công dân, cô đã làm cho các đấng mày râu nề phục. Riêng quan Thượng tá Cao Xuân Xang đã nhìn cô với ánh mắt quý trọng.

Cao Xuân Xang vốn xuất thân từ một gia đình khoa bảng, là con trai của Đông các học sĩ Cao Xuân Dục. Ông có phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, nên tuy làm quan nhưng cảnh nhà thanh bạch gieo neo, góa vợ sớm, ông phải làm thân gà trống nuôi sáu đứa con, nhưng không vì vậy mà xao lãng bổn phận với dân với nước, xuất xử phân minh.

Sau vài lần bàn luận, và sau vài lần qua mọi người, cô tiểu khuê các này hiểu được gia cảnh đơn chiếc của quan Thượng tá. Cô suy nghĩ và đi đến quyết định là xin phép song thân được kết hôn cùng ông quan góa vợ và đang mang trong cơ thể hàng tỉ con vi trùng lao

(cook) ở giai đoạn thập tử nhất sinh. Ở thời đại đó với đất nước Việt Nam này, Tây học còn phôi thai và dân ta còn mang nặng định kiến “Phong lao cổ lại tứ chứng nan y” thì quyết định của vị thiên kim tiểu thư này là một quả bom nguyên tử nổ giữa gia đình Thượng thư Hồ Đắc Trung và gia tộc...

Sau nhiều lần đổ dành phân giải điều hơn lẽ thiệt, tất nhiên có cả giận dỗi la rầy nhưng vẫn không thể lay chuyển, không thể đổi thay lời yêu cầu và quyết định sắt đá của con gái, ông bà Thượng thư đành thúc thủ đầu hàng.

Và chuyện gì đến đã đến - một đám cưới đầy đủ nghi thức và nghi lễ của đất Đê Đô với cau lông rươi ché, với lợn tía tạng vàng, rượu nồng pháo đỏ đưa nàng về dinh thất quan Thượng tá Cao Xuân Xang để lên ngôi kế thất, và kế mẫu của sáu đứa con côi cút đang chờ bàn tay tế độ của bà mẹ kế, của Bồ tát Quan Âm cảm ứng tùy thời hiện...

Qua mười một tháng lửa hương thì quan Thượng tá Cao Xuân Xang vĩnh biệt người vợ trẻ với đứa con măng sữa và sáu đứa con riêng để về lòng đất lạnh. Đứa con đầu của bà quả phụ Cao Xuân Xang được cha đặt tên là Cao Xuân Chuân.

Vào những năm thuộc thập kỷ 60 của thế kỷ XX, ông Cao Xuân Chuân là Tiến sĩ Nguyên tử học đồng nghiệp với người anh con di (sư bà Diệu Huệ) là giáo sư Bửu Hội.

Mới hai mươi lăm tuổi đời bà đã thành quả phụ một nách bảy con, chao ôi! Nỗi đoạn trường làm sao kể xiết, nhưng với nghị lực, đức kiên cường quả cảm, cộng với phẩm chất chịu thương chịu khó của phụ nữ đã giúp bà lèo lái gia đình mẹ góa con côi xuôi chèo mát mái. Người đàn bà đức hạnh ấy làm tròn bổn phận thờ chồng nuôi con, nỗi niềm hương khói đều gói vào vắn điệu mỗi khi ngồi bên ngôi nhà vĩnh cửu của người chồng vắng số:

*Đắp diêm cho nhau chút gọi là
Hẳn người thanh khí thấu cho ta
Bơ vợ trước núi chim tìm tổ*

*Ngơ ngẩn bên mình trẻ gọi cha
Cây cỏ như cười người mệnh bạc
Non sông nào phụ kẻ tài hoa
Muốn lên nắm thử quyền ông Tào
Thì biển tràm luân lập phẳng qua.*
(Thăm mộ - thơ Diệu Không)

Đạo hạnh đã uơm mầm trong A Lại Da thức. Ruộng phước đã được cấy cày - song song với việc tề gia nội trợ dạy con đèn sách, bà bước vào hoạt động Phật sự đầu tiên với “An Nam Phật học hội” mà hội trưởng là bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.

Con đường của vị chân tu đạo hạnh cứ thế tiếp tục từ tại gia cư sĩ, ngũ giới tam quy, đến xuất gia thành nữ tu nâu sòng đạm bạc, rồi tiến lên bậc giáo phẩm uy nghi đa đoan Phật sự, đào tạo ni chúng, xây dựng giả lam đóng góp tài nguyên vật lực cùng các đồng đạo, pháp đệ pháp huynh, thành lập Viện đại học Vạn Hạnh để có nơi chốn đào tạo nhân tài tăng chúng phụng sự đạo pháp, đồng thời với những hoạt động nhập thế để nâng cao giá trị nữ giới ngoài xã hội, như cùng phu nhân Ứng Ủy và hoàng phi Hồ Thị Chỉ mở mang tiểu thủ công nghệ hàng nội hóa năm 1932 với tâm niệm:

*Nữ công sáng lập tại Thừa Thiên/ Kinh tế nâng cao bước nữ quyền/
Gánh vác giang sơn thân gái Việt/ Duy trì nòi giống đất Rồng Tiên.*

(Thơ Diệu Không)

Tuy hoạt động Phật sự không ngừng nghỉ với các chức trách:

1. Đại diện hội An Nam Phật học
2. Ủy viên Hội đồng trị sự Hội Phật giáo Việt Nam
3. Ủy viên Thường trực ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên Huế

Bà vẫn dành nhiều thì giờ cho công việc sáng tác, và có nhiều tác phẩm giá trị như: Khuyến tu (thơ), Giáo dục phụ nữ (văn), Câu chuyện đạo lý (văn), Diệu Không thi lục... cùng nhiều tác phẩm dịch từ chữ Hán như: Thành duy thức luận, Hiền Phật luận...

Năm 1952 người đã cùng với Pháp huynh Trùng Nguyên Thích Đôn Hậu sáng lập nhà in Liên Hoa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ấn hành kinh sách và báo chí của Phật giáo. Liên Hoa Nguyệt san cũng ra đời từ đây do ngài Đôn Hậu làm chủ nhiệm và bà làm quản lý kiêm biên tập viên cho tờ báo này. Đồng thời, bà cộng tác với các báo Viên Âm, Giác Ngộ, Từ Quang... với ngòi bút đa năng đa dạng, qua nhiều mảng từ dịch thuật đến lý luận, văn xuôi, thơ. Đường luật là mảng thơ sở trường của nữ sĩ Diệu Không.

Người nữ tu sĩ tinh thông này đã từng viết thư cho Tổng thống nước Pháp, là Mandes France để yêu cầu Chính phủ Pháp chấm dứt chiến tranh Đông Dương, trả đất nước Việt Nam lại cho chủ quyền dân Việt vào năm 1954 trước khi chiến trận Điện Biên Phủ kết thúc.

Về việc làm này trong bộ sách “Nữ sĩ Việt Nam - Tiểu sử và giai thoại cổ, cận hiện đại” soạn giả Như Hiên đã bình luận: *“Hành động sáng suốt hùng hồn trên chứng tỏ tấm lòng yêu nước thiết tha của nữ tu sĩ Diệu Không đáng khâm phục! Hẳn là bức thư của bà vào thời điểm đó ít nhiều cũng đã gây tiếng vang cho nữ giới Việt Nam ra nước ngoài? Phải chăng đây là một hạnh nguyện của Ni sư nữ sĩ đã được thực thi? Vì chỉ ít lâu sau Hiệp định Genève được ký kết giữa các đại diện bốn bên, ai cũng biết rằng, hội nghị này đã trải qua bao năm tháng bàn luận, soạn thảo với biện pháp chia đôi đất nước Việt Nam ở vĩ tuyến 17 để chấm dứt chiến tranh Đông Dương. Cuối cùng thì Hiệp ước Genève được ký kết vào ngày 20.7.1954”*.

(Nữ sĩ Việt Nam - Tiểu sử và giai thoại cổ, cận hiện đại trang 570, Như Hiên - Nguyễn Ngọc Hiên)

Giai đoạn Phật giáo Thừa Thiên Huế bị chính quyền nhà Ngô đàn áp (1963) các hàng giáo phẩm đã tìm mọi đối sách để bảo vệ sự tự do tín ngưỡng của Phật tử, và ngăn chặn mọi hành động phá hoại tự viện chùa chiền của chế độ độc tài này. Ni sư Diệu Không được cử làm đại diện vào Sài Gòn thương thuyết cùng Ngô triều, cuộc thương thuyết không đạt kết quả, bà quyết định tự thiêu nhục thân

để cúng dường Tam Bảo, để nói lên sự phản đối chế độ độc tài, thức tỉnh lương tâm của những con người không có lương tri, và yêu cầu chính quyền Ngô Đình Diệm giải quyết thỏa đáng năm nguyện vọng của Phật giáo đồ.

Để giữ sự sống mang lại nhiều lợi ích cho đạo pháp ở giai đoạn lửa bỏng dầu sôi này, mà ni sư Diệu Không là linh hồn của ni chúng, của toàn thể tín nữ tại gia, của phong trào tranh đấu, nên Tăng sĩ Thích Quảng Đức đã xin thay thế sư bà Diệu Không để tự thân thắp lên ngọn đuốc kêu gọi sự tự do bình đẳng tôn giáo vào ngày 11.6.1963 tại ngã sáu Sài Gòn.

Cuộc tự thiêu của ngài Thích Quảng Đức thành công viên mãn trước bao lực lượng đàn áp của xe vòi rồng, lựu đạn cay... Nhục thân của vị tu sĩ đã thành tro bón tưới cho niềm hy vọng xanh màu chánh tín của toàn dân tộc, toàn thể Phật giáo đồ, nhưng điểm chói ngời của vị thánh tử đạo là một trái tim, trái tim nguyên lành tươi rói đã hóa thành khối kim cương bất tử của ngài, của vị Bồ tát, đã làm chấn động dư luận thế giới, sự xúc động tột đỉnh của toàn dân miền Nam nước Việt lúc bấy giờ. Chí thành thông thánh - sự chí thành trong hạnh nguyện của Bồ Tát Thích Quảng Đức đã được mười phương chư Phật gia trì...

Trong không khí căng thẳng giữa chính quyền và tôn giáo, những bậc cao tăng thạc đức đã sát cánh kề vai để gìn giữ ngôi nhà Như Lai. Bằng mọi biện pháp, hai vị Ni sư là sư bà Diệu Không và Diệu Huệ đã tổ chức nhiều cuộc họp báo để nói lên tiếng nói của kẻ tay không bị xe tăng lựu đạn lưỡi lê đàn áp và tiêu diệt. Giáo sư Bửu Hội, con trai của ni sư Diệu Huệ và cháu gọi bà Diệu Không bằng di ruột đã nhiều lần lo lắng cho sự an nguy của mẹ và dì, trước sự can trường dũng cảm không chùn bước trước họng súng và nhà tù để bảo vệ chánh pháp...

Sự can thiệp để được ra khỏi nhà tù trong một lần ni sư Diệu Không bị bắt giam của giáo sư Bửu Hội (lúc đó giáo sư Bửu Hội đang hợp tác cùng chính quyền Ngô Đình Diệm) đã làm bà Diệu

Không phật ý và bà Diệu Huệ cho là giáo sư Bửu Hội đã đi ngược lại nguyện vọng của Phật giáo đồ, của mẹ và di - nghĩa là giáo sư đứng về phía đối phương...

Những năm Pháp nạn bao nhiêu Tăng ni, Phật tử bị bắt bớ giam cầm, tù đày, tra khảo. Ni sư Diệu Không đã từng cùng pháp lữ chịu nhiều điều đau đớn, nhưng với lòng kiên định của một Như Lai sứ giả bà xem chuyện ấy chẳng là gì, nếu có chỉ là một kỷ niệm lao tù.

Cùng cảnh Tăng Ni bị bắt giam

*Bao ngày đói rét thấy đều cam
Một lòng vị pháp thân nào tiếc
Vạn kiếp theo thầy lợi chẳng tham
Sống chết phù du trường đại mộng
Nhục vinh huyễn hóa cảnh già lam
Chịu nhiều oan trái càng sanh phước
Lịch sử ghi thêm nét thánh phàm.*

(Thơ Diệu Không - 1963)

Đọc dài theo hành trạng của một Ni sư trên lộ trình vị pháp vong thân, xiển dương giáo pháp ban vui cứu khổ của đấng cha lành, tâm thân ngũ uẩn đã dần dần bị luật đào thải của thời gian chi phối, không còn ngược xuôi vạn lý để làm bao việc lợi đạo ích đời. Bà quay về ngôi chùa Hồng Ân là công trình xây dựng đầu tiên trong Phật sự của bà để làm chức sự Trụ trì dạy dỗ ni chúng ở đây và đóng góp tịnh tài tịnh vật cho các cơ sở cô nhi...

Những năm cuối thập kỷ bảy mươi (1978) của thế kỷ XX, bà thường đau yếu, pháp thể bất an. Có một lần đại chúng trong ni tự đã



Tiểu thư HỒ THỊ HẠNH (1925)

tưởng người thu thần thị tịch. Mọi người đang vây quanh thiền sàng hộ niệm vãng sanh, cố nén lòng không làm kinh động, nước mắt chảy quanh mi khi nhìn sư phụ, sư tổ đã ngừng hô hấp. Thế nhưng trong hàng ni chúng nhỏ tuổi có ai đó đã không kìm được và cất tiếng khóc to... Và lạ chưa sư bà bỗng dung mở mắt tỉnh táo, nhịp tim trở lại bình thường, đại chúng kinh ngạc bàng hoàng và vui mừng khôn xiết. Từ đó bà mạnh dần sau sự tái sinh kỳ diệu, tiếp tục lãnh đạo ni chúng phụng sự Phật pháp thêm 19 năm nữa mới an nhiên thị tịch ở tuổi 92 vào ngày 22 tháng 8 năm Đinh Sửu (23.9.1997).

Với 53 hạ lạc, bậc nữ lưu tu sĩ này đã hành đạo độ đời không một ngày ngừng nghỉ, đã đào tạo bao thế hệ ni chúng tiếp tục kế thừa sự nghiệp trên đền bốn ơn nặng dưới cứu khổ tam đồ của sư phụ Diệu Không, một trong những học trò xuất sắc của người là ni sư Thích Nữ Trí Hải.

Nhục thân bà được an trí trong bảo tháp cạnh chùa Hồng Ân, gần đó là ngôi mộ song tán của cố Thượng thư Hồ Đắc Trung cùng phu nhân Châu Thị... trong không gian u nhã thâm trầm đạo vị.

Quê hương Thừa Thiên Huế rất tự hào đã sản sinh một cô con gái trinh nguyên đã vì nghĩa cả, hy sinh cho hạnh phúc của bao người mà hành động phi thường là cầu hôn một người đàn ông góa vợ, bệnh hoạn ngặt nghèo... Phật giáo Thừa Thiên Huế phước lượng không thể nghĩ bàn, khi đào tạo nên một Thích tử lương đồng đầu đàn trang nghiêm giới luật, để tiếp dẫn hậu lai, kế thừa mạng mạch - mà tiếng thơm còn vọng thiên thu.

Văn học Phật giáo Thừa Thiên Huế hạnh lạc biết bao bởi có một nhà báo, một nhà thơ thông tuệ...

Và phụ nữ Thừa Thiên Huế qua bao thế hệ, hôm nay và mai sau từ hàng xuất thế, đến chúng tôi những kẻ duyên mỏng nghiệp dày đang ngắc ngoải giữa dòng đời hệ lụy bỗng thật an lạc và giải thoát khi vọng nhớ đến sư bà Thích Nữ Diệu Không.

(Trích từ bản thảo “Nữ Lưu Miền Hương Ngự”)

ĐẠI ĐỨC THÍCH NGUYỄN NHỰT



Đại đức Thích Nguyên Nhựt là Phó Ban Trị sự GHPGVN Q8 nhiệm kỳ IX (2016-2021), hiện là trụ trì chùa Long Vân P9,Q8. Chùa được thành lập từ năm 1947 do cố Hòa thượng Thích Thiện Từ sáng lập.

Trong công tác từ thiện xã hội, Đại đức Thích Nguyên Nhựt đã thấu hiểu và đồng cảm với những khó khăn của người dân sinh sống tại địa phương. Đại đức cùng với Phật tử của chùa đã hỗ trợ kinh phí xây dựng 22 ngôi nhà tình thương, 18 căn nhà được sửa chữa chống dột, trao tặng trên 2.000 thẻ Bảo hiểm Y tế cho người nghèo, thường xuyên chăm lo 05 suất cơm cho người già/ ngày, tặng 20 xe đạp và mỗi năm tài trợ 20 suất học bổng cho học sinh nghèo. Trong công tác xây dựng chính quyền, Đại đức Thích Nguyên Nhựt đã hỗ trợ kinh phí để xây dựng trụ sở khu phố, thường xuyên tạo điều kiện tốt trong công tác hiến máu nhân đạo và ủng hộ quỹ *Vì Người Nghèo* trên một tỷ đồng.

Với Đại đức Thích Nguyên Nhựt, công tác từ thiện xã hội là điều kiện để người xuất gia gắn kết đạo với đời, thực hiện hạnh nguyện từ bi, đồng thời là một phương thức của nhiệm vụ hoằng pháp, để đạo và đời luôn bổ sung lẫn nhau với mục đích vừa tạo duyên lành cho việc tu hành, vừa giúp cho đời luôn tốt đẹp.

Kính chúc Đại đức Thích Nguyên Nhựt luôn thực hiện tốt “*Báo Phật ân đức, truyền đăng tục diệm, kế vãng khai lai, hoằng dương chánh pháp, lợi lạc quần sanh*”

PHẬT SỰ QUẬN 8

- Truyền thống hằng năm, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) Quận 8 tổ chức đại lễ Phật Đản, PL.2561 vào ngày 09/4/Đinh Dậu tại chùa An Phú P10, Q8. Chứng minh và tham dự lễ có Chư Tôn đức Giáo phẩm, Chính quyền Thành phố, quận 8 cùng chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự viện thuộc quận 8 tham dự đại lễ trong không khí trang trọng. Đặc biệt năm nay có tổ chức ba ngày thuyết giảng về ý nghĩa Phật Đản và một đêm văn nghệ do đoàn cải lương Thanh Minh - Thanh Nga biểu diễn, thành công tốt đẹp.

- Chấp hành theo chỉ đạo của Ban Tổ chức An cư kiết hạ do GHPGVNTP.Hồ Chí Minh tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự (Quận 10), toàn thể Chư Tôn đức trong Ban thường trực GHPGVN 24 quận, huyện đều tập trung về Tịnh nghiệp đạo tràng Việt Nam Quốc Tự đối thú an cư trong ba tháng hạ năm 2017.

- Mùa an cư năm 2017, Ban Trị sự GHPGVNQ8 tổ chức một điểm an cư tập trung dành cho chư Ni tại Tịnh nghiệp Đạo tràng chùa Pháp Quang và 04 điểm cắm túc tại chỗ: Chùa Linh Bửu (chư Tăng trên địa bàn Quận 8), chùa An Phú, chùa Thường Quang (chư Tăng nội bộ), chùa Bửu Quang (chư Ni nội bộ). Tổng số hành giả an cư trên 400 vị đăng ký tu học.

- Ban Trị sự GHPGVN Quận 8 kết hợp với Ban Bảo trợ Hội Chữ Thập Đỏ Quận 8 và chùa Bửu Quang, chùa Vạn Liên thực hiện công tác từ thiện tại tỉnh Gia Lai do Hội Chữ Thập Đỏ Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 6/2017. Đoàn của Giáo hội Phật giáo Quận 8 tổ chức phát quà tại xã Chư - Mố, huyện La - Ba với 200 phần quà trị giá trên một trăm triệu đồng.

(Phụng dịch theo bản đời Đường của Ngài Thiệt Xoa Nan Đà)

Cấm Ăn Thịt

(TRÍCH KINH “ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG GIÀ”)



Bấy giờ Đại Huệ Bồ tát đại hữu tinh lại bạch Phật rằng:

Bạch Thế tôn! Xin vì con nói các công đức và lỗi lầm của việc ăn thịt, không ăn thịt. Con cùng các Bồ tát biết nghĩa ấy rồi sẽ diễn nói cho chúng sinh ăn thịt ở hiện tại, vị lai bị các tập khí huân tập, và khiến họ bỏ vị thịt mà cầu vị pháp, đối với hết thảy mọi loài sinh lòng đại bi, thương như thương con một, ở địa vị Bồ tát, được vô thượng chính đẳng chính giác, hoặc tạm dừng ở nhị thừa rồi cuối cùng cũng thành vô thượng chính đẳng chính giác. Bạch Thế tôn! Những bọn Thế luận

khởi kiến hữu vô, chấp trước đoạn, thường mà còn cấm không cho ăn thịt, hưởng hồ đức Như lai Ứng chính đẳng giác, đầy lòng đại bi, thế gian đều nương cậy, mà lại tự cho phép mình và kẻ khác ăn thịt hay sao. Hay thay! Đấng Thế tôn đầy đủ đại bi thương xót thế gian, thường xem chúng sinh như con một, nguyện xin Thế tôn giải nói cho con về những lỗi lầm và ác độc của sự ăn thịt và những công đức của sự kiêng thịt, khiến con cùng các Bồ tát nghe rồi phụng hành, rộng nói cho người. Khi ấy Phật dạy Bồ tát Đại huệ rằng:

Đại Huệ! Tất cả chúng sinh từ vô thi đến nay không ngừng qua lại trong sinh tử luân hồi, không khỏi có lần làm cha mẹ anh em con cái lẫn nhau, hoặc làm bà con, bè bạn, đầy tớ thân yêu... Sang đời khác họ sinh làm thân chim và thú, sao nữ đem ăn thịt? Đại Huệ! Bồ tát đại hữu tình xem chúng sinh như thân mình, nghĩ rằng thịt đều do có mạng sống mà ra, làm sao nữ ăn? Đại Huệ! Bọn quý la sát v.v... nghe ta nói thế này còn bỏ ăn thịt, hưởng hồ những người thích pháp. Đại Huệ! Bồ tát đại hữu tình ở đâu cũng xem chúng sinh là thân thuộc, cho đến nghĩ như con một của mình, nên không ăn tất cả thịt. Đại Huệ! Những người bán thịt ở góc đường chợ búa hoặc lấy thịt chó ngựa người trâu bò v.v... đem bán để cầu lợi, uế tạp như thế làm sao ăn được.

Đại Huệ! Hết thấy các thứ thịt đều do máu huyết ô uế làm ra, người cầu trong sạch sao lại ăn dùng. Đại Huệ! Chúng sinh khi thấy những người ăn thịt thì sợ hãi, kẻ tu từ tâm sao lại ăn thịt. Đại Huệ! Những thợ săn, Chiên đà la (Candala), những người bắt cá, lưới chim, chó thấy thì sủa, thú vật thấy thì bỏ chạy. Tất cả chúng sinh bay trên không chạy trên đất, sống dưới nước, trông thấy những người kia đều nghĩ: “Tên ấy trông như quý la sát, nay đến đây chắc để giết mình.” Vì lo giữ mạng sống nên chúng đều chạy tránh. Người ăn thịt cũng vậy. Cho nên Bồ tát vì tu hạnh từ không nên ăn thịt. Đại Huệ! Người ăn thịt thì thân thể hôi hám dơ bẩn, tiếng ác truyền khắp, hiền thánh, người tốt không thân gần, do vậy Bồ tát không nên ăn thịt. Đại Huệ! Máu thịt là thứ mà tiên thánh không dùng, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại Huệ! Lại vì muốn gìn giữ tín tâm của chúng sinh, không để họ chê

bai nhạo báng Phật pháp, nên Bồ tát không ăn thịt. Đại Huệ! Nếu đệ tử ta ăn thịt, thì người đời sẽ ôm lòng chê bai, nói: “Sa môn tịnh hạnh sao lại từ bỏ vị ăn của chư thiên mà cư xử như ác thú, ăn thịt đầy bụng đi khắp thế gian, khiến chúng sinh cảm thú hoảng sợ, phá hạnh thanh tịnh, lỗi đạo sa môn? Xem đầy đủ biết Phật pháp không có hạnh điều phục.” Bồ tát thương chúng sinh, muốn giữ cho họ khỏi sinh tâm ấy, nên không ăn thịt. Đại Huệ! Khi thịt người cháy thì hơi hôi xông lên, các thứ thịt nướng khác cũng vậy. Cũng cùng là thịt, sao lại có thứ ăn, có thứ không ăn. Cho nên những người vui đạo thanh tịnh không nên ăn thịt. Đại Huệ! Các nam nữ thiện tín tu hành thanh tịnh ở dưới cây hay nơi vắng vẻ để an trú tâm từ, trì chú cầu giải thoát, hoặc cầu pháp Đại thừa, nhưng vì ăn thịt mà không đạt được các mục đích trên. Bởi thế Bồ tát muốn lợi mình lợi người không nên ăn thịt. Đại Huệ! Người ăn thịt khi trông thấy thịt liền sinh lòng tham ăn ngon. Bồ tát thương nghĩ hết thấy chúng sinh như thân mình, làm sao thấy thịt mà nghĩ đến chuyện ăn được? Vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại Huệ! Lại người ăn thịt thì chư thiên xa lánh, hơi miệng thường hôi, ngũ mộng bất an, tinh dậy lo sợ, bị ác quỷ dạ xoa hút mất tinh khí, lòng nhiều hoảng sợ, ăn không biết đủ, tăng trưởng bệnh, dễ sinh ghê lở, mụn nhọt, thường bị vi trùng đục khoét, không thể sinh tâm chán ghét muốn xa lìa thịt. Đại Huệ! Xưa có quốc vương tên Sư tử sinh (Simhasaydàsa), ưa mùi vị thịt, ăn đủ thứ thịt đến cả thịt người, thần dân không chịu nổi nên làm phản. Cuối cùng vua phải mất nước, chịu khổ não lớn. Đại Huệ! Thích đề hoàn nhân đã ở địa vị vua trời, do tập khí ăn thịt đời trước còn lại, nên biến làm chim ung săn đuổi một con bò câu. Ta lúc ấy làm vua tên Thi tỷ (Sivin), thương xót bò câu nên tự cắt thịt mình để thế mạng cho nó.

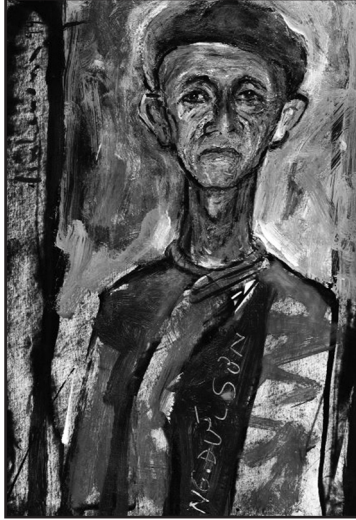
Đại Huệ! Tập khí còn lại của Đế thích còn làm khổ chúng sinh, huống gì những kẻ ăn thịt thường xuyên không biết hổ thẹn. Ăn thịt đã tự hại còn hại người, vì thế Bồ tát không nên ăn thịt. Đại Huệ! xưa có ông vua cỡi ngựa đi săn, ngựa sợ chạy vào núi hiểm, chốn không người ở, cũng không có lối ra. Vua gặp một sư tử cái cùng nó hành dâm sinh nhiều con. Trong số con có một trưởng giả rất giàu có tên Ban Túc, về

sau làm vua thống lĩnh 7 ức nhà, vì quen thói ăn thịt nên không phải thịt thì không ăn. Ban đầu ăn thú vật sau đến ăn người, sinh con trai con gái đều là quý la sát, chết tái sinh làm sư tử, sài lang, cọp beo, chim điêu, chim thúu v.v... muốn cầu được thân người còn không được, nói gì đến cầu thoát sinh tử đạt Niết bàn. Đại Huệ! Ăn thịt có vô lượng lỗi lầm tai hại như thế, nên chấm dứt ăn thịt sẽ được công đức lớn. Kẻ phàm ngu không biết những tổn hại của sự ăn thịt và lợi ích của không ăn. Bởi thế nay ta vì người mà nói rõ. Bất cứ cái gì là thịt đều không nên ăn. Đại Huệ! Người ta sát sinh phần lớn là do có người ăn thịt, nếu không người ăn thì cũng không có việc giết; bởi thế ăn thịt cũng có tội như giết. Quái lạ cho người đòi tham đắm vị thịt, thịt người còn ăn huống là thịt chim thú. Vì tham ăn ngon, chúng đặt ra đủ cách giăng lưới bày bẫy khắp nơi, loài dưới nước, loài ở trên đất, loài bay trên không đều bị giết hại, nếu không tự mình ăn thì cũng đem bán để lấy tiền.

Đại Huệ! Thế gian có những kẻ không lòng thương xót, chuyên làm việc tàn bạo như quý la sát; khi thấy chúng sinh thân hình béo tốt là nghĩ đến thịt, và bảo “Con vật này ăn được đấy.” Đại Huệ! Thế gian không có thứ thịt nào không do mình giết hay người giết, lòng mình không nghi là nó bị giết (để có thể ăn được.) Do nghĩa này mà ta cho phép thanh văn ăn thứ thịt như thế. Đại Huệ! Tất cả sự ăn thịt đối với người xuất gia đều là bất tịnh.

Đại Huệ! Nếu có kẻ ngu si phi báng ta bằng cách nói Như Lai cho phép ăn thịt và chính Như Lai cũng đã có ăn, nên biết kẻ ấy bị ác nghiệp buộc ràng, sẽ bị đọa vào những chỗ không lợi lạc. Đại Huệ! Các thánh đệ tử còn không ăn những thứ đoàn thực của phàm phu, huống gì thịt vốn là thức ăn dơ uế. Đại Huệ! Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát còn chỉ ăn pháp thực (dharmahara) huống gì Như lai. Đại Huệ! Pháp thân Như lai không phải là thân ô tạp. Như lai đã dứt trừ hết phiền não, tẩy sạch hết tập khí, khéo thanh lọc tâm tuệ, đại bi bình đẳng quán khắp chúng sinh như con một; há lại cho phép đệ tử Thanh văn ăn thịt con ta sao? Huống nữa là tự ta ăn. Nói như vậy là chuyện không có.

... “Nằm ở chùa
suốt sáng, mệt không
ra mệt, khỏe không
ra khỏe. Tuy nhiên,
trong khí trời ẩm ẩm,
hồn ta sáng khoái.
Viết rất nhanh trong
nhà ăn vắng vẻ của
Học Tăng...” (N.Đ.S)



*Ta còn giỡn nữa hay thôi
Khói nhang nở tỏa luân hồi vòng vo
Gửi về đâu, một chút tro
Kèn vang lộn mửa tiếng ò í e.*

*Về đây lỗ nhĩ hư rồi
Cơm ngày hai bữa khổ nôi mà ca
Chợ người xí xọn gần xa
Ta ngồi nói chuyện với ma suốt đời.*

*Thơ ơi, sao quá hư huyền
Xanh xao đêm chở một thuyền lên mây
Cõi đời nhón nháo đầu đây
Ta vui lững thững theo bày ma chơi
Trăng tà soi động thổ nơi
Về đây vạn kiếp hồn phơi chốn nào?*

Vòng Tròn Hoàn Hảo

Truyện ngắn



KIM DUÂN

...“Rồi tỉnh giấc. Bên cửa sổ đối diện phía giường em nằm chiếc lồng vẫn còn treo đó, có điều một thứ im lặng nặng nề đang bao phủ lồng như một bức màn dày khiến tia nắng đầu ngày dường như chưa dám tràn vào phòng.

Không còn tiếng hót chào đón nữ thần rạng đông nữa. Đã biến mất rồi chim quế lâm.

Lòng. Trống. Rỗng rang. Lạnh. Câm. Không có gì. Không.”...

- Cô ơi, mua con chim này đi. Nó hót hay, còn múa đẹp nữa.
- Chim gì thế?
- Chim quế lâm, cô ạ. Có người gọi nó là chim tương tư.
- Tương tư?
- Thật mà.
- Có tương tư thật và tương tư giả à? À, thì ra chỉ có một con thôi.
- Con trống đấy.
- Trống à? Cái lồng này mà không có chim cũng gọi là trống thôi. Trống không. Rỗng. Chẳng có gì.
- Cô ơi, làm ơn...
- Mua tương tư về làm gì?
- Mà sao gọi là tương tư, cô biết không?
- Mà sao gọi là tương tư? Em hỏi như triết gia ấy.
- Triết gia là gì?
- Lại hỏi! Em đi bán tương tư mà không biết gì về nó à? Em bao nhiêu tuổi rồi?
- Mười một.
- Em có đi học không?
- Không. Mẹ không cho học.
- Và em đi bán chim?
- Bán thứ gì mà nhà em có.
- Mong em không bán cái thứ mà em tự có.
- Cô nói gì?
- À không, xin lỗi em.
- Cô mua giúp em đi.
- Cô sợ tương tư.
- Nó không đáng sợ đâu. Dễ nuôi lắm. Bột cám, bánh quy, sâu bọ... nó ăn được hết.
- Tương tư mà thế!
- Nếu không bán được con chim này, em chết mất.
- Tại sao vậy?

- Không được về nhà, mẹ em bảo, nếu còn không bán được chim.

- Một cô bé như em! Mẹ em là ai vậy, có phải là mẹ đẻ không?

- Mẹ đẻ mà.

- Thế bố đâu?

- Mất tích.

- Mất tích khi cô bé cần bố! Và em lang thang trong công viên, trên các phố với lồng chim trên tay? Nếu không ai mua thì em thế nào?

- Đêm qua em ngủ ở đây.

- Thật à?

- Nhìn em đi. Bẩn lắm, phải không? Em thích được sạch, được cười, được hát.

- Thôi được. Để em có thể về nhà...

*

Vậy là em mua chim quế lâm và cả cái lồng trong công viên mà em thường đi bộ mỗi chiều.

Và đem ngục tù của tương tư về treo bên cửa sổ phòng mình.

Vì cô bé tội nghiệp ư? Chắc anh đang hỏi thế, phải không?

Em không biết. Em có thể cho cô bé ít tiền và từ chối cái loài chim gọi là tương tư ấy. Em không thích cái tên đó.

Vậy mà bây giờ em là chủ nhân của tương tư rồi đây.

Suốt ngày nó hót. Như khướu. Suốt ngày nó múa. Như cá chuồn. Múa đến bươu đầu sứt trán, cái thứ chim điên tam đảo tứ.

Nó đang tập múa điệu vòng tròn. Từ thanh ngang đang đậu dưới thấp, nó tung mình, cố vẽ một vòng tròn trên không. Nhưng chưa đạt. Hoặc vì đó là một con chim vụng về. Hoặc vì lồng khá chật hẹp.

Theo người ta chỉ dẫn, em mua bột cám Ba Vi cho nó, lại còn trộn thêm lòng đỏ trứng.

Khi em ăn bánh quy, nó cùng ăn với em. Khi em tắm nắng ngoài hiên, nó cùng tắm nắng. Và khi tương tự... Đây là điều em hận mình nhất.

Nó là loài chim đẹp. Nhưng trông giống một cô gái quá son phấn. Bộ cánh nhiều màu, nền xanh ôliu nổi bật. Dưới chiếc mỏ hồng vàng nho nhỏ là một cái ức màu cam óng ả. Đuôi mắt được tiếp nối bằng một vầng sáng trắng mịn mê hồn, có thể gợi ý cho một người mẫu kẻ đuôi mắt của mình, chỉ mong gợi tình như mắt chim.

Điệu đàn quá, phải không?

*

Chim quế lâm đã có lồng mới, rộng gấp rưỡi lồng cũ. Cu cậu thích quá, càng say mê tập múa.

Bao giờ nó mới vẽ được vòng tròn hoàn hảo đây, vòng tròn của biển chuyên và quy hồi?

Và đến lúc ấy thì anh sẽ trở về?

Anh không mất tích chứ? Như bố của cô bé bán chim trong công viên.

Anh chỉ đang ở xa. Và xa là bao xa? Ngay cả điều đó em cũng không biết.

Bé Mi đến chơi. Nó đang học ba lê, anh biết chứ? Thấy quế lâm nhảy múa tung bùng, thích quá, cho rằng chim quế lâm làm gương cho bé học múa.

Nhìn kia, lông đầu nó xác xơ. Còn Mi thì đau từng ngón chân và mắt cá. Nhưng mà chim thì không khóc như Mi.

Cuối cùng thì, chắc anh cũng đoán biết điều mà Mi thật sự muốn nói khi cô bé ư nững nịu này ca ngợi quế lâm, đưa chim về nhà Mi có phải là tuyệt vời không chứ?

Nhưng mà em nói, cô đang chờ điệu múa vòng tròn.

Bất cứ khi nào cô thích xem điệu múa vòng tròn thì Mi sẽ biểu diễn cho cô xem được mà.

Ôi trời, như thể cô bé xinh đẹp này đang đồng hóa mình với

chim quế lâm.

Nhưng mà không phải em cũng đồng hóa mình với chim sao? Cùng một lứa bên trời tương tự. Nó múa không phải cho em xem mà cho một con mái vô hình. Em viết không phải cho một kẻ vô hình, kẻ mắt tích, kẻ đi xa, xem đây à?

- Cô ơi, cho Mi con chim này, cô cho Mi mà, cô nhé.

Liệu là cô bé sẽ không về nếu em từ chối cho đi chim tương tự của mình? Cuối cùng thì thế nào em cũng sẽ xiêu, Mi biết chắc như thế.

Đó là đứa cháu gái mà em cưng chiều nhất. Đôi khi em bắt nó ngồi yên cho em ngắm nhìn. Và dù chỉ ngồi yên, mọi vẻ duyên dáng vẫn nở ra từ Mi như những cánh tay ngà đang tỏa quanh Mi trong điệu múa thiên thủ Quan Âm.

Khó mà từ chối điều gì với cô bé xinh như mộng này.

Nhưng khác những lần trước khi cô bé thích những món đồ chơi trong nhà em, lần này em giữ chặt quế lâm lại.

- Mi ơi, cứ lấy những gì ưa thích trong nhà này, trừ chim tương tự.

- Tương tự là gì vậy? Bé Mi hỏi y hệt cô bé bán chim trong công viên. Và thái độ nằn nì dai dẳng cũng không khác mấy.

Kỳ lạ thay, một tiểu thư lộng lẫy như Mi lại giống một cô bé khốn cùng thất học trong công viên đến vậy.

Tuy nhiên vẫn thấp thoáng trong giọng Mi, một điều gì đó rất tinh ma. Dù biết thế, em vẫn vờ vĩnh.

- Mi hãy nhìn nó xem. Tại sao nó múa và tại sao nó hát? Không phải cho cô hay cho Mi xem đâu.

- Cho bạn tình của nó - bé Mi đáp ngay - chứ gì, cho bạn tình vắng mặt.

Ừ, thế đấy. Kẻ vắng mặt bao giờ mà chẳng bấu.

Có vẻ hờn dỗi, bé Mi đòi về.

Không ai rước Mi về à, em hỏi.

Bé Mi chỉ cười. Khi nhìn qua cửa sổ treo lồng chim quế lâm,

em thấy một chàng trai đứng chờ. Và cả hai sống vai nhau mà đi dưới hàng dâu da xoan đang nở trắng hoa.

Mi đâu còn là một cô bé chỉ quen chơi với thú nhồi bông, em nhận ra điều đó lần đầu.

Thế đấy, chỉ còn lại em một mình và chim quế lâm một mình.

*

Mấy hôm sau, cuối cùng chim quế lâm cũng thành công với bài tập khổ luyện của mình.

Hân hoan, nó hót vang lừng. Cả tiếng hót của nó cũng hay hơn ngày thường bội phần.

Nó đã trở thành nghệ sĩ bậc thầy.

Vừa uống cà phê, em vừa nhìn nó vẽ vòng tròn hoàn hảo trên không trong chiếc lồng - ngục tù của tương tự - không rộng lớn gì mấy.

Nếu thả chim ra ngoài, liệu vòng tròn vừa vô hình vừa hữu hình đó sẽ lớn như thế nào trong điệu múa mê ly?

Thế là cảm dỗ thả tự do cho chim bỗng dung làm em run rẩy. Nhưng em trấn tĩnh lấy mình. Em không muốn một sự mất tích nào khác.

Hay sẽ dùng một sợi dây dài buộc vào chân chim khi đưa nó ra khỏi lồng. Và chim sẽ vẽ vòng tròn tuyệt diệu ấy với sợi dây ràng buộc? Ừ, hôm nào sẽ thử xem nếu tìm được một sợi dây thích hợp.

Biết đâu em sẽ buộc dây ấy một đầu vào chân chim và một đầu vào cổ tay em.

Như trong một bài thơ dụ ngôn của Rumi. Về con chuột trên bờ và con ếch dưới nước tự buộc dây tình vào chân nhau. Quá yêu nhau, chúng làm thế để cứ cần gập nhau là giật dây thôi. Một hôm, khi chuột bị một con quạ cắp lên không thì ếch cũng lên theo. Vì tình bạn mà họ cùng lên không, vượt qua luật tự nhiên.

Trong dụ ngôn ấy của Rumi có một câu thơ kỳ lạ:

*Những lồng chim của chúng ta
một bàn tay vô hình đưa đi vòng quanh.*

Ngày xưa, anh nhớ không, chính anh đã kể cho em nghe bài thơ dụ ngôn ấy.

Khi nhìn chim quế lâm trong điệu múa vòng tròn, em tưởng chừng cả chiếc lồng cũng lượn vòng quanh em.

Vòng tròn đã khép. Đường như mọi sự đều quy hồi. Sao anh chưa về?

Sợi dây tình vô hình bàn tay em đã giật, sao anh chưa về?

Em đã tin ngày mà chim quế lâm thực hiện hoàn hảo điệu múa vòng tròn cũng là ngày chúng ta gặp lại nhau. Em đã tự lừa mị mình, huyễn hoặc mình bằng một bài tập tâm linh của vòng tròn hư ảo.

Em tự buộc mình vào cái bóng của anh và qua đó buộc mình vào cái bóng của trần gian.

Nhưng nếu có con quạ nào đến cắp em đi thì anh ở đâu, con ếch của em? Giữa anh và em là hư không hoàn hảo.

Không có vòng tròn nào như chim quế lâm đã vẽ nên, sao thế anh?

Đêm đó em trở về ấu thơ và chơi trò nhảy dây trong giấc chiêm bao. Em nhảy dây một mình. Hai đầu dây không ai cầm vậy mà dây cứ quay tít, vẽ một vòng tròn qua đầu và chân em trong khi em tung mình lên xuống điên cuồng mà không thể tự mình dừng lại...

*

Rồi tỉnh giấc. Bên cửa sổ đối diện phía giường em nằm chiếc lồng vẫn còn treo đó, có điều một thứ im lặng nặng nề đang bao phủ lồng như một bức màn dày khiến tia nắng đầu ngày dường như chưa dám tràn vào phòng.

Không còn tiếng hát chào đón nữ thần rạng đông nữa. Đã biến mất rồi chim quế lâm.

Lồng. Trống. Rỗng rang. Lạnh. Câm. Không có gì. Không.

Không có quả trứng nào được đặt vào đó thay cho con chim như họa sĩ Magritte đã mơ và vẽ lại giấc mơ của mình.

Vậy thì em sẽ vẽ lại cảnh Em-thơ-ấu-đang-nhảy-dây trong cái lồng chim bơ vơ này, siêu thực kiểu Dali vẽ cô bé Alice, được không anh?

Làm cách nào con quế lâm đã bay thoát? Hay ai đã đánh cắp nó, như con quạ đánh cắp con chuột trong thơ Rumi. Thực tế là đêm qua có kẻ trộm vào nhà?

Bé Mi à? Anh có nghĩ như vậy không?

Em thì không nghi ngờ bé Mi chút nào. Vì nếu đánh cắp một thứ gì, em tin là cái đó không làm Mi yêu thích nữa. Cô nàng chỉ muốn có những gì mà vẻ hút hồn của nàng bắt người ta phải trao thứ ấy, món quà ấy, vào tận tay nàng.

Em muốn tin rằng một điều huyền bí nào đó đã giúp cho chim quế lâm tự sở lồng, bay đi tìm tự do và bạn tình của nó. Đây hoàn lạc ở đâu đó cả hai sẽ diu nhau cùng thực hiện hoàn hảo điệu múa vòng tròn giữa một không gian vô tận.

Vì bản thân em không làm gì được nên chim quế lâm thay em mà ra đi, đồng hóa em vào bản thân chim.

Nghĩ như thế liệu có buồn cười không?

Đầu sao đi nữa cũng đỡ buồn hơn trong những giờ phút đầu tiên mà chim mất tích.

Không bao lâu sau đó em nhìn thấy sự biến mất của chim tương tự như một điềm xấu.

Rằng sẽ không có cuộc quy hồi nào hết.

Không chỉ có chim mất tích mà nhiều thứ khác cũng sẽ theo nhau ra đi.

Trước hết, chẳng có cuộc gọi hay tin nhắn nào của bé Mi. Nó giận em thật rồi. Có thể vì mới có bạn tình, em cố tự an ủi, Mi không còn thời gian dành cho em như trước đây.

Ngay cả điều đó cũng làm em đau đớn.

Nhưng nếu Mi đến, em có gì cho Mi đây? Em đã từ chối Mi

chim quế lâm. Điều đó có nghĩa là em có thể từ chối những điều khác nữa, phải không anh?

Có thể là em đã quá yêu bản thân mình. Trong em còn khoảng rùng rùng trống thực sự nào dành cho người khác không, em không biết nữa...

*

- Cô ơi, mua thêm con chim này đi. Nó là chim mái đấy. Như thế cô sẽ có một đôi chim tương tư.

- Một đôi thì còn tương tư gì nữa?

- Thì một đôi quế lâm.

- Nó là chim mái à. Sao giống hệt con kia, con mà em đã bán cho tôi tháng trước. Biết đâu, bằng cách nào đó, nó đã trở về với em.

- Không có đâu cô ơi, em xin thề đấy.

- Không sao. Đó là chim. Nó thuộc về bầu trời. Không thuộc về chúng ta.

- Cô đã đánh mất con quế lâm ấy à?

- Có thể nào tìm lại một con chim mất tích bằng cách trở lại một công viên?

- Nhưng đây là con mái cô à.

- Tôi không muốn nhìn con mái. Có gì đó làm mình dễ lây nhiễm khi nhìn một con mái tương tư.

- Cô làm ơn đi. Tội nghiệp nó, tội nghiệp em.

- Tôi sợ những cuộc mất tích.

- Nếu canh giữ cẩn thận thì có cái gì bay đi đâu được.

- Tôi nào biết canh giữ.

- Cô xem này, màu lông nó đẹp chưa.

- À, màu ôliu chứ gì. Thì cứ để nó cô lieu, có sao đâu.

- Nhưng nhìn cô kia, cô cũng buồn mà.

- Thì buồn, có sao đâu?

Hạt Bụi Mùa Vu Lan

*Mùa Vu Lan...
đến thật gần
chấp tay,
đón Tứ trọng ân
tâm thành
đời con,
hạt bụi vô danh
bay đi muôn hướng
nói tình nghĩa nhân
báo đền
một chút thâm ân
ngày hiếu trọng
ai cũng cần
nhớ ghi!*

Tiền Đưa Tiếng Chim Cu

Truyện ngắn



1.

Giấc ngủ trưa hôm nay của tôi bỗng dưng bị đánh thức bởi một âm thanh dịu dàng, trầm đục rồi có lúc ngân nga như một khúc nhạc buồn. Phải mất vài giây định tâm, tôi mới nhận ra đó là tiếng kêu của một chú chim cu. Phải rồi, chiều hôm qua chú bé Bo nhà bên cạnh có “tha” về một cái lồng cu, nó bảo với tôi: “Bà cháu thích nghe tiếng cu kêu để nhớ về quê, nơi mà mùa này chim cu kéo về làm tổ rất nhiều trên các mái rạ!”. Tôi cũng ừ hử cho thẳng bé vui, chứ ở cái khu phố nóng bức, nhà cửa chật khít như vậy, không biết chú chim kia trụ được mấy ngày?

Nhưng rồi tôi cũng quen dần với tiếng chim cu buổi trưa ở cái khu phố nghèo này. Nó như một bài kinh tụng buồn thiu giữa tiếng rao bán chuối chiên của dì Bảy hay tiếng quây cà phê đá

lanh canh của ông Tư ở nhà dưới. Tiếng chim cu nghe buồn lạ! Hẳn nó có tâm sự gì mà cất tiếng lên làm cho người nhớ da diết một cái gì đó ở tận ngày xưa ngày xưa?

Một tuần lễ trôi qua, tiếng chim cu đã trở thành âm thanh thân thiết của mọi người. Giấc ngủ trưa của tôi lại được chăm sóc thêm bằng một điệu nhạc quê hương buồn da diết. Chỉ với ba nốt nhạc: “Cúc, cu, cu...” thôi, mà nó biến tấu cao thấp, trầm bổng thành một bản nhạc dài bất tận. Nó chăm chỉ hát, tôi chăm chỉ lắng nghe. Rồi thỉnh thoảng tôi bắt gặp được một hình ảnh nào đó của ký ức ngày xưa hay một khoảnh khắc yên lặng hiện lên trong tâm trí mình. Và tôi yêu cái khoảnh khắc yên lặng đó. Nó làm thân tâm tôi dịu xuống, nhẹ đi như buông bỏ được một gánh nặng từ tiền kiếp... Sự suy tư, động não mà sách vở thường hay khuyến nên thực hành trong những bài học về tâm lý nay đối với tôi lại là một trở ngại lớn lao. Tôi chỉ cần sự yên tĩnh nội tâm dù chỉ trong khoảnh khắc. Rồi khoảnh khắc yên tĩnh ấy được kéo dài ra hơn khi tôi chú ý lắng nghe bản nhạc trưa hè của chú chim trong lồng. Tôi bỗng nhận ra mình đã mê nó như ngày xưa mẹ tôi yêu bản Sonate Ánh Trăng của Beethoven hay ba tôi yêu tiếng Lục Huyền Cầm của Văn Võ. Mẹ đã từng bảo các con rằng bà vượt qua được mọi tật bệnh nhờ vào bản Sonate Ánh Trăng kỳ vĩ này. Thì ra âm nhạc, âm thanh lại chứa một năng lượng điều trị lớn lao như thế! Và tiếng chim cu, kỳ lạ thay tiếng chim cu vô tình của bé Bo nhà bên cạnh đã giúp tôi tìm được sự bình an trong tâm hồn, dù chỉ trong khoảnh khắc!

2.

Phòng khám đa khoa của bác sĩ Tâm chiều này bỗng đông khách bất thường. Tôi chen lấn mãi cuối cùng cũng lấy được số 21. Chà! Con số hên đây. Hôm nay tôi đi khám bệnh với tâm trạng khác hơn mấy ngày trước, cứ cau có, hom hem vì cái chứng nhức đầu kinh niên của mình. Đến lượt khám, bác sĩ Tâm cười, hỏi tôi:

- Sao cái chứng nhức đầu giảm nhiều chưa?

Tôi bất ngờ quá trước câu hỏi này, vì cả tuần nay, hễ cứ buổi trưa là nằm nghe tiếng con chim cu ru đều đều một điệu nhạc quê hương buồn muôn thuở. Tôi quên cả cái chuyện nhức đầu từ cả tuần này rồi. Điệu ru quê hương của chú chim đã làm thần kinh tôi chùng xuống, tâm tôi lắng lại và quên đi cái bệnh trạng nhức đầu vô cơ của mình từ mấy năm nay. Tôi lấp bắp:

- Dạ, thưa... thưa đỡ nhiều lắm rồi, bác sĩ. Đỡ nhiều lắm lắm...

Bác sĩ Tâm cười tươi:

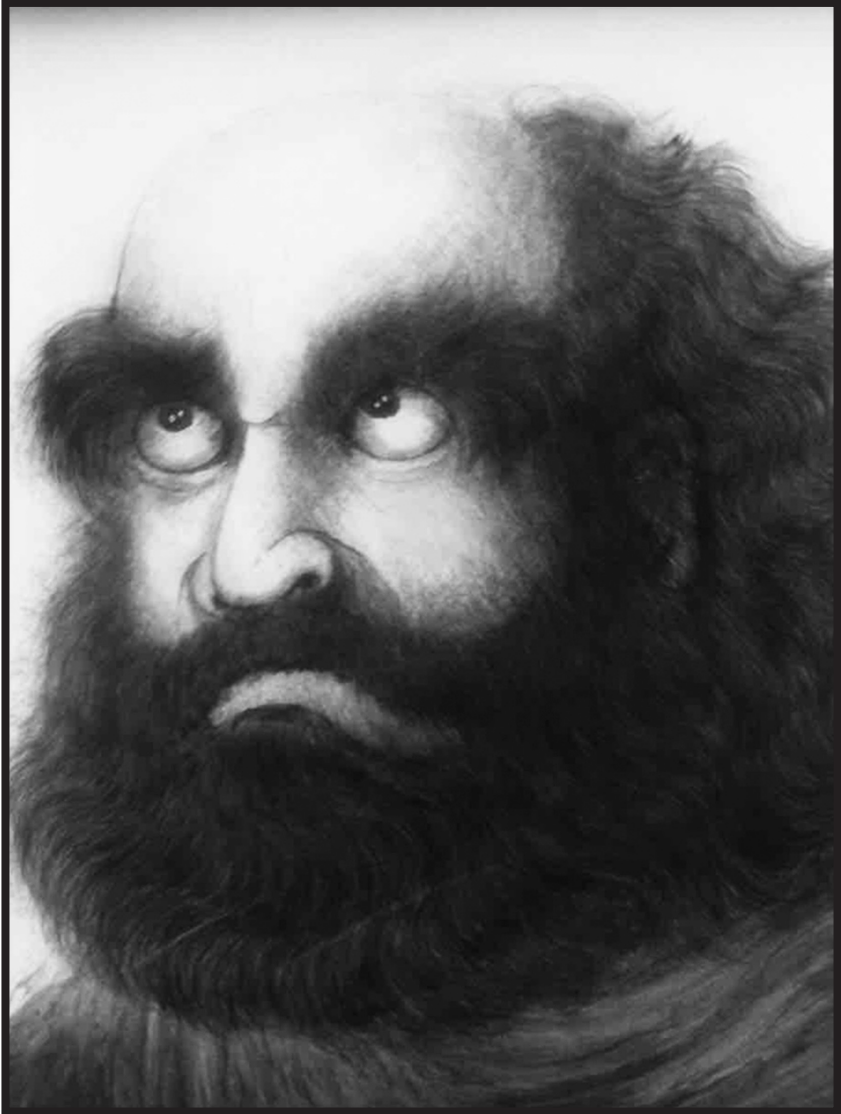
- Đó thấy chưa, tôi nói là anh phải dùng thuốc kết hợp với thư giãn, thể dục thì mau khỏi thôi...

Sau lần khám này, tôi xin giảm bớt liều lượng thuốc lại, vì hình như trong tuần qua tôi uống rất ít thuốc mà chứng đau đầu lại giảm nhiều lắm!

3.

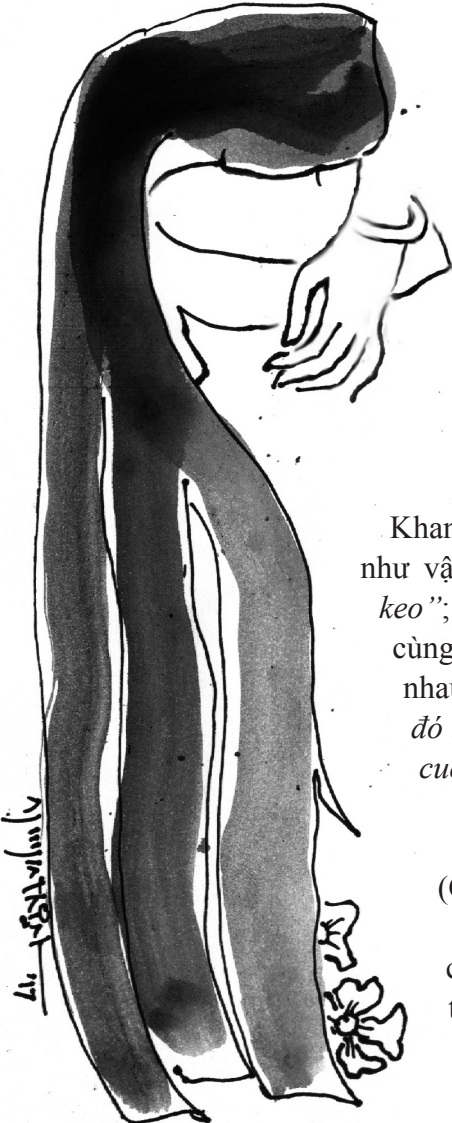
Rồi một buổi trưa thức dậy. Như lệ thường, tôi cố lắng nghe bản nhạc của chú chim cu. Nhưng trưa nay chỉ có tiếng gió đưa xào xạc trên mái tôn nóng bức. Đâu rồi tiếng chim thân yêu của tôi? Mở cửa bước ra hành lang nhìn sang hiên nhà bên cạnh. Thằng Bo đang đứng ủ rũ nhìn chú chim cu nằm bất động, đầu ngoẹo một bên, những chú kiến xám bắt đầu bò quanh lông...

Vậy là từ nay tôi mất một bạn hiền, một sinh vật nhỏ bé nhưng đã giúp tôi nhìn lại được chính mình. Tiếng hót của sinh linh nhỏ bé này không chỉ là một lời tình tự quê hương, mà còn gieo vào lòng tôi một một khoảng lặng bình an, từ đó tật bệnh của tôi được tiêu trừ, cuộc sống tôi có sự thay đổi lớn từ đó... Cuộc đời vô thường, biết nói sao đây? Tôi xin thằng Bo xác chú chim cu về và đem ra sau nhà chôn cất cẩn thận, thả cho nó một nén hương thơm để cảm ơn về những khúc nhạc an lành mà nó đã cống hiến cho đời.



BỒ ĐỀ ĐẠT MA - TRANH ĐẮC THỨC

Thương Lắm, Bàn Tay Đen Của Má!



1.

- “Hồi ngoại còn sống,
những lúc rảnh việc phơi lụa,
ngoại thường kể chuyện về má...”.

Khan nói giọng buồn buồn với Khát như vậy. Mỗi lần lên chùa lạy Phật, “xin keo”; trên đường về, bao giờ hai đứa cũng cùng im lặng trong suy nghĩ giống hệt nhau: *Cái tên khởi sự từ “Kh”, có phải đó là điềm vận mạng gắn liền với “khổ” cuộc đời chăng?*.”

“Còn cha còn mẹ thì hơn

Mắt cha mắt mẹ như đèn đứt dây”

(Ca dao).

Hai đứa ngu ngơ không biết và chẳng ai giải mã giúp hai đứa biết tường tận, kể cả sư cụ chùa Từ Vân.

Ánh sáng tù mù khói muối đèn thiếu sức soi tỏ mặt người, nói chi tới cảnh vật xung quanh. Bóng Khan chập chờn in tường vách lá. Bằng đôi tay người thợ, Khan đưa kén vào nồi nước đun sôi; tiếng nước réo ùng ục hay tiếng kén đau trở dạ để người thợ kéo mỗi tơ mắc vào bánh xa quay! Khan lụi hụi, một tay cầm đôi đũa khuấy “*liên tu*” nồi kén, một tay quay đều “*bắt tận*” đầu bánh xe. Dừng tay khi, chỉ còn lại xác con tằm và Khan thì, thở hổn hển, mồ hôi ra như tắm.

Khan ngồi dựa lưng cột nhà. Đêm sắp tàn canh!

Hai Hậu mồ côi từ nhỏ. Hàng xóm rủ nhau chuyên tay nuôi gọi là “*nuôi chuyên*” và bú vú đạo, gọi là, “*bú nhép*”. Tới tuổi nhỏ giò, Hai Hậu theo những người anh em rời đất Tịnh Biên lên Vô thuộc núi Cấm, không mần ăn mà mần quốc sự. Cuộc chống Tây bất thành, Thiên Địa hội tan rã nhưng, bọn Tây cũng không thể nào càn và chiếm được Năm Vô⁽¹⁾, còn gọi năm chỏm cao hoặc năm non trên núi Cấm. Hai Hậu cùng một ít người anh em, nương náu ở miếu Gia Long⁽²⁾ và lẩn trốn trong khu rừng cây Thiên tuế, tiêu phu hay gọi “*vỏ Thiên Tuế*”. Chịu không thấu “*son lam chướng khí*” của vùng núi non Thất Sơn huyền bí, đôi lần, Năm Thiệt, Sáu Thà dợm rủ Hai Hậu quay về Tịnh Biên nhưng, ngại lộ tông tích. Bí lối, cả ba đồng lòng trốn xuống miệt Tân Châu sống nghề cơ bắp, kiếm cái ăn đắp đổi qua ngày.

2.

- Bậu ngó gì, ngó “*người ta*” dữ vậy!

Tư Nghĩa liếng thoảng hỏi Hai Hậu, trong lúc đôi tay của Tư tỉ mẩn kéo từng đường tơ, se chỉ thành từng sợi liền lạc và hầu như, không mắc phải một mối nào bị lỗi.

- Tui ngó bàn tay của “*người ta*”! Bàn tay đẹp mỹ miều làm nên lụa láng mịn: *Ấm những ngày trời se se lạnh và mát những ngày nắng hầm hập nóng!*

Tư nghe tiếng đặng tiếng được bởi, âm thanh khung cửi dệt

rằm rập, lẩn át lời Hai Hậu.

Chiều bảng lảng trên cánh đồng dâu bát ngát! Chợ, có tiếng chàng trai cất giọng hò ướm mời cô Tư Nghĩa:

*“Trai nào hiền bằng trai Hai Huyện
Tháng ngày chuyên dệt lụa trồng dâu”.* (Ca dao)

Như thể cầm lòng khôn đậu, Tư mạnh dạn hò đáp trả liền miệng, người Tân Châu gọi đó là “hò môi”:

*“Gái nào thảo bằng gái Tân Châu
Thờ cha kính mẹ quán dâu nhọc nhằn”.*

Chàng trai bên kia liếp vườn mặc nưa, nín bật.

Tự dưng, Hai Hậu cảm thấy lòng mình se thắt lại. Nhỏ lớn, Hai không quen hò, nói thơ, nói truyện... thì, nói chi tới biết nên lòng những bán tín bán nghi. “Trai Hai Huyện” là trai gì mà, “tháng ngày dệt lụa trồng dâu”? Vây, trai như mình chả lẽ, không phải trai trồng dâu dệt lụa! Trời khuya lác khuya lơ, Hai thao thức không sao chợ mắt được. Biết thằng đệ đương sa vào “tình trường” vì đã phải lòng Tư Nghĩa, Năm Thiệt lồm cồm lật mí nóp, bò dậy. Huynh đệ nói chuyện thâm. Ngoài kia, sóng sông Tiền dội bờ lúc nhạt lúc khoan như thông nỗi cảm hoài cùng người xa xứ. Năm Thiệt nói:

- Theo bậc cao niên và giới thương hồ ở Chợ Mới (An Giang) thì, Hai Huyện còn được gọi miệt Chợ Thủ hoặc miệt cù lao Ông Chưởng; cũng có người lầm tưởng Chợ Thủ là chợ ở miệt Thủ Dầu Một. Ông Chưởng chính là, Chưởng cơ Nguyễn Hữu Cảnh⁽³⁾. Chẳng có chi phải lo, dẫu rằng đệ chưa ở rẻ:

*“Công anh làm rẻ đốn rào
Tào lao phát ngọn, chớ nào vợ anh”* (Ca dao).

Thấy thằng đệ bó gối ngồi cú rũ, Năm Thiệt nhắc câu Tư Nghĩa thường khi hò:

*“Giả dò mua khế bán chanh
Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn”* (Ca dao).

Trời rưng sáng. Tiếng cười giòn rộ mé bến sông của “đàn

thôn nữ” đang xả lụa. Ý chừng có tiếng cô Tư hò, nhờ gió sớm gửi đến cho ai đó:

“Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai” (Ca dao)

*

Mỗi lần má nó vạch vú mớm sữa, con bé giẫy nảy không bú dù miệng khô, khát sữa... Tư Nghĩa lặng người, nhỏ từng giọt buồn trôi theo dòng nước mắt ướt má con. Con bé năm tháng tuổi, kinh hãi khi nhận ra cái màu đen tuyền phủ đôi bàn tay không thấy móng. Ngoại đặt tên cháu là Khan. Có lẽ, vì thương ba của cháu, ngoại tỏ ý trách cao xanh: Thằng rể không phải kẻ gian, sao nữ xử nó cái kiêu *“Trời bắt dung gian”*! Còn bọn gian, nhiều hơn mặc nưa vào mùa trái giữa tháng năm lịch nhà nông thì, trời giả lơ ngoảnh mặt?

Hễ thấy bàn tay đen kịt của má, nó khóc ngất. Từ đó, người mẹ không dám gần con, sợ làm tuổi thơ của con kinh động.

Ngoại kể rằng, cả xóm Long Hưng hầu như là, *“Ăn cơm đúng”* bởi, *“Mần ruộng ăn cơm nằm/ Nuôi tằm ăn cơm đúng”* (Tục ngữ). Thời con gái má Tư của nó nổi tiếng giỏi giang. Ngoại đẻ ba đứa con, chết hai... Tuy má Tư thứ tư nhưng, thứ tư đó là một. Ông ngoại mất sớm vì lao碌. Bà ngoại cùng con gái, đùm tùm nhau sống; chí thú theo nghề nuôi tằm, dệt lụa trong xóm lụa nước tiếng lãnh Mỹ A.

Ngoại nói:

- Trước ngày *“loan phụng hoa chúc”*, ba má con xin phép ngoại sang đình Long Sơn thấp nhang thần bôn xứ. Trên đường về, ba con nắm bàn tay tơ lụa của má con, rồi thề nguyện: *“Qua đình ngả nón trông đình/ Đình bao nhiêu ngói (tui) thương mình bấy nhiêu”* (Ca dao). Vậy mà, trời cao đành đoạn bắt ba con *“đi về núi”* sau một đêm cảm lạnh sơ sài, khiến má con *“đứt gánh giữa đường”* khi *“bung mang dạ chửa”*. Má con *“vượt cạn”* một mình. Rồi, hai năm sau, ngoại chịu cảnh *“tre già khóc măng non”*.

Và, vĩnh viễn cháu ngoại của ngoại, không còn dịp ngó thấy bàn tay đen kịt của má để kính sợ!

Khan đã khóc như chưa bao giờ được khóc khi, nghe ngoại kể về má!

3.

Ngoại mất vào mùa bông mặc nưa trở sắc vàng nhạt trên những tầng cây cao trật ót. Bông cái đơn lẻ, bông đực từng chùm. Và, Khan bây giờ cũng đã là thiếu nữ.

Những tàu lá dứa, những bãi cỏ xanh mượt... công những tấm lụa sóng sánh phơi nắng đồng bằng trông lãng mạn, rất đẹp; nhưng, chẳng thể lãng mạn và đẹp hơn lúc tấm chín mọng, đưa tầm lên bủa giăng tơ. Đất trời Long Hưng vàng óng những bủa tơ tầm. Nắng nghiêng màu chiều pha màu lam ngọc trái mặc nưa, một thứ trái “*vừa khó tính vừa chảnh, vừa nắng không ưa vừa mưa không chịu*”; một thứ trái lúc xanh dư nhựa, lúc chín tới hết nhựa; và chỉ thích đối xử bạc bẽo, không thích nuông chiều. Nghĩ tới trái mặc nưa, lòng Khan chùng xuống; nhớ má bao nhiêu thì, Khan thương đôi bàn tay đen của má bấy nhiêu. Đôi bàn tay đen đánh đôi miếng ăn trong trắng. Khan đã từ chối bú sữa má và khóc ré kinh hãi khi thấy đôi bàn tay đen đó!

- Lẽ thường tình, nếu những gì cần mất mình cho mất để đạt chuẩn đẹp cuộc đời thì, bàn tay đen tuyền của má đã tạo sự duy mỹ riêng có lụa Tân Châu qua nhựa trái mặc nưa thành nhan sắc!

Khan suy nghĩ như vậy, lúc thẩn thơ một mình dưới những vòm cây mặc nưa thân xù xì cổ thụ.

*

Chẳng hiểu vì sao Khan thích nghề nhuộm lụa. Một nghề cần sức lực cơ bắp cánh đàn ông. Cái nghề mà ngày xưa, má của Khan chấp nhận bỏ đôi bàn tay đẹp nhất xóm Long Hưng để cùng chồng nhuộm lụa. Có người cho đó là di truyền và cũng có người nói đó là truyền thống. Di truyền hay truyền thống, chẳng quan

trọng đôi với Khan. Theo nghề của má, Khan thương bàn tay đen tuyền của má, thương xóm quê nghèo và làm theo di nguyện của má: *Giữ vững thương hiệu lãnh Mỹ A xứ sở!*

Khát đứng đầu hồi nhà nói vọng sang, nhắc:

- Khan ơi! Đêm nay, trời có trăng; tội mình tới phiên nện hàng rồi đó, nhớ nha!

Lãnh muốn có độ bền, bóng loáng phải chịu lực nện từ búa gỗ lên bề mặt sợi vải. Tiếng nện hàng nhịp nhàng trong đêm thanh vắng, tạo cảm giác êm đềm, luyến láy hồn quê. Từng sợi tơ thấm đều, thấm sâu màu đen bóng thì, mười ngón tay người nhuộm cũng đen bóng như sợi tơ kia. Và rồi, đôi bàn tay của Khan giờ đây nào khác chi đôi bàn tay của má ngày trước.

Trong lúc nện hàng, bỗng nghe tiếng chàng trai giã trái mặc nưa hò bóng gió:

“Nện hàng em nện mạnh tay

Phải duyên chồng vợ anh mai mối mình” (Ca dao).

Khan dư sức biết anh chàng đương hò đó là ai và rõ là ai, từng hò *“thả dè”* qua ruộng dâu hàng xóm:

“Quay tơ phải giữ mối tơ

Dù năm bảy mối cũng chờ mối anh” (Ca dao).

Khánh cười khúc khích:

- *“Chịu dè”* rồi đó, bạn ơi!

Như san sẻ nỗi cô quạnh của đứa bạn thân nhứt xóm.

*

Khan xòe bàn tay soi bóng đêm. Nỗi ám ảnh bàn tay đen của má ùa về. Rồi ngày mai, con của con sẽ như con: *“Khóc ré khi thấy bàn tay đen...”* dù bàn tay đen đó, chưa hề dơ và làm nên kỳ tích lừng danh lụa quê nhà!

Bất chợt, đôi bàn tay đen bóng của Khan bám chặt lu hương thờ má:

- Má ơi...!

HOÀNG YÊN DY

Quà Tặng

*Em mang xú Tặng trầm tư
Tặng ta câu chú khắc từ trời xanh
Câu thần niệm – vọng âm thanh
Mà ru đời ngủ êm lành trần ai
“Nam Mô” là chạm thiện tai
OM... mây trắng nở một tòa... ngát sen!*

(Trích thơ HOÀNG YÊN DY - NXB Văn hóa - Văn nghệ 2016)

.....
(1) Núi Cẩm có nhiều vồ nhưng, trong dân gian và nhất là, người tại chỗ chỉ nhắc năm vồ: *Vồ Bồ Hồng, vồ Đầu, vồ Bà (Bà Chúa Xứ), vồ Ông Bướm, vồ Thiên Tuế.*

(2) Ở Nam bộ có ba nơi lập miếu thờ Gia Long: *Mũi Ông Đội (Phú Quốc, Kiên Giang), Nước Xoáy (Lấp Vò, Đồng Tháp), vồ Thiên Tuế (núi Cẩm, An Giang).* Theo truyền miệng dân gian: Để tránh quân Tây Sơn “truy bắt”, Nguyễn Ánh tạm trốn ở núi này, chờ thời cơ chạy ra Phú Quốc. Sợ lộ, đoàn tùy tùng Nguyễn Ánh phao tin dữ, cấm dân chúng vào núi. Từ đó, núi có tên *núi Cẩm.*

(3) Hai Huyện: Tân Bình, Phước Long là hai đơn vị đầu tiên được chúa Nguyễn thiết lập nền hành chính ở miền Nam.

Khi Thượng Đế Phá Thai



MAI TUẤN

*Khi Thượng đế phá thai
Nhà thơ, nhà thờ tắt thở trong ngôi đền của mình
Khi Thượng đế phá thai
Nhân loại ra nhìn bầu trời xanh cười vu vơ
Rồi nguyên rửa trái tim mình.
Nhất định điên.*

Sài Gòn - Miên Đức Thắng

Nhớ Những Lời Của Ba Tôi

(Nhân ngày Father Day 18/6/2017)



TRƯƠNG VĨNH CHẤN VỚI KỶ NIỆM VỀ CHA

Mùa hè lớp Đệ Ngũ (niên khóa 1961-1962) trường trung học Trần Lục (Tân Định, Sài Gòn), tôi được ba tôi đóng tiền học thêm Pháp văn ở trường Emile Zola trên đường Phát Diệm, gần chợ Cầu Kho. Đó là trường chuyên dạy các chương trình trung học bằng tiếng Pháp. Một hôm, thằng bạn cùng lớp rủ cúp cua một buổi chiều để đi xem xi nê. Mấy ngày sau, trường báo tôi vắng mặt một buổi không lý do. Thế là việc trốn học bị phát hiện. Tôi nhớ ba tôi đã răn dạy rằng: “Gia đình mình nghèo, mà là anh lớn nhất nhà thì phải siêng năng chăm chỉ học hành và phải làm gương dẫn dắt mấy đứa em nữa”. Ông phạt tôi đúng 10 roi mây

đau điếng. Một kỷ niệm hay một bài học đáng giá mà tôi không bao giờ quên. Từ đó tôi không dám cúp cua trốn học suốt bậc Trung học. Nếu không có mấy roi đó chắc tôi sẽ tiếp tục phạm sai lầm để rồi “rớt tú tài anh đi Trung sĩ “ là cuộc đời tôi sẽ khác biệt nhiều...

Năm 1966, nhà của tôi ở bến Chương Dương trong cư xá của hãng nước ngọt B.G.I, cũng là năm đầu tiên tôi học trường Đại học Dược khoa. Lúc đó ba tôi là Quản đốc phân xưởng làm si-rô của hãng nên mỗi tháng được hãng cho hai thùng loại 12 chai la-de (bia Con Cọp). Ông coi tôi như người lớn vì đã vào Đại học nên ông cho phép tôi được uống số bia này. Thế là thỉnh thoảng vào buổi chiều, sau giờ tan sở, ba tôi và tôi cùng khui bia uống, nói chuyện trên trời dưới đất trước khi vào bữa cơm. Tôi nhớ những khoảnh khắc đó suốt đời. Ngồi lại uống bia với nhau cũng là dịp ba tôi dạy cho tôi nhiều điều.

Một bữa nọ, đang lúc uống bia, ông chỉ tay vào mấy con kiến đang bò trên nền nhà và nói: “Con nhìn kỹ mấy con kiến kia, có thấy gì không?”. Tôi có vẻ không hiểu thì ông nói ngay: “Mấy con kiến lớn chạy loanh quanh, mau lẹ nhưng là xách “xe không”, chạy tới chạy lui mà không có gì cả, còn mấy con kiến đen nhỏ chậm rãi, từ tốn nhưng bao giờ trên đầu cũng có miếng mồi lớn hoặc nhỏ đem về tổ”. Ông không nói nhiều nhưng tôi rất thấm ý, ông muốn truyền đạt rằng tôi có làm gì cũng phải kiên nhẫn, nếu nóng vội sẽ rất dễ gặp thất bại. Và đúng như vậy, sau này ra đời, nhiều lúc tôi bị hỏng việc cũng vì quá vội vàng, hấp tấp.

Thập niên 1960-1970, miền Nam có rất nhiều biến động, chiến tranh, biểu tình, lộn xộn, rối ren kinh tế... Ba tôi thường dặn tôi phải lo tập trung học hành thành tài mới có điều kiện giúp gia đình đông đến mười người. Vừa uống bia, vừa nghe ông cắt nghĩa chuyện đời xem ra rất thú vị, rất có lý, định hướng cho tôi nhiều điều.

Một hôm, ông nói với tôi mấy câu: “Ba không có đất đai,

ruộng vườn, tài sản gì cả, chỉ có đi làm lãnh lương hằng tháng nuôi gia đình, nhưng nếu mấy con chăm chỉ học hành thì ba ráng lo cho tụi con tới nơi tới chốn. Ngày con tốt nghiệp lãnh bằng được sĩ tức là ngày con nhận một gia tài ba chia cho đó!” Đúng như ông nói, tôi vào đời với hai bàn tay trắng và một mảnh bằng Đại học để từ đó có cuộc sống mà xã hội chấp nhận và tôn trọng.

Năm 1989, tôi nghỉ làm công chức trong ngành y tế để ra làm công việc tư nhân. Một ông bạn của ba tôi kể cho tôi biết rằng khi ông hỏi ba tôi có chỉ đạo hay hướng dẫn gì cho tôi trong giai đoạn đầu tôi bước vào thương trường đầy thử thách và may rủi thì ba tôi trả lời đại ý là: “Chỉ đạo của tui là không chỉ đạo gì cả”. Tôi nghiệm ra đúng là như vậy, ba tôi hoàn toàn không hề can thiệp hay có ý kiến gì về công việc làm ăn sinh sống của tôi cả. Có lẽ, ông nghĩ rằng tôi đã 41 tuổi, đã đủ sức đương đầu với các đổi thay trong cái thế giới đầy biến động này. Và cũng có thể kinh nghiệm sống của ông đa phần thuộc phạm vi của người làm công ăn lương tháng nên không rành về thương trường. Tôi cho rằng câu trả lời nói trên với bạn của ba tôi là sáng suốt. Tôi đã có những thời gian khó khăn nhưng nói chung nhiều thành công hơn thất bại.

“Nước bao giờ cũng chảy xuôi từ cao xuống thấp chứ không bao giờ ngược lại”. Ông nói như vậy về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Tôi nhớ ông không bao giờ hỏi hay yêu cầu tôi cho ông tiền bạc hay cái gì khác cho đến tận cuối đời ông.

Câu nói cuối cùng của ông với tôi là: “Mấy giờ rồi?” khi ông nằm ở khoa cấp cứu bệnh viện Nguyễn Tri Phương vào một ngày nắng chói chang tháng 3 năm 2002.

Giờ đây khi tuổi đã cao, nhìn lại quãng đời đã qua tôi nhận thấy ba tôi rất đúng trong việc nuôi dạy giáo dục con cái. Tôi mang ơn ông vô cùng.

Thả Trắng

*Ngàn năm trắng thả yếm trắng phơi
Uớm chút vàng rơi tưới cõi người
Mục tử say tình si chết lặng
Thi nhân thám ý vận thơ rơi
Ngơ ngơ gió thổi la đà mộng
Ngẩn ngẩn mây bay lắt léo đời
Ghé xem nước ước chim đã mỏi
Vàng động dưới đôi trắng vỡ đôi!*

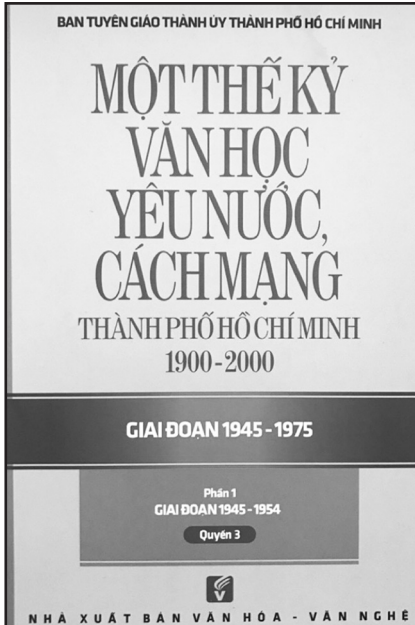
Vớt Trắng

*Vì yêu,
vớt giọt trắng vàng
nào hay trắng vỡ sóng tàn trên tay*

*bẽ bàng
rớt mộng đêm nay
tình chưa kịp ngỏ lỡ này ai mang?*

*thần thờ
sao bóng trắng tan?
ngu ngơ - năm ngón tay vàng - bơ vơ*

*dính thương
hương sắc còn tơ
tình thơ - chết lặng giữa bờ - trắng không!*



Cao Quảng Văn là một trong những gương mặt được giới thiệu trong tập sách “Một thế kỷ văn học yêu nước cách mạng thành phố Hồ Chí Minh 1900-2000”, NXB Văn hóa - Văn nghệ. Sách gồm 25 tập, dày trên 20.000 trang, do Ban Tuyên giáo Thành Ủy thành phố Hồ Chí Minh chủ biên, Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

Ông sinh năm Đinh Hợi 1947. Quê gốc ở Huế. Vào Sài Gòn học tập, sinh sống từ tháng 6 năm 1966, sau hai năm học Đại học Văn Khoa Huế. Dạy học, viết báo, viết văn, làm thơ, cộng tác

cùng các báo, tạp chí ở Sài Gòn (Văn Học, Bách Khoa, Trình Bày, Đối Diện, Tin Văn, Dân Chủ, Đuốc Nhà Nam,...). Sau năm 1975, tiếp tục dạy học rồi chuyển sang công tác văn hóa - thông tin, làm báo (Người Lao Động, Tài Hoa Trẻ, Kiến Thức Ngày Nay,...)

Về thơ, đã in: **Tiếng hát những người đi tới** (1966-1967), **Tiếng hát sinh viên Sài Gòn**; **Thảm Lặng Màu Xanh** (1996, NXB Trẻ), **Về Đâu Mây Trắng** (2001, NXB Thanh Niên); **Những Chân Trời** (2010, NXB Thanh Niên).

Bài thơ “Không Sầu” là một trong nhiều bài thơ nổi tiếng của ông trước 1975, được đăng trên tạp chí Bách Khoa vào năm 1972.

Hương Thiên xin được giới thiệu cùng đọc giả.



Không Sâu

*Sống cho hết những tâm tức
Đi cho hết quãng đường dài
Mỗi đêm nhìn lên trời sao sáng
Những muợn phiền sống vỗ với tàn phai*

*Hồn ơi hãy là thảm cỏ
Hồn ơi hãy là mây trời
Trong nắng mênh mang có lời của gió
Trong dấu chim đi có vạn u hoài*

*Ngày đã qua đi
Bên cầu dĩ vãng
Trong tôi cô liêu
Năm tháng quên đời*

*Sống cho hết những ám ức
Đi cho hết những ngày dài
Mỗi đêm nhìn lên trời muôn sao đua nở
Trong vô cùng thấp sáng một ngày mai...*

1972

(Đã đăng tạp chí Bách Khoa)

Kết Bạn

*Cứ tưởng mình bỏ cuộc
Không ngờ vẫn còn đua
Vui chơi trên facebook
Đâu cần chuyện hơn thua*

*Còn đoạn đường rất ngắn
Cứ vui cười hả hê
Ngày tháng qua rất chậm
Không quan tâm ngày về*

*Vô tư ta kết bạn
Không suy tính suy bì
Like với nhau thỏa thích
Nhiều lúc cười mím chi*

*Nhiều bài viết chân tình
Đâu cần văn thi sĩ
Những hình ảnh ghi nhanh
Bao nụ cười hoan hỷ*

*Được bớt thù thêm bạn
Có gì hạnh phúc hơn
Cám ơn người xa lạ
Phút chốc thành thân quen.*

Mẹ Đã Xa, Và, Ai Sẽ Quên?!?!

Khi người trả đời cho bão táp,
Tôi chọn cho mình một bến sông.
Khuya khuya vỡ bóng cây chung nghiệp.
Vững tôi trôi cùng tôi/ biển đông.

Khi người giữa mặt neo thương tích,
Tôi chọn cho mình đêm. Thủy tinh.
Tóc thơm hương cũ: môi tiền kiếp.
Nước mắt không màu/ tôi/ cháy nghiêng.

Khi người đứng trên triền dốc/ ngược,
Tôi chọn cho mình: tâm tịnh yên.
Thời gian sẽ lắng như trầm tích.
Ký ức tôi: bầu ngực thiếu niên!

Khi người chở buồn xuôi. Cuối mắt,
Tôi chọn buôn hàng chuyển: nỗi đau.
Đường xa, ai gánh sầu tôi/ mới?
Khung vải lên màu nâu. Xót nhau!

Khi người chọn lửa. Rừng nguyên thủy
Tôi nhớ cội nguồn tôi là chim.
Trở lui. Tôi thấy tôi thân thiết:
- Quỳ dưới chân người: môi/ mắt/ riêng.

Khi người chọn làm cơn lốc/ dữ,
Thơ ấu tôi là tâm bão/ đen.
Ngỡ em cúi xuống. Em như mẹ (?)
- Mẹ đã xa! Và, ai sẽ quên?!?

Một Cuộc Hóa Thân



- A lô, ừ ... anh khởi hành từ bến xe Đà Lạt lúc 6 giờ sáng, khoảng 11 giờ trưa là đến ngã ba Ninh Hòa. Em nhớ, đón anh ở đó nhé!

- Dạ, thưa sếp, em xin tuân lệnh ạ. Giọng đùa vui chắc nịch.

*

Đại Lãnh, đúng như người đời ca tụng, có lẽ là bờ biển đẹp nhất Việt Nam. Nơi đây, nét hoang

sơ vẫn còn phảng phất, dù đã có không ít khách sạn, cao ốc được xây dựng.

Trời trong xanh và cao. Biển lặng. Những làn sóng lăn tăn xô nhau vào bờ, nhẹ nhàng. Cát mịn bàn chân làm êm dịu những bước đi...

Hai người đàn ông, đàn bà; ngoại lục tuần, cầm tay nhau thành thoi, thông thả, từng bước dạo chơi trên bãi cát vắng người. Về phương Đông, những đám mây ửng hồng...

Im lặng....

- Em mỏi chân rồi, chúng ta ngồi xuống đây đi anh. Và nàng bá cổ chàng xuống với cử chỉ nồng nàn âu yếm.

- Cảm ơn em, anh thực sự đã già rồi, còn mấy tháng nữa là đến tuổi thất thập. Đây là một bổn phận. Đúng hơn, nói thẳng hoa một chút – là một hạnh nguyện!...

- Bồn phận ư? Hạnh nguyện ư? Anh nói gì em không hiểu? Chứ đây không phải là đỉnh cao của sự hòa hợp tình yêu của chúng ta từ hơn 45 năm qua, sao? Điều mà em chờ đợi gần nửa thế kỷ... hóa ra, là một sự ép buộc của anh ư? Bồn phận, hạnh nguyện... Ôi tình yêu, cái mà tôi chờ, tôi đợi thì ra... nó như thế đó!

Nàng nói trong nước mắt, và... mỗi lúc càng khóc to.

- Bình tĩnh, bình tĩnh... nghe anh nói đây, My! - Kéo nàng vào lòng, luồn những ngón tay xương xẩu vào mái tóc bạc phơ của nàng. Nhìn thẳng vào mắt nàng. Chờ qua cơn xúc động. Nghiêm túc, chàng cất giọng:

- Ngày My, chúng ta đâu còn trẻ con nữa, như em biết đó, về gia đình, anh có một người vợ trọn đời thủy chung son sắt, dù những lúc anh gặp những bão táp phong ba, xuống tận cùng xã hội. Anh còn có những đứa con trai, con gái, những con dâu, những con rể trân trọng và kính quý anh; cũng như những đám cháu nội, ngoại ngoan hiền. Về xã hội, anh là một Huynh trưởng của tổ chức có chiều dày về đạo hạnh. Và, nhất là tự bản thân một Phật tử nỗ lực hành trì giới luật mà mình đã phát nguyện. Thế mà, em biết không, hồi hôm anh đã tự đánh mất giới thể. Một điều, mà hơn 29 năm nay, anh đã “tịnh nghiệp”. Nhưng anh chấp nhận, hoan hỉ chấp nhận...

My im lặng nghe chàng nói, đôi mắt nàng nhắm nghiền lại, nhưng nước mắt cứ trào ra.

Rồi nàng tiếp:

- Bây giờ thì em đã hiểu, tại sao hồi ấy anh từ chối không cho em một đứa con, khi em yêu cầu. - Nàng nói rất chậm rãi.

- Ừ, thì tại hồi đó, anh còn tay trắng. Tinh thần thì xuống thấp. Vật chất trắng tay, đời sống chưa hội nhập với xã hội mới. Ốc chưa mang nổi thân mình mà em! Nào đâu dám hệ lụy với ai. Dù anh rất cố gắng bươn chải, nhưng kinh tế gia đình càng ngày càng khó khăn. Con đông, vợ yếu, thiếu thốn trăm bề. Dầu vẫn biết, em đủ khả năng nuôi dạy, nhưng anh... nhưng anh... không thể,

không thể... À, mà tại sao hồi đó em không chịu lấy chồng, trong khi em đủ điều kiện kinh tế và địa vị?

- Dạ, em cũng có tìm hiểu một vài người, nhưng thú thật, anh đừng cười em nhé... “Không có ai hơn em một cái đầu”. - Nàng nhắc lại giọng chán nản! - Thôi thì, em ở vậy, nuôi các cháu gọi bằng cô, bằng dì ruột cũng tốt. Khi về già, cũng có nơi nương tựa, lại có lương hưu ổn định.

- Ấy chết, cái bệnh ngã chấp của em cũng khó điều trị lắm. Cứ kiếm người nào có cái “đầu ngang bằng” mình đi, cuộc đời phải đỡ cô đơn hơn không?

- Anh mừng, em chịu. Cái số em ấy mà. Không duyên nợ với ai càng khỏe. Nhưng bây giờ, em lại nợ anh, nợ một cuộc hóa thân, anh cho em thành đàn bà. Và, anh ơi! Theo phong tục của một vùng nào đó ngoài xứ Huế, nếu người con gái chết mà chưa có chồng, thì người nhà thuê một người đàn ông xa lạ, bước qua bước lại trên xác ba lần, để hồn người con gái ấy khỏi thành tinh, không về quấy rối phải không anh? (Nàng đặt vấn đề phân tích như đã ăn sâu trong đầu óc tự bao giờ!). Anh ơi, câu chuyện nghe có vẻ dân gian ấy, xét theo quan điểm phân tâm học của Freud, hay cao hơn nữa, theo duy thức học của Phật giáo, thì cũng có lý lắm anh nhi? Và, có phải chính vì thế, mà anh,... mà anh... ???

Nàng lay nhẹ vào vai chàng.

- Thôi, bỏ qua đi, đừng nhắc nữa. “Lỗi tại tôi mọi đàng”. - Chàng cười đùa, đâm vào ngực mình ba cái, rồi đâm ngực My...

- Nhè nhẹ chứ anh, anh không thấy bộ ngực của bà lão 65 tuổi này chỉ còn da bọc xương à? Đầu phải như mấy chục năm về trước!

- Ừ nhi, “lỗi tại tôi mọi đàng”. - Chàng vui vẻ nhắc lại rồi xoa nhẹ trên ngực My...

Cầm lấy tay chàng, My áp đặt lên tim nàng, rồi nói trong niềm cảm xúc:

- Anh ạ, chắc chắn em sẽ không trở thành cô phụ, ví dù không

có anh bên cạnh. Em sẽ đi trên con đường mà anh đang đi. Những kinh sách, những pháp khí, áo tràng, tràng hạt mà anh gởi cho em, bây giờ đối với em thật vô cùng giá trị. Em mong rằng kiếp sau và kiếp sau nữa, em sẽ không nợ - nàng chỉ vào tim chàng - kiêu này đâu nhé! - Nàng hân hoan ra mặt.

Chàng cười nhẹ, nói nhỏ: NHÂN - QUẢ mà! Còn MUỘI hay LẠC thì lão chồn đồng kia đã được Hòa thượng Bách Trượng chuyển ngữ khai thị rồi ⁽¹⁾.

*

Lúc này, mặt trời đã lên được một con sào.

- Ta đi vào. - Chàng nhắc. Ăn cơm trưa xong, là họ chia tay. Còn tái ngộ, thì... Tùy duyên!

Biển hơi gợn sóng

Trời vẫn trong và cao.

Bên dòng sông Sê Rê Pok, tháng 12/2014

.....

(1) CHUYỆN KỂ RẰNG:

... Sau một thời giảng kinh, tất cả đại chúng đều lui ra; riêng chỉ có một lão già còn nán lại. Hòa thượng Bách Trượng nói lão còn gì cần hỏi không? Lão trả lời rằng: “Lão không phải là người, lão là chồn đồng ở phía sau núi, 500 năm trước đây, lão cũng là một Hòa thượng, tu ở núi này. Nhân một hôm, có một tín đồ hỏi rằng: Người tu hành đắc đạo, có bị rơi (lạc) vào nhân quả không? Lão trả lời rằng không vào (bất lạc); vì thế, lão bị đọa làm 500 kiếp chồn đồng”.

Nay lão nhờ Hòa thượng một chuyển ngữ: Hòa thượng nói lão hỏi câu nào? Lão nhắc lại câu hỏi trên. Hòa thượng dạy rằng: Người tu hành đắc đạo, chẳng mờ (bất muội) nhân quả. Nhờ câu khai thị đó mà lão được hóa kiếp.

Tu Tĩnh

Anh lại tái phạm rồi. Thật không tha thứ được nữa. Lần này anh hãy tìm đường mà tự xử.

Tự xử! Tự xử thế nào đây? Tự tát tai mình ư? Tát làm sao mới vừa? Xin lỗi em ư? Đã bao lần năn nỉ ỉ ôi, xin lỗi xin phải, tôi vẫn tái phạm. Tôi vẫn nóng nảy như thuở nào. Có lúc tôi đã tự ngăn ngấm mình và thầm cảm ơn em rộng lượng bao phen tha thứ. Có lẽ vì thế mà tôi không thể khắc phục được khuyết điểm của mình một cách triệt để chẳng? Tôi đã biết đến lúc tự xử rồi. Xử thế nào tôi cũng chấp nhận ngoại trừ phải xa em. Tôi nắm bàn tay em, rụt rè nói:

- Em bảo đi thế nào anh cũng vâng, miễn là...
- Anh vẫn còn chưa biết cách tự xử sao?

Tôi bắt lực thử dài:

- ...

- Thôi được, tôi sẽ cho anh chọn một trong ba điều: Một là chia tay, hai là xem nhau như bạn, ba là anh hãy ra đi một thời gian để tự suy ngấm lại mình.

Tôi nghe như từng tế bào mình trở nên vô vàn chiếc gai đang muốn nổ bung ra đâm toạc thân thể tan tác. Chia tay ư! Không đời



nào. Làm sao có thể xem nhau như bạn được. Còn ra đi? Đi bao lâu? Đi đâu? Tôi biết không còn cách chọn lựa nào khác. Ra đi, một hình phạt nhẹ nhàng nhất mà tôi phải chấp nhận. Tôi nhắm mắt thu hết tâm lực đọc lời quyết tử trước lúc lên đường.

– Anh sẽ ra đi một tháng. Sẽ về nơi rừng núi hoang vắng để tĩnh tâm suy xét vì sao anh không khắc phục được cái tính khí nóng nảy của mình. Anh mong sau đó sẽ đủ bản lĩnh để mang lại cho em một cuộc đời hạnh phúc. Hãy tin anh nhớ anh và tha thứ cho anh, em nhé.

Em ái ngại nhìn lên, nước mắt lưng tròng nói xa xăm:
– Em cũng hy vọng sau thời gian tu thân anh sẽ thật sự trưởng thành.

Tôi vụt ôm em hôn lấy hôn để và nói trong hơi thở:
– Anh sẽ mang hòn đá hóa thạch đẹp nhất về cho em làm hòn non bộ chơi nhé.

Em đăm đăm nhìn tôi, mỉm cười, nhẹ nhàng lắc đầu một cách khó hiểu.

Thế là tôi lại lê từng bước chân vô dụng của mình về Đạ Tẻh. Nơi đây, tôi đã bao lần dìu em vượt qua ba con suối sâu để vào chân thác Xuân Đài cao vọi. Thác thật hùng vĩ được tạo bởi một rừng gỗ mun hóa thạch. Những khối đá biết khóa thân trần trĩu khoe những đường cong kỳ ảo đến mê hoặc hồn người. Ngày ấy em chỉ vào một khối đá huyền nhai tuyệt mỹ bảo: “Giá em có được một hòn giả sơn giống khối đá này thì”.

Một tháng khắc khoải trôi qua, thác Xuân Đài vẫn ngày ngày lồ lộ trắng xóa sau những rẫy dâu dày bát ngát. Thời hạn đã đến, tôi vẫn bàng hoàng nửa tỉnh nửa mê trong cái lần xa nhau nghiệt ngã này.

Dấn chân xuống dòng suối nghe buốt lạnh quíu chân. Sao ngày ấy, nước vẫn lạnh băng như vậy mà tôi vẫn hăng hái cõng em qua suối. Còn bây giờ chỉ một mình nhẹ tênh mà tôi lại chùn chân. Bên kia là thác Xuân Đài, nơi tôi và em đã ngồi bên nhau

trần trề hạnh phúc. Chắc hình ảnh ấy đang bám chặt vào đá, chưa kịp bị hút lên các tầng mây. Tôi vụt lao qua các con suối rồi chạy như bay đến chân thác. Kia, hai chiếc bóng em và tôi đang ẩn hiện trong làn sương.

Tôi tung mình nhảy lên từng bậc đá, ngỡ sẽ chụp được lấy hình ảnh ấy. Nhưng không, nắng đã xuyên vào chân thác. Mây đã dâng cao đưa hình bóng em tôi lên cao rồi. Có lẽ em và tôi đã bay lên ngọn thác trên. Tôi lại tung mình lên các phiến đá trơn ướt đầy những hồ nước trắng xóa. Ánh nắng lại đuổi đến ngọn thác thứ hai. Có lẽ phải lên cao nữa mới gặp. Rồi ngọn thứ ba, thứ tư... Tôi vẫn tung mình thoăn thoắt. Đến khi trước mặt mình bỗng xuất hiện một thác nước khổng lồ phun trào những mảng nước mạnh mẽ bắn ướt đầm người, tôi mới giật mình đứng sững. Ôi! Đã đến ngọn thứ mười một rồi sao. Bóng em và tôi đâu rồi? Thế là hết, bóng em đã là một ảo ảnh bay lên tầng mây kia. Tôi tự hỏi mình sao có thể lên được đến tận nơi này. Rồi bây giờ xuống sao đây...

Nghe nói thác Xuân Đài có mười hai ngọn. Chinh phục ngọn tận cùng là một cao thủ lừng danh của xứ sở Đạ Tẻh u trầm này. Anh đã mô tả: “Đỉnh thác cao thấu trời xanh, là một họng nước khổng lồ cuộn cuộn như ngọn núi lửa đang hoạt động. Chẳng biết nước từ đâu tuôn trào ngàn năm không ngớt...”. Số cao thủ còn lại chỉ lên đến ngọn năm ngọn bảy. Rất nhiều kẻ xấu số đã gửi xác lại nơi này, chỉ để mang theo cái khát vọng chinh phục thác Xuân Đài hùng vĩ. Còn tôi một kẻ nhát gan, chưa một lần nghĩ đến chuyện điên rồ ấy, nay vì ma lực nào đã đưa tôi đến kề cận cái chôn người hùng kia đã đến. Lên nốt ư? Nếu có một chút điên dại tôi sẽ liều mình làm việc ấy. Nhưng giờ đây, tôi biết rõ em và tôi cũng không thể có ở trên đó, nên chỉ xin làm một kẻ luôn được bái phục người hùng. Xuống ư? Xuống cách nào đây!

Tôi thờ dài ngòi xuống một tảng đá ướt át lạnh băng. Có cặng tầm mắt ra xa vẫn không thấy đường về, không thấy cây

cỏi, không thấy làng mạc. Không gian bị khuất lấp bởi muôn trùng đá, nước và trời xanh. Tôi nghĩ có lẽ mình đã đến cổng Thiên Đình. Đã lỡ đến đây, dấu sao đường về ã không có, sao không ngồi tĩnh tâm cho thân xác ðược trong sạch hơn. May ra sẽ hóa thân thành một tảng đá ngàn năm trên ngọn Xuân Đài.

Tôi chợt thấy mình như con cá chạch, luồn lách qua các gheñh đá, bơi tuột về phía chân thác. Tôi bơi đến ðâu nước tràn theo đến ðấy. Bãng qua mấy con suối, ra khỏi rẫy ðâu thì lọt vào biển ðời mệnh mông. Trong ðó tôi gặp em ở quá khứ. Tôi gặp lại tôi trong ðường ðời. Tôi thấy rõ mòn một những sự việc tôi ðã từng trải qua và ðã từng quên bẽng ði. Tôi thấy tôi ðã mê say ðuối theo danh vọng

ðể hồng sớm nắm bắt cho ðược sự thành ðạt. Có cái ðược, có cái vẫn chưa ðược. Rồi từ ðó cái nhân, cái tình, cái nghĩa vốn trong tôi lần lượt bỏ tôi ra ði khi từng con uất giận bùng lên trong mỗi lần thất bại. Đến một lúc... em cũng ra ði... Không! Tôi chồm tới và gào lên.

Tôi giắt bản và ghìm chặt người lại theo phản xạ tự nhiên. Thì ra tôi ðang ngồi trên phiến đá cheo leo. Chỉ một chút nhòm thôi là tôi phải gửi thân nơi gheñh thác. Mồ hôi toát ra như tắm. Tiếng “không” lần lượt vang ðội từ vách nước như ðược cầu âm bằng máy écho, nhỏ ðàn nhưng không chịu tắt hẳn. Nó cứ vãng vãng

THÁI THANH NGUYỄN

Nhỡ

(Tặng “Com Chay Đạm Bạc”
– ðà Nẵng)

*Ước
gần nhau mãi
khôn nguôi
Com chay ðạm bạc
suốt ðời tôi xin
*
Thôi
e nhờ kiếp ðăng trìn
Đành ghi tâm tưởng
em
tình thơ ngáy.
24.06.05*

lùng bùng trong hốc tai như một dư âm vĩnh cửu.

Tôi thở dốc một lúc rồi nghe nhịp tim bắt đầu bớt dần đập. Ánh nắng chói chang miên man sưởi ấm da thịt tôi ấm lại. Trời xanh, đá và nước dần dần nhấp nhô quanh tôi. Tiếng suối ì ì âm như hòa lẫn tiếng mạch máu chảy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Đứng dậy hít một hơi thật đầy, tôi thông dong nhảy xuống từng bậc đá.

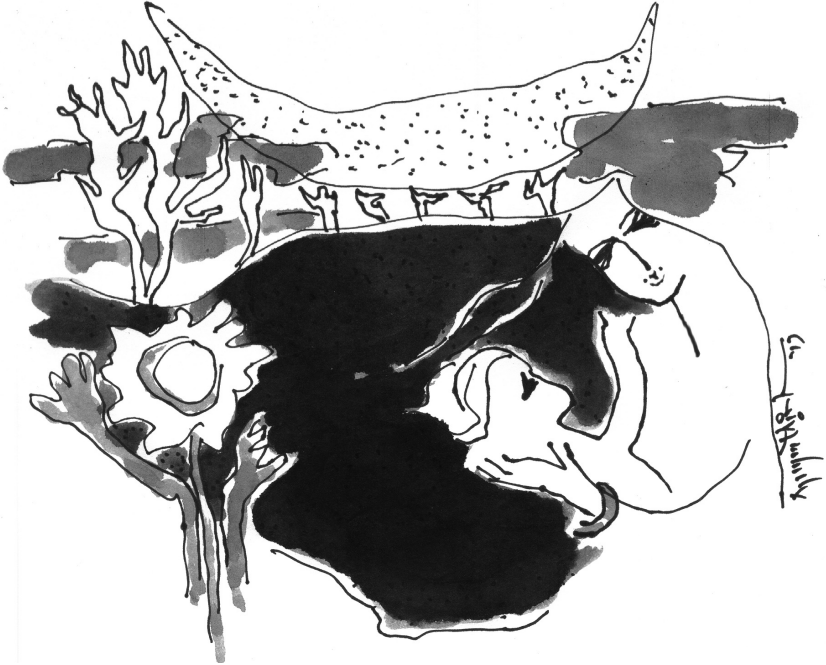
Rễ dâu đã xuất hiện. Thế là tôi đã trở về với ngọn thác thứ nhất, nơi tôi và em đã từng ngồi bên nhau tình tự. Chạm tay vào phiến đá ngày xưa em từng chiêm ngưỡng, tôi chợt thấy em ùa đến bên tôi, quần vào người tôi thơm tho ấm áp. Em và tôi đây rồi, đâu có bay đi đâu. Còn phiến đá này tôi sẽ đem về cho em.

Ngồi tần ngần hồi lâu trên phiến đá, lòng tôi cứ chùng xuống như dây đàn chưa so. Việc tách phiến đá khỏi cái thác đối với tôi không phải là khó. Cái khó là tôi sẽ phải trả lời sao với ông Tạo hoá khi lấy đi một đường nét tuyệt mỹ trong tác phẩm hoàn hảo của thiên nhiên? Tôi không phải là nhà khảo cổ nên chắc chắn sẽ không sao tạo ra một thông tin nào để bù đắp lại sau khi lấy đi một di vật. Song tôi cũng rất muốn thực hiện cái ý nguyện của mình đối với em.

Em mong đợi ngày về của tôi biết bao. Ngày về với một món quà... Phải rồi, cái ánh mắt đăm đăm nhìn tôi, mỉm cười, lắc đầu một cách khó hiểu... và bây giờ tôi mới hiểu. Ý nghĩ mang phiến đá về chỉ là suy nghĩ nông cạn của riêng tôi. Đó là một ý tưởng rồ dại mà em chưa nỡ phê phán. Không, tôi sẽ không mang phiến đá về mà sẽ tự tay tạo tác ra một phiến bản – một hòn giả sơn tải được cái hồn thác Xuân Đài có em và tôi!

Tôi nhẹ nhõm cất bước ra về, hân hoan thầm nhủ: “Anh sẽ mang về cho em một người đã yêu em bằng một tấm lòng trong sạch. Anh sẽ chiến thắng sự thành bại của chính mình. Rồi cái nhân, cái tình, cái nghĩa sẽ về lại với anh. Phiến đá sẽ theo anh về. Con thác sẽ theo anh về bên em”.

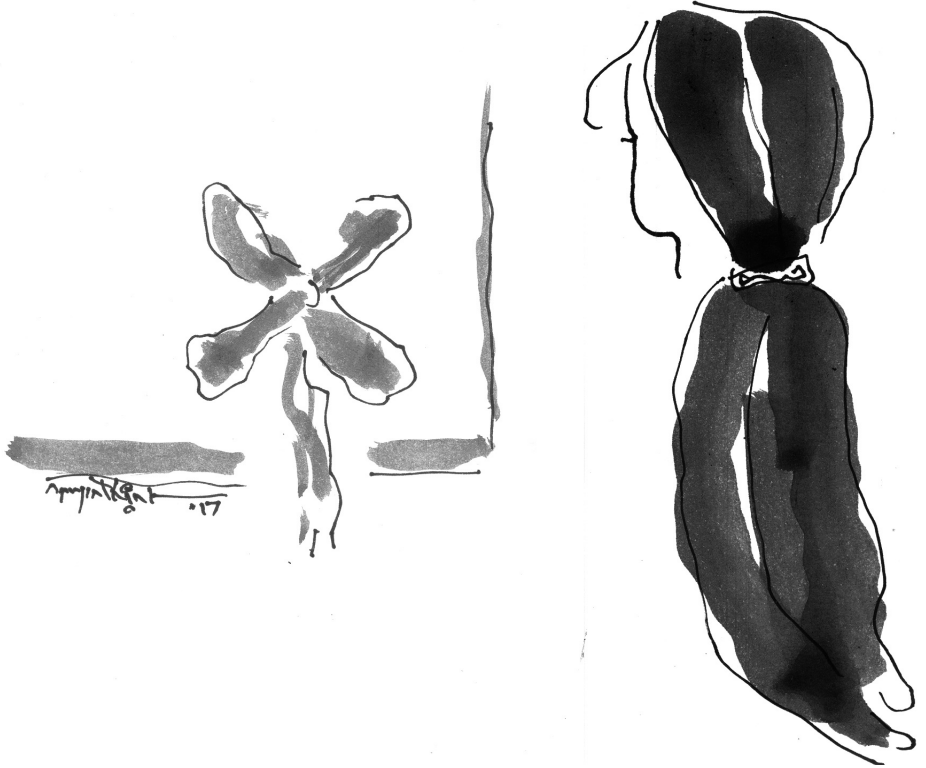
Trăng Mẹ



Mẹ già tuổi chạm chín mươi
Mẹ không ở được với mười đứa con
Từng ngày thân mẹ hao mòn
Thương cho đứa út vẫn còn trắng tay.

Cuộc đời chìm nổi tương lai
Mỗi người chăm chút ngày mai của mình
Quên rồi tuổi mẹ mong manh
Chờ nghe tiếng vỗ ánh trăng mẹ già.

“Một Câu Nhịn, Chín Câu Lành”



Ngày tôi còn cuối cấp 1, mỗi khi có chuyện tranh chấp vặt về ranh giới chỗ ngồi, nhặt vỏ quả giáng hương trong sân trường, chơi bắn bi, bóng nhựa... chúng tôi đều không ngại xông vào nhau xô xát. Tuy các chiêu thức giải quyết không có gì trầm trọng hơn là xô té, đập chân nhau, giật khăn quàng cho lệch lạc... không gây thương tổn chi nhiều; nhưng nếu không có đồng minh bên vực hoặc không trả miếng được, cũng đủ mang ám ức về ngồi hậm hực cả buổi trong góc nhà.

Hồi ấy, cha má đi làm giờ hành chánh, chỉ có cô Tư, người em út của cha học cấp 3, trưa trưa tranh thủ về nấu vài món cho hai cô cháu. Ăn xong, cô Tư tôi lại tất tả đi học nhóm - học thêm, không để ý gì đến tâm trạng của tôi cả. Vì thế tôi cứ lằm lằm lì lì suốt sau bữa ăn trưa hôm đó đến khi ngủ quên một giấc tới chiều.

May sao, đa số những hôm như vậy, có bà ngoại ở Bà Chiểu vô chơi. Vừa nhắc thấy đáng về tôi bước vào sân là bà hiểu ngay tôi có chuyện. Gặp bà, tôi mừng rỡ sà vào lòng bà kể ba lu ba loa chuyện vừa rồi với một nỗi bất bình cao độ. Bà cười dặt tôi vào, vừa lấy quà cho tôi vừa bảo một câu muôn thuở: “Thôi con, một câu nhịn là chín câu lành”. Thật ra, lúc đó tôi chả hiểu mô tê gì câu “cửa miệng” của ngoại, cũng định hỏi cho ra nhẽ nhưng cứ bị các món khoái khẩu khoái mắt át quên bếng đi. Cứ như thế, lần nào bà cũng chỉ kịp nói mỗi câu đó thì hai bà cháu đã vui vẻ cả ngày với các món quà bánh hấp dẫn. Năm tháng trôi đi, cái câu nói của ngoại đối với tôi khá là mù mờ đó, đã thâm nhập vào tâm ý lúc nào không biết. Rồi thì... “một câu nhịn mà”, thay vì tranh võ giáng hương với thằng Bình ròm và những thằng bạn khác, tôi chuyển sang nhặt sỏi... Nhịn thì cũng thấy yên ổn thật, tuy nhiên tôi cứ thấy bất công khó chịu sao sao ấy.

Một hôm, Bình ròm bệnh, cô chủ nhiệm phân công tôi trên đường về ghé đưa bài cho nó, tôi mới phát hiện một điều khiến tôi bắt đầu biết suy tư. Số là má thằng Bình mất sớm, ba nó đi làm thợ hồ bên Campuchia, cậu nó cũng là học sinh cùng lớp 12 với cô Tư tôi. Ngoài giờ học, cậu thằng Bình cũng loay hoay nấu cơm y như cô Tư vậy. Tôi chợt phát hiện trong góc nhà là một chiếc bàn chất đầy vỏ giáng hương, quả dầu, củ khô, dây thừng, các hũ màu, nan tre, lông gà vịt, tấm xĩa răng và nhiều thứ linh tinh khác, kể cả đá sỏi. Thằng Bình thấy tôi ngó người, nó bèn cho biết với những thứ đó, cậu nó làm ra là những món đồ mỹ nghệ xinh xắn đem bán

thật rẻ cho những cửa hàng lưu niệm để lấy tiền đóng học phí.

Nghe vậy, tôi bỗng quay đầu chạy u về nhà như một kẻ chạy trốn mà không biết mình trốn cái gì. Thấy tôi ngồi thờ trước mâm cơm, cô Tư tôi mới gạn hỏi. Hic, đây là lần hỏi han đầu tiên của cô dành cho tôi. Cũng phải thôi, khi cô Tư được tuyển vào trường chuyên cấp 3, cha má tôi đưa cô Tư vào nhà ở để tiện đi học, cô Tư tôi hình như đã nhanh chóng quen với trạng thái của tôi. Chắc cô cho là bản tính của tôi nên không quan tâm. Hôm nay, có lẽ thái độ tôi quá khác, cô cảm thấy không bình thường nên mới để ý. Bất đắc dĩ vừa và miếng ăn cô gấp sang, tôi kể lại câu chuyện những năm tháng qua. Vừa nghe, cô vừa tùm tùm cười, cuối cùng cô hỏi:

- Bây giờ đã hiểu “Một câu nhịn là chín câu lành” của bà ngoại con chưa?

Tôi lùng khùng đáp:

- Dạ, cũng tạm hiểu thôi, nhưng một là một, chứ sao là tới chín hả cô?

Cô xới thêm cho tôi một bát cơm đầy, đoạn diễn giải:

- Dựa vào câu chuyện của con với thằng Bình nhé, chỉ cần một lần con nhường hay nhịn nó việc nhặt hoa rơi thôi thì sẽ có những chín cái được. Trước mắt, một là không tranh giành để khỏi phải mất thời gian cãi nhau làm cuộc chơi gián đoạn. Hai là không diễn ra cảnh xô xát nhau, con người càng lớn mức độ xô xát càng dữ dội, khiến cho thân thể bị đau ít hoặc đau nhiều hoặc thương tật chết chóc. Ba là không làm bạn bè khó xử khi phải quyết định đứng về phía nào. Bốn là sau đó khỏi phải tiếp tục nói xấu nhau để lôi kéo mọi người về phía mình, có khi xúc phạm liên quan đến người lớn. Năm là không phải đến tai và chịu sự xử lý của Ban giám hiệu hoặc Chính quyền, rất chi là phiền phức. Sáu là không dẫn đến một mối thù trả qua trả lại không bao giờ chấm dứt, và như thế mức độ mỗi ngày một lớn hoặc lớn không thể tưởng tượng được so với nguyên nhân ban đầu. Bảy là mình đã

có cơ hội nhường cho bạn những điều cần thiết liên quan đến cơm áo của họ thay vì với mình chỉ là đồ chơi rồi sẽ vứt đi. Tám là được mọi người cảm ơn và khen ngợi. Chín là mình sẽ rất vui và ăn ngon ngủ yên. Kết quả một câu nhin không chỉ là chín câu lành đâu mà còn...

Tôi vội reo lên cướp lời:

- Và còn là một tấm gương cho nhiều người làm theo nữa phải không cô?

Cô Tư tôi chỉ cười, đôi mắt rạng rỡ có lẽ vui hơn tôi nữa. Chợt nhớ, tôi liền hỏi tiếp:

- À mà cô ơi, con thấy cô cũng xì tin lắm, tưởng cô không biết gì ngoài Toán - Lý với Hóa - Sinh, mà sao phân tích lý lẽ văn chương có vẻ sâu xa vậy cô?

Cô vừa bung mâm chén đi vào trong vừa nói:

- Là do cô đã quy y Tam bảo, thường xuyên đi chùa tụng kinh, niệm Phật và nghe chư Tăng Ni thuyết giảng.

Tôi vội xách nôi cơm điện đi theo cô vừa hỏi:

- Vậy con cũng tập theo cô quy y Tam bảo nhé?

- Tốt lắm!

Hình như đó là lần đầu tiên tôi vô tình hào hứng giúp cô Tư làm việc nhà thì phải. Vài năm sau vừa vào cấp ba, tôi cũng tập vào chùa công quả rồi quy y Tam bảo như cô Tư tôi vậy. Mặc cho sóng thời gian cứ nối tiếp trôi đi, mỗi lần nhớ đến “một câu nhin là chín câu lành” thì một cảm xúc khó tả hãy cứ dâng trào về miền khứ xứ đầy bóng dáng ngoại hiền xa xưa.

H À K I M S Â U

An Hạnh

Giao thừa

vườn mai hoa nở rộ

Mùng hai

từng cánh nối nhau rơi

Chút nuối tiếc xuân qua...

rồi hạ đến

Chợt nghe miền an hạnh

có có không không.

Vườn Hạnh Phúc



Ngôi biệt thự đứng ngay trước cửa nhà tôi. Như một vật cản, nó che khuất dòng sông có hàng dừa nghiêng nghiêng soi bóng, sừng sững giữa trời với những ô cửa mở ra bốn phía, tựa những ánh mắt kiêu hãnh nhìn xuống bao mái nhà thấp lè tè quanh vùng.

Nhưng vẻ giàu có của ngôi biệt thự không quyến rũ bằng hàng cây nép sau bức tường rào. Mỗi cây mang một nét độc đáo riêng. Tôi cứ muốn ngắm mãi. Màu đỏ rực của hàng phượng vĩ mỗi độ vào hè cùng với màu trắng của hoa ngọc lan làm tôi cứ nao nao. Gió đưa hương ngọc lan hòa lẫn hương bưởi thành một thứ mùi kỳ lạ, cứ bay ra khắp nơi. Đã vậy, những trái ổi sai oằn trên nhánh cây không hiểu sao chủ nhà để chúng lủng lẳng mãi. Có trái ngã màu vàng thu hút những chú chim lạ tìm đến. Còn những trái vú sữa lúc vào mùa trông không khác gì những bóng đèn xanh

tím lẫn khuất trong vòm lá. Thỉnh thoảng mẹ vẫn bắt gặp tôi ngẩn ngơ nhìn sang bên ấy. Mẹ lo lắng nhắc nhở:

- Trong ngôi biệt thự có con chó dữ lắm đó!

Tôi vội trấn an mẹ:

- Không đời nào con dám tới gần hàng rào đâu.

- Con vẽ cái thang trên tường rào người ta chi vậy?

Tôi chỉ biết cười trừ. Hay thật! Mẹ luôn đoán đúng ý nghĩ của tôi. Mẹ biết tôi mê mấy trái ổi lắm rồi. Nhưng ngoài con chó dữ còn có ánh mắt của người đàn bà trạc tuổi mẹ trong ngôi biệt thự đã khiến tôi từ bỏ ý định.

Nhìn bà, không ai nghĩ đây là chủ ngôi biệt thự. Mái tóc uốn cao ôm lấy khuôn mặt đen sạm. Mặc dù bà ta luôn trang điểm kỹ lưỡng nhưng vẫn không giấu được nét khắc khổ ở những cái mí mắt. Những nếp nhăn hằn sâu trên trán, ở đuôi mắt. Đôi mắt bà rất đẹp, to, đen lay láy nhưng mỗi lần có việc gì không hài lòng, bà quắc mắt thì ai cũng phải rùng mình.

Bà nội tôi vẫn gọi bà ta là “*Người đàn bà lưng lầy*”, ca ngợi bà ta là “*Người đàn bà tạo nên sự nghiệp*” cho chồng con nhờ. Ngôi biệt thự do một tay bà gây dựng nên. Sau khi mua được căn nhà lụp xụp với khoảng đất trống kế bên, chỉ trong một thời gian ngắn, bà ta đã biến nơi nghèo nàn này thành một chỗ ở sang trọng không kém phần thơ mộng. Cửa chính ngôi biệt thự trông ra dòng sông xanh xắn. Chiều chiều, đứng bên một ô cửa nào đó mà ngắm những chiếc thuyền con trên bến nước thì còn gì bằng. Ai cũng nể sợ người đàn bà ấy. Tôi thì chẳng ưa nổi bà ta. Vì cứ mỗi lần bà nội tôi cố ý khen người đàn bà giàu có thì y như rằng mẹ tôi cúi gằm mặt, như thể chính mẹ làm cho gia đình nghèo đi. Cái nhà lá này bé mọn là tại mẹ. Bà nội tôi không thấy rằng từ ngày có ngôi biệt thự thì gia đình mình và láng giềng gặp khá nhiều khó khăn. Khoảng đất trống trước đây cả xóm dùng để đi ra con đường chính, băng qua lộ lấy nước dưới sông, bây giờ nó nằm yên trong vòng rào biệt thự. Bà ta chỉ chừa một con hẻm nhỏ để mọi người

ra vô. Con đường đất này hẹp đến nỗi không chiếc xe lôi, xe kéo nào vào lọt. Ông Năm, người cùng xóm với tôi thường thở than:

- Mai một tui chết, không biết cái xe nhà vàng làm sao vô đây. Chắc phải khiêng cái hòm ra tận đường cái quá!

Tôi đặt gánh nước xuống đất, gác đòn gánh trên miệng thùng như một chiếc cầu khỉ nhỏ rồi ngồi lên gó trời.

- Cô bé gánh nước hay ghê!

Tôi giật mình nhìn quanh, bắt gặp một anh chàng đang ngồi vắt vẻo trên cây ổi. Anh nhìn tôi cười cười. Nếu không có nụ cười ấy thì anh chàng xấu phải biết. Người gì mà đen òm. Được cái anh chàng có đôi mắt khá đẹp. Đúng là mắt nai ngơ ngác.

- Nhà cô bé gần đây không?

- Ai cho phép gọi người ta bằng cô bé?

Nghe tôi bắt bẻ, anh lại cười:

- Xin lỗi nha! Nhà “chị” gần đây không?

- Hỏi chi vậy?

- Cho biết chớ chi. À, “chị” ăn ổi không?

Lúc này tôi mới để ý thấy anh cầm một trái ổi thật ngon, trông phát thèm. Người gì mà ngu ghê! Hỏi lằng xẹt! Ngập ngừng một lát tôi đành nói:

- Có đâu mà ăn!

Anh lại cười thành tiếng rồi hái thêm vài trái thật ngon. Anh bảo tôi:

- Nè, mời “chị” vài trái ổi. Chị chụp nhé!

Đến bây giờ tôi mới biết mình có năng khiếu “chụp ổi”. Không có trái nào rơi xuống đất. Tôi nói:

- Cảm ơn “ấy” nghen!

- Ủ, ăn ổi đi “chị”!

Không đợi mời lần thứ hai, tôi cắn liền một miếng. Ngon ơi là ngon. Tôi khen:

- Ổi ngon ghê! “Ấy” cũng ăn đi!

Vừa ăn tôi vừa nhìn anh nhai ỏi. Anh nói:

- Chị còn đi học không?
- Còn.
- Lớp mấy?
- Lớp mười một. Còn “ấy” lớp mấy?
- Sắp vào đại học.

Tôi le lưỡi:

- Bộ “ấy” ở trong nhà đó hả? Sao tui hông biết.
- Minh ở thành phố với nội. Minh về đây nghỉ hè.
- Bà chủ ngôi biệt thự là gì của “ấy”?
- “Ấy” gì mà “ấy”. Gọi mình là Huy đi! Mẹ Huy đó.
- Vậy hả! Sao hông giống. Bà ấy dữ quá hà!

Huy có vẻ không vui hỏi:

- Mẹ Huy làm gì bé mà dữ?
- Đâu có làm gì tui đâu. Tự nhiên sợ hà.
- Trời đất!

Huy kéo nhánh ỏi trước mặt, chồm sát tường rào nói:

- Hôm nào mời bé sang nhà chơi rồi bé sẽ thấy mẹ Huy hiền nhất trên đời.

Huy quay sang mẹ giới thiệu:

- Đây là bạn mới của con. À, bé tên gì vậy?
- Dạ, Tím!

Người đàn bà vuốt tóc tôi cười rất hiền. Nụ cười giống hệt nụ cười của Huy.

- Tên dễ thương ghê! Mà cháu cũng xinh lắm!

Rồi bà gọi lớn:

- Tư ơi, lấy bánh ngọt mời cháu Tím đi!

Chị người làm bung đĩa bánh bông lan to tướng ra. Tôi hồi hộp quá! Đây là món bánh tôi ưa thích. Nhưng nếu ăn nhiều Huy và mẹ sẽ cười cho. Tôi làm bộ nhìn xuống chân. Bà ấy cầm cái bánh bông lan to nhất có hình con cá đưa tận tay tôi, giọng ân

cần:

- Ăn đi cháu! Bác làm đó! Đây là loại bánh bác và Huy ưa nên lúc nào trong nhà cũng có sẵn.

Bánh ngon thật. Huy cũng ăn rất nhiệt tình. Mẹ Huy gọi chuyện:

- Bác vẫn thấy cháu đi học ngang đây, sao ít khi cháu ghé chơi?

Tôi ấp úng:

- Dạ, tại cháu sợ... bác.

Cả Huy và mẹ phì cười. Huy nói:

- Tím nói tự nhiên sợ mẹ đó.

- Cháu xin lỗi bác. Cháu hay sợ lung tung lắm.

- Vậy chớ sao không sợ Huy. Còn bắt bẻ người ta nữa chứ.

Tôi cười trừ. Mẹ Huy đứng lên nói với tôi:

- Cháu ở chơi. Bác phải đi chợ. Hôm nào rảnh, cháu tới đây với bác nghen! Được làm thân với người quanh vùng, bác mừng lắm.

- Dạ!

Bao nhiêu ác cảm với bà đã biến mất, tôi hỏi Huy:

- Sao Huy không sống với bác gái? Ba Huy đâu? Huy là con một hả?

Huy lại cười. Người gì hay cười ghê!

- Tím ăn bánh nữa đi! Bánh này mẹ Huy làm ngon lắm. Mình ở với bà nội từ lúc mới tám tuổi. Bây giờ, bà cũng cho mình về đây sống với mẹ. Nhưng ở đây không có trường đại học. Đành phải chờ hè hay là lễ, Tết để về thăm mẹ.

- Sao bác gái không lên thành phố ở với Huy cho vui? Còn ba Huy đâu?

Huy buồn buồn chỉ tấm ảnh treo trên tường:

- Đó là ảnh của ba Huy. Lúc mình lên tám tuổi, ba mê dì Liên, một người bạn của mẹ. Ba bỏ mẹ theo dì Liên trốn đi Cà Mau. Dì Liên khéo mua chuộc nên bà nội đứng ra lo giấy tờ cho ba ly dị

Đêm Xuân Hương

*Phó khuya hắt ngọn đèn vàng
Đêm trâm ngâm đợi bóng trăng cợt đùa
Ai còn rao bán mà mua
Trăng treo túi phận gió đùa lả lơi
Tiếc thi nhân của một thời
Đèn – Trăng mờ - tỏ bước đời liêu xiêu
Đỗ ta cuối dốc đời chiều
Đêm xanh kỷ ức rong rêu phủ đầy
Trăng nghiêng rót bóng tường mây
Đèn soi trăng chấp chới lay sóng tình
Xuân Hương vàng võ mộng mênh
Cỏ thơm mùi tóc người tình xa xưa
Trăng chìm đáy nước, gió lùa
Tán thông già rũ đèn xưa bóng dài
Gió, đèn, trăng, ai với ai
Đêm đông tràn nỗi nhớ đầy lòng đau.*

NGUYỄN THỊ MÂY

mẹ. Bà còn bắt Huy đem giầu. Tìm hoài không được, mẹ bỏ xứ đi Campuchia làm ăn.

Huy chỉ tấm ảnh một thiếu nữ trẻ đẹp treo gần đó:

- Ảnh mẹ Huy lúc còn trẻ đó.

Tôi chợt cảm thấy xót xa vô kể, không ngờ giờ đây bà lại tàn tạ đến thế. Huy nhìn ra cửa, rút cả hai chân lên ghế rồi kể tiếp:

- Lúc đó, mẹ Huy khổ lắm. Mẹ đi ở cho người ta. Nhưng thấy không khá, mẹ đành dùm được một số vốn rồi

ngủ làm, ra buôn bán. Có hôm, mẹ không ăn gì hết. Bán càng đắt, mẹ càng tiết kiệm. Mẹ bảo đau khổ làm mẹ không thấy đói. Mẹ quyết tạo cho bằng được một số vốn lớn, trở về mua lại hạnh phúc. Rồi mẹ mua lại toàn bộ những gì đã đánh mất nhưng không mua được hạnh phúc. Khi trở nên giàu có, quay về quê hương, gặp lại ba, ba nghèo xơ xác. Sau khi tiêu xài hết số tiền bán nữ trang của mẹ mà ba đã đòi lại lúc ly dị và cả nữ trang của dì Liên đem theo, cả hai trở về sống với nội. Nội cũng làm ăn thất bại. Phải bán căn nhà đang ở để có tiền sống. Cả nhà chui rúc trong

căn nhà lá tồi tàn. Minh không hiểu sao mẹ mình lại bao dung và hiền đến thế. Nhìn những người bạc đãi mình đang khổ, đáng lẽ mẹ phải cười vào mặt, mùng rở khi họ bữa đói, bữa no. Đằng này, mẹ lại bỏ tiền mua nhà lầu cho nội ở, giúp ba một số vốn để ba nuôi vợ con. Sau đó, mẹ Huy bỏ đi một thời gian nữa. Khi trở lại lần thứ hai, mẹ cho nội biết mẹ sống tại đây. Mẹ bảo đừng cho ba địa chỉ của mẹ để mẹ được yên. Nhưng rồi ba cũng biết được. Lâu lâu, ba xuống thăm mẹ nhưng chủ yếu là xin tiền. Bây giờ, mọi người đều lệ thuộc mẹ. Huy biết mẹ khổ lắm. Lúc nào mặt mẹ cũng buồn buồn. Tím sợ mẹ Huy là phải. Mẹ Huy rất ít nói. Hôm nay, mẹ Huy nói chuyện với Tím như vậy là lạ lắm đó.

Tôi cúi mặt để giấu những giọt nước mắt vừa rơi xuống má, tôi nói:

- Tội nghiệp bác ấy quá! Tím thật có lỗi.

- Đầu có gì mà lỗi phải. Mai mốt Huy về thành phố, khi nào rảnh, Tím ghé thăm mẹ Huy nghen!

- Nhưng, Tím ngại... là bác giàu quá. Làm thân với bác, người ta nói chết.

Huy thở dài:

- Hạnh phúc không hẳn nằm trong tay người giàu có!

- Người nghèo cũng không có hạnh phúc đâu!

- Vậy hạnh phúc trốn ở nơi nào hả Tím?

Tôi bùi ngùi nhìn Huy, thầm nghĩ: Có lẽ hạnh phúc nằm sẵn trong lòng như một nhà văn nào đã nói. Còn bây giờ, nó ẩn mình trong ánh mắt Huy. Nhưng tôi lại nói:

- Hạnh phúc nằm trong đĩa bánh, trong trái ổi, hồng biết sao?

Huy bật cười, nụ cười thật đẹp. Anh rủ tôi:

- Ra vườn hái "*hạnh phúc*" không Tím!

Tôi đứng lên theo Huy ra sau vườn. Hình như có bóng hạnh phúc đuổi theo tôi về phía ấy!

Nơi Tìm Về

(Kỷ Niệm Mùa Vu Lan Nhớ Mẹ)



NHÀ VƯỜN CỦA NHÀ THIẾT KẾ SỸ HOÀNG

Nhà thiết kế Sỹ Hoàng khi xây dựng nhà vườn của mình đã quy hoạch theo tiêu chí “mắt nhìn xa hơn bước chân đi”, để khi tuổi cao sức yếu rời ngồi một chỗ nhìn đâu cũng thấy đẹp. Đó là suy nghĩ thực tế, trong tầm tay mà nhà thiết kế tài giỏi như anh đã làm được dù chưa ở tuổi “tri thiên mệnh” cho hành trình của đời người.

Với cuộc sống nhà giáo khi về hưu như chúng tôi vẫn còn mơ ước thực hiện những gì ấp ủ, những mong muốn của tuổi nghỉ hưu là có một nơi để “thân tâm an lạc” lúc cuối đời.

Tôi cũng mơ khi còn đứng trên bục giảng lúc nghĩ hưu mình sẽ có một mảnh vườn con trồng giàn dây leo lên cổng rào sơn tím, một vài gốc mai, xoài, mận, năm ba con gà chạy trong sân ríu rít sớm trưa. Cây khế đầy hoa là mái nhà che chở cho tổ chim sâu mới nở luôn nghiêng đầu tâm tình bên ao cá nhỏ trồng đầy sen, chiếc võng nép mình bên hiên nhà cột giữa hai đầu nổi nhớ của những ngày tháng còn dạy học bên đồng nghiệp, bên lũ học trò thân thương sao lúc nào cũng mãi nhớ! Một vài kệ sách đủ thể loại để tha hồ nghiên ngẫm với quỹ thời gian bao la và lý tưởng nhất cách nhà không xa là ngôi chùa quê thanh tịnh với tiếng chuông vang lên vào mỗi buổi chiều để tâm hồn mình có nơi an trú và hướng thượng.

Về đây thôi, về để sống chậm lại, tắm gội thân tâm bằng trận mưa như trút nước để rửa sạch hết bụi đường xa cùng những nhọc nhằn của năm tháng bon chen trong công việc. Quên hết những ngày tháng sôi động, tạt cao, tạt đại, niềm vui, nỗi buồn, những lo lắng vì chức vụ, danh vọng, quyền lực và có lúc đã thấp thòm, khắc khoải lo âu rồi lại vỡ òa với các cuộc thi hơn thua tranh giải, gần như kiệt sức vì đã đốt cháy phần đời của bản thân cho thương hiệu của đơn vị mình. Tôi đã từng hoang phí cho đi sức khỏe khi xây dựng tương lai cũng như đã từng hào phóng cho đi tuổi trẻ của mình khi cố vun đắp tham vọng. Và khi sức khỏe không còn nữa thì mọi bệnh tật như thác lũ ào ạt tràn về tàn phá thân thể làm tôi mất phương hướng, nghị lực, niềm tin để chống trả. May thay giữa cơn sóng thần khủng hoảng đó, những lời giảng của Thầy đã bật sáng, kịp tràn ngập trong tâm giúp cho tôi dần hiểu, tự tin, ngộ ra rồi bám chặt vào chánh pháp để tồn tại.

Xếp vào túi nhỏ là ít bộ quần áo đơn giản, chiếc áo tràng lam, chai nước lọc, nắm thuốc trị nhiều bệnh, chiếc khăn choàng, lọ dầu con, lương hưu và phương tiện thường xuyên đồng hành là xe buýt cùng đi bộ, đi để tìm về, tôi luôn nhắc lòng hãy nhanh lên, cố đi cho kịp vì đời là “phúc họa tùy duyên” là vô thường!

Tôi sẽ dành thời gian ưu tiên để về thăm lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình, chăm sóc, sửa sang mộ phần ông bà, ba mẹ, thấp nén hương thơm tưởng niệm để tạ ơn đời, tạ ơn ba mẹ đã sinh ra tôi cho tôi được hiện hữu trong cõi đời này và nuôi dưỡng tôi nên người hữu dụng. Từ đó, đi tìm sự tĩnh lặng trong tâm để hoài niệm về cuộc đời, về tuổi thơ trong sáng luôn khát vọng chạy theo những cánh diều giữa không gian thoáng đãng, thỏa sức băng qua các cây cầu khi để tìm lời ru thuở nằm nôi còn ướt sũng tình yêu trong ca dao mẹ. Ở nơi chốn bình an này tôi sẽ viết tiếp “Cõi nhớ” còn dang dở với ước nguyện: Được bày tỏ lòng ngưỡng mộ, tri ân sâu nặng đối với hai đấng sinh thành mà tôi sẽ hoàn tất vào mùa đại lễ Vu Lan này. (*)

Tôi lại có dịp đi xa hơn chút nữa đến một ngôi chùa quê thanh vắng nằm giữa cánh đồng bao la, đường vào chùa khó đi, lại quá xa nên bước chân Phật tử cũng ít đến đây để cúng dường và lễ Phật. Cảm giác bình yên đã có mặt trong tôi. Cuộc sống nơi đây kinh tế còn eo hẹp, sống nhờ vào lao động là chính. Tôi đã tận mắt chứng kiến, tiếp xúc với bao mảnh đời bất hạnh bơ vơ đã được quý thầy mở lòng cứu mang. Quý thầy phải làm ruộng, trồng trọt rất vất vả để có đủ lương thực hầu đùm bọc nhau mà sống dù bữa ăn chỉ là cơm cháo đạm bạc qua ngày. Tôi thấy mình thật hạnh phúc và thấm thía với bài học nhân văn rất lớn của quý thầy: “Thực hiện tâm nguyện cứu khổ ban vui của người con Phật nên chùa đã đón nhận và nuôi dưỡng các em”. Chính nơi này cùng tấm lòng của quý thầy đã tiếp thêm năng lượng từ bi, yêu thương đã giúp cho tôi dần tỉnh thức giữa cuộc sống bon chen ngoài kia và tôi đã đến với lớp giáo lý Phật dù biết rằng đi học lúc này là quá muộn! Tôi phải tận lực chú tâm trong việc học (vì chỉ có 2 giờ học trong tuần). Đây là thời gian quý báu khi tôi được học tập, trao đổi cùng đạo hữu, được nghe thầy giảng những lời vàng của đức Phật đã giúp tôi ngày một thay đổi là có thêm nghị lực để giữ mình, có được sự miễn dịch trước những tội lỗi để tránh xa điều

ác, tiếp cận và thực hành điều thiện hầu giúp bản thân cùng cộng đồng ngày một tốt hơn.

Tôi cũng tìm thấy được niềm an lạc qua các cánh cửa tâm linh luôn rộng mở để chào đón chúng sinh. Tôi thấy mình vẫn đủ duyên để đến chốn cửa thiền này mà lúc nào ngược mặt lên cũng bắt gặp sự giao cảm từ đôi mắt của mẹ Quán Thế Âm Bồ Tát đang tràn đầy thương yêu cùng nụ cười viên mãn khiến tôi nghe cõi lòng bình yên đến lạ!

...

Và khi đã đến lúc cùng kiệt rồi, chỉ còn ngồi được một nơi thì có lẽ nơi tìm về là nơi chốn yên ổn nhất, gần gũi nhất, thanh tịnh nhất, bình an nhất là ở một góc phòng có điệm tựa tâm linh, để dọn tâm thật sáng, thật tĩnh lặng lúc nào cũng luôn nhiếp tâm niệm Phật với lời Đức Phật dạy: “Thiền dục tri túc” mong được buông bỏ xác thân tứ đại này để may ra còn kịp về được bên kia bờ giác.

.....

(*) Tập hồi ký về ba mẹ lúc còn sinh thời đến khi qua đời.

Về Đây Thôi

Để lại thấy nụ cười của mẹ

Giàn dây leo

Cây khế nở đầy hoa

Khóm hoa trang mẹ trông

Dưới nắng – lập lòe ánh

đỏ góc vườn

Con chạy đến bên rào

Hái mướp

Lại loay hoay

Rơi xuống bờ ao

*Như văng vẳng bên tai
tiếng mẹ:*

*“Con gái... sao vụng về
đến thế!”*

Rồi như mơ

Mẹ đỡ con lên

*Con lại thấy nụ cười của
mẹ*

*Giống hoa sen cúng Phật
ngày rằm*

*Nụ cười làm thơm ngát
đời con*

Cho tâm con rộng mở

Biết nâng niu tất cả

Chẳng làm ai đau

Dù chỉ là ngọn cỏ!

DIỆU THÀNH

Thương Mẹ, Đờng Chân Chừ

Kính Tri Ân Thượng Tọa Thích Huệ Ngô - Đại Đức Thích Huệ Hạnh
(chùa Linh Quang – Hóc Môn)



Còn gì thích hơn khi được nhìn ánh trắng từ từ nhô lên khỏi rặng tre cuối làng. Một lần nữa bóng tối lại lặng lẽ nhường chỗ cho ánh sáng hiền dịu, ấm áp của trắng. Chỉ cần một làn gió lay nhẹ thôi là các nàng hoa dứa cạn, hoa dâm bụt, hoa lan ý... lác lác theo gió và có cơ hội để chuyện trò. Tôi thích trắng có lẽ vì trắng cũng hay cùng tôi sà vào lòng mẹ để nghe người kể những câu chuyện cổ tích đầy hấp dẫn. Mẹ ngồi trên chiếc võng tre đặt ngoài sân. Tiếng võng kẽo cà... kẽo kẹt, những lúc đó tôi chạy lại bên mẹ ngồi bệt xuống đất, hai tay đặt lên đầu gối mẹ để được đong đưa, đong đưa cùng nhịp võng rồi cùng hưởng làn gió mát rượi. Tôi yêu làn gió mát bởi nó làm khô nhanh những giọt mồ hôi trên trán mẹ sau bao lo toan vất vả. Còn gì hạnh phúc hơn khi ngồi như thế tay trong tay mẹ mà ngắm nhìn ánh trắng óng ánh tỏa trên khắp cành cây, hoa lá để rồi chúng toát ra màu vàng tươi đẹp. Tôi yêu trắng có lẽ vì những điều trên.

Thời gian trôi... tôi lớn dần rồi cũng được lên thành phố làm việc và xa dần vòng tay ấm áp của mẹ. Lần đầu tiên ngắm trắng một mình ở nhà trọ, tôi mới cảm nhận hết nỗi cô đơn và buồn tủi. Nhớ lắm mùi hương của mái tóc mẹ xỏa dài trước gió để tóc được mau khô, nhớ lắm đôi bàn tay gầy guộc, nhiều vết chai sần mà tôi thường ve vuốt những khi làm nũng hay vùi vãnh điều gì.

Thật nhanh chóng rồi tôi quen dần với cuộc sống nhộn nhịp

ở thành phố, những tiện nghi, những cảm dỗ luôn mời chào!

Những đêm trăng không còn làm tôi náo nức, đợi chờ với bao ký ức đẹp. Có lẽ do nơi đây đầy ắp những thú vui mà những người con gái ở quê như tôi khó mà cưỡng lại.

Nơi tôi làm việc cách nhà chỉ hơn 20 cây số thế mà giờ sao tôi cảm thấy xa quá, ngán ngẩm quá con đường đầy bụi mà trước đó tôi thấy thật gần gũi, thân thương biết dường nào. Nơi đó luôn có một người luôn ngóng trông, thần thờ vào mỗi cuối tuần. Không lâu sau, tôi lập gia đình trên thành phố. Cuộc sống lại càng bận rộn hơn với mái ấm nhỏ của mình. Và hình như tôi quên hẳn đi ngôi nhà thân thương đó.

Một năm sau, tôi sinh con rồi lại quay về với mẹ để được bà thương yêu chăm sóc cho cả hai mẹ con. Và đây là khoảng thời gian mẹ tôi hạnh phúc nhất từ khi tôi lên sống ở thành phố. Khi đã cứng cáp, chúng tôi lại rời xa vòng tay mẹ. Đáng lý ra có con rồi thì hiểu được tấm lòng của người mẹ. Nhưng quỹ thời gian tôi dành hết cho công việc và gia đình, chỉ thi thoảng mới hỏi thăm mẹ qua điện thoại mà thôi. Đôi khi cuộc sống và những lo toan cuốn chúng ta đi mất, khiến ta quên đi đáng sinh thành của mình. Tranh thủ, thu xếp mãi rồi đến khi cháu được ba tuổi tôi mới đưa về thăm bà. So với những năm trước, sức khỏe mẹ tôi đã yếu nhưng tinh thần vẫn còn minh mẫn. Đã lâu không gặp nên trông mẹ già hẳn đi, chân bước đi đã chậm, yếu như thế nhưng mẹ mừng quýnh khi chúng tôi về rồi lập cập xuống bếp nấu những món ăn tôi thích. Đến bữa cơm, mẹ chỉ ngồi nhìn chúng tôi ăn là chủ yếu, miệng móm mém cười. Tay cứ gắp món này đến món kia cho con và cháu mà quên đi mình chưa bỏ gì vào bụng. Thế mới biết tình thương của cha mẹ đối với con cái là một tình thương không giới hạn. Loay hoay rồi cũng đã đến lúc phải rời mẹ. Tôi chưa kịp gọi đầu cho mẹ như đã hứa để được úp mặt vào mái tóc spon ướt ngửi mùi hương thơm thoang thoang của bồ kết thuở nào. Mẹ đưa chúng tôi ra đầu ngõ rồi nắm tay

bé Na (con gái của tôi) như không muốn rời. Mẹ nhắc lại điều mong muốn là đến mùa hè này khi bé Na đã nghỉ học, tôi đưa cháu về quê sống vài tuần cùng bà. Bé thích lắm rồi rồi rít hứa với bà là tháng 6 sẽ về. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ vui như thế!

Cuộc sống quả là ngắn ngủi vô thường, không biết rằng ngày mai chuyện gì sẽ đến. Một chiều tan sở, trên đường về, tôi ghé siêu thị để mua thức ăn thì bỗng nghe điện thoại của dì Sáu (em bà con xa với mẹ) ở sát nhà bên báo tin mẹ tôi đã qua đời. Trời đất như quay cuồng, cả bầu trời sụp đổ.

Dì Sáu kể lại buổi trưa mẹ tôi nói thấy trong người khó chịu, kêu dì nấu dùm miếng cháo. Ăn xong mẹ tôi lên giường nằm nghỉ. Dì chạy về nhà lo cho mấy đứa nhỏ và bầy heo. Xong việc chạy qua xem mẹ tôi có cần thêm gì, dì lay gọi mãi mới biết mẹ tôi đã đi rồi.

Bé Na khóc thật nhiều, còn tôi không biết làm gì cho mẹ. Với tôi, đó là buổi chiều đau đớn tang thương nhất. Mẹ ơi, lòng con đau đớn lắm! Giờ đây chít khăn tang trên đầu con mới biết là mình mất tất cả. Được sống trong tình yêu thương của mẹ là hạnh phúc lớn lao mà con có được trong đời. Con đã hiểu cuộc đời là vô thường nhưng sự mất mát quá lớn khiến con nghẹn ngào. Cũng may nhờ có dì Sáu lo toan và mời được hai thầy đến. Thầy chỉ bảo cho tôi mọi việc để lo hậu sự cho mẹ. Nhờ có thầy mà tôi đã bình tâm trở lại. Tôi mới hiểu từ lúc người chết ra đi đến 49 ngày, gia đình thân quyến chớ có sát sinh, cả nhà đều phải giữ gìn trai giới dù có khách đến cũng không được thết đãi rượu thịt. Gia đình luôn thay phiên nhau niệm Phật và khai thị nhắc nhở hương linh để giúp người thân được giải thoát. Chúng tôi làm phước như cúng dường, bố thí, phóng sanh rồi hồi hướng phước báo cho người thân là những việc cần làm. Gia đình chúng tôi tập trung toàn bộ tâm lực để làm phước hồi hướng cho hương linh của mẹ.

Rồi mọi việc cũng qua nhưng mỗi khi nhìn lên di ảnh của mẹ, đôi mắt hiền từ như vẫn nhìn tôi triu mến, tôi cảm thấy ân hận vô cùng. Nhớ lại lúc trước mẹ chưa bao giờ trách móc tôi điều gì

kể cả những lúc tôi bỏ quên mẹ nơi quê nhà thui thủi một mình trong khi tôi luôn âm êm hạnh phúc bên gia đình nhỏ của mình. Bé Na giờ đã nghỉ hè, lại quanh quẩn bên bàn thờ ngoại, lại thì thăm với bà về những lời đã hứa. Tôi bỗng ghen lời khi nhìn thấy cảnh đó, tim như thắt lại. Tôi cũng đã hứa thật nhiều với mẹ mình khi lên thành phố sống sẽ thường xuyên về thăm mẹ nhưng nào có làm được gì đâu. Cái thời gian rảnh rỗi tôi dành cho cuộc vui chơi vô bổ, những buổi tán gẫu cùng bạn bè đến quên cả lối về. Giờ mới hiểu một điều là hãy tận dụng dành nhiều thời gian cho những người chúng ta yêu quý khi có thể, nhất là cha mẹ bởi chẳng có gì hơn cha mẹ của mình, nhưng đối với tôi giờ thì quá muộn! Tôi chỉ còn biết sống tốt từng ngày để cho mẹ yên lòng.

Vu Lan lại đến, tôi được cài lên áo bông hồng màu trắng. Lòng tôi tan nát, tôi đã khóc như chưa từng bao giờ được khóc. Mẹ ơi! Con thật sự đã mò côi rồi sao! Tôi lại đến chùa rồi nhờ Thầy tôi mới hiểu ra những giọt nước mắt không giúp được gì cho những người đã mất. Nhân lễ Vu Lan, gia đình tôi làm lễ cúng, chúng tôi ăn chay, đọc kinh Vu Lan và báo hiếu trong suốt tháng 7 âm lịch, những việc làm trên xuất phát từ lòng báo hiếu và cũng để giúp đỡ những linh hồn đói khát. Ngoài ra, chúng tôi còn cúng dường, phóng sinh, bố thí để được hồi hướng công đức cho ông bà, cha mẹ. Báo hiếu là bổn phận thiêng liêng của tất cả mọi người. Lễ cài bông hồng trong dịp mùa Vu Lan được xem là một buổi lễ báo hiếu quan trọng đối với những người con Phật. Hãy nghĩ về mẹ cha nhiều hơn, hãy mở lòng với đồng loại để được thương yêu chia sẻ nhiều hơn. Để cho mỗi ngày là một ngày biết ơn, hãy mạnh dạn thể hiện tình cảm của mình, một lời thăm hỏi, một ánh mắt nhìn, một vòng tay ôm, một tin nhắn khi chưa về kịp....

Hãy trở về trong vòng tay cha mẹ để cùng có một mùa Vu Lan ấm áp trong năm nay. Muốn làm gì cho cha mẹ thì hãy làm ngay để có ngày không làm kịp! Đừng bao giờ chần chừ, bạn nhé!

Sắc - Không

*Danh lợi như mây
Một hôm gió cuốn
Như lá thu bay
Về nơi vô định*

*Tình yêu như khói
Thoáng đó mờ phai
Như sương ban mai
Tan trong nắng sớm*

*Kỷ niệm như gió
Một đêm quay về
Làm tim nhức nhối
Mờ sáng vội đi!*

*Tình đời đen bạc
Rồi cũng vẫy tay
Mỗi người một ngã
Chẳng ai nhìn ai!*

*Không không sắc sắc
Có rồi trắng tay!
Thì ra tất cả
Vô thường mà thôi!!*

Về Thăm Quê Mẹ

*Nhoc nhần năm tháng chất cao
Ôi sao lòng mẹ dạt dào thăm sâu
Cuộc đời lắm chuyện bể dâu
Con xa, giấc mẹ đêm thâu chập chờn*

*Bao năm ngựa mỏi chân mòn
Tóc xanh điểm bạc, áo sờn lạnh vai
Hiểu ra sau giấc mê dài
Con về tìm lại tháng ngày xa xưa*

*Mẹ chờ con biết mấy mùa
Vườn nhà trồng trái gió lùa sương đêm
Con ngồi bên mẹ trước thềm
Để nghe dạ xót ruột mềm, mẹ ơi!*

*Món quê mẹ giục giã mời
Quà quê chân chất một thời con ưa
Con đi qua vạn bến bờ
Nghẹn ngào khi trở về quê mẹ hiền!*

Hạnh Phúc Nơi Đây



Trong cuộc sống ai cũng muốn mưu cầu hạnh phúc nhưng HẠNH PHÚC là gì? Nó hữu hình hay hữu thanh, có đượm hương và êm ái? Không dễ để trả lời một câu hỏi tưởng chừng gần gũi, thân quen giữa đời thường này.

Có người thì thàn: “Cuộc sống ơi, làm ơn cho tôi nghe tiếng của người, đời sao thình lạng đến thế!”.

Hắn sống lặng lẽ âm thầm, cô đơn thàn muốn có sự đồng cảm, đổi trao, chia sẻ. Thế nhưng, một tiếng chim hót thánh thót

đầu hồi; một làn gió thổi vi vu; một hồi còi tàu vang dội báo hiệu một ga đời có bao người chia ly từ biệt; một tiếng vạc sành kêu đêm nào có làm hấn quan tâm.

*“Một đời ta lặng lẽ
âm thầm sống cô đơn
thèm một lời mật ngọt
nồng ấm một nụ hôn”.*

Có người lại trần trố: “Sao tôi không bao giờ nhìn thấy cuộc sống rộn ràng, tươi vui, đời sao quá hắt hiu!”.

Cô ả nhìn đời qua lăng kính ảm đạm vô ảnh. Mai vàng rực rỡ, đào hồng thắm tươi, cúc đủ sắc màu hay bao vì sao tỏa sáng trên bầu trời đen thẫm thẫm; một cánh diều diu dặt giữa trời chiều lộng gió; một vạt nắng vàng mơn man bên thềm cỏ biếc; một mái nhà tranh mong manh khói lam chiều đều không lọt vào tầm mắt hờ hững của ả.

*“Đời ta nào có nắng vàng
mây trắng rồi cũng ngỡ ngàng bay đi
ngắm đời ta chẳng thấy gì
có chẳng mù mịt trôi đi muôn trùng”.*

Thảng thốt, có người lại kêu lên một điều đồng vọng: “Tôi muốn một điều kỳ diệu xảy ra trong cuộc sống quá tẻ nhạt này!”

Thế nhưng, dường như hấn cũng không hiểu hấn mơ ước điều gì, hấn mong mỏi chuyện chi!

Hấn sống như một sinh vật biết đi đứng ăn và thở... không một hoài bão ước mơ. Hấn không có nổi một giấc mơ, dù chỉ là một giấc mơ không có thật! Một đứa bé cất tiếng khóc oa oa chào đời. Một điệu ru à ơi của người mẹ trẻ. Những cánh phượng hồng nắm niu những bàn tay cuống quýt chia tay mùa hạ, những giọt nước mắt từ ly. Đó chưa đủ là những điều kỳ diệu của cuộc sống sao? Hấn không cảm nhận điều gì cả. Với hấn, đứa trẻ dù mới sinh ra hay theo thời gian lớn lên và dọ dẫm bước vào đời đều không gợi trong lòng hấn một kỷ niệm đáng nhớ nào cả. Hấn

không “quen biết” điều này, không “hay biết” điều kia. Thế thì làm sao hấn hiểu được, chạm được vào góc ngách kỳ diệu của cuộc đời!

*“Có phải “hoa vàng trên cỏ xanh”
gợi lòng ta bao nỗi nhớ mong manh
kết chúng lại thành bao điều kỳ diệu
rất tiếc là nó thành vô thức... trong anh!”*

Lại thêm một người khác kêu lên trong thất vọng: “Cuộc sống ơi! Hãy chạm vào tôi. Hãy cho tôi niềm hy vọng có người lần khuất đầu đây, ban cho tôi niềm tin cuộc sống”.

Trời ạ! Sao lại như thế nhỉ? Cuộc sống vốn dĩ đa đoan mà!

Một hạt sương long lanh trong nắng sớm cuốn cánh hoa li ti tím thắm cong cớn khoe sắc rơi xuống vai gầy. Hấn thản nhiên đưa tay phủi sạch. Con mưa trái mùa lất phất gió sẽ đưa chiếc lá vàng rơi mênh mang đất trời khẽ chạm vào tay. Hấn chắc lưỡi – đồ chết tiệt! Thế thì hấn chờ đợi điều gì từ cuộc sống? Sống trong lòng mẹ thiên nhiên mà hấn khiến cưỡng chấp nhận nó, thản nhiên như sống ở một hành tinh xa xôi nào khác!

*“Một hạt sương long lanh
trong ngần trong nắng sớm
một cánh hoa tím tím
ngan ngát khoảng trời xanh
Nhưng hình như tất cả
Chẳng là gì... trong anh!”*

Cuộc sống vốn đa đoan mà đời người thì ngắn ngủi, làm sao bạn có thể làm hài lòng hết thầy mọi người và mọi người cũng không có bổn phận làm hài lòng bạn. Sao không an yên mà sống?! Sao bạn không tự tin nhập cuộc, tự tin bước lên đôi chân của mình đừng e ngại ánh mắt người đời. Bởi ánh mắt có thể giống nhau nhưng góc nhìn khác nhau. Não người có thể có lượng tế bào như nhau nhưng suy nghĩ lại có nhiều dị biệt. Hạnh phúc chẳng ở đâu xa: Chim sẽ hót líu lo, bay nhảy tung tăng giữa ngàn cây mà đậu

cần quan tâm đến lời cổ vũ. Hoa cỏ giữa rừng sâu núi thẳm vẫn âm thầm tỏa ngát hương nào cần người đời vỗ tay thưởng thức. Chúng nó rất hạnh phúc đấy bạn ạ! Bởi chúng đã sống chân thực, hồn nhiên tự vươn mình trong nắng sớm mưa chiều nào cần ai thấu hiểu hay yêu mến.

Hạnh phúc không phải tự dung mà có. Thiên nhiên ban tặng ta bao điều kỳ diệu. Ta hân hoan đón mặt trời mọc trên biển xanh, đón ánh trăng vàng lung linh bên dòng sông đẹp như cổ tích một cách vô tư. Nhưng thiên nhiên không ban tặng điều kỳ diệu cho kẻ vô tâm. Và hạnh phúc đến từ mọi phía nếu bạn rộng lòng biết quan tâm và chia sẻ với mọi người trong cuộc sống.

“Để trả lời một câu hỏi

Hạnh phúc có từ đâu

Tôi nhìn ra biển cả

Thương con sóng bạc đầu

Từ đâu ghềnh cuối bãi

Len lỏi vũng cạn sâu

*

Trong rừng xanh thẳm thẳm

Giữa khe núi ngàn xa

Lung linh nhàn lan trắng

Trang điểm ánh chiều tà

*

Anh lên rừng xuống biển

Đơn vị rất xa nhà

Chiều hôm em chuyển dạ

Thương con khóc xa cha”.

Hạnh phúc là gì bạn hỏi ? Là cuộc sống mà ta nặng lòng yêu mến. Là đời mà mỗi chúng ta đã mang nghiệp vào thân, không chối bỏ, không thờ than, tận lực làm nên số phận và tự hào về nó. Dẫu sao ta cũng được làm người, những con người tử tế.

(Hạ 2017)

***Thương Đôi Mắt
Khóc Người Từ Trăm Năm***

*Đêm tàn trăng rụng Ban Mê
Mình ta với phố bốn bề sương bay
Thời gian mòn mỏi qua tay
Đường quen chưa xóa dấu đài trang xưa*

*Cao nguyên gió lạnh đầu mùa
Tình xa ngút mắt ta vừa đủ đau
Nói gì thì cũng mất nhau
Chia tay là đã qua cầu áo phai*

*Ta đi đếm tuổi ngày dài
Chim hun hút cánh miệt mài tà huy
Em đi với nửa xuân thì
Sang ngang còn giữ chút gì không em*

*Hay lòng thăm bảo cố quên
Bước chân chánh niệm với miền hư vô
Mưa rơi rơi phía Buôn Hồ
Phải đâu lệ rớt trên bờ mi cong*

*Cạn đi hết chén rượu nồng
Ai chờ đợi nữa bến sông bụi mù
Mai về rừng núi Pleiku
Thương đôi mắt khóc người từ trăm năm!*

Mẹ Là Sợi Khói Bay Lên

*Tôi về lại cánh đồng xưa ngái ngủ
Tìm tuổi thơ chim sáo tựa lưng trâu
Chiều cùm nùm kêu nghe như tiếng thỏ
Mùi rạ thơm ngai ngái phủ lên đầu*

*Ngày thơ ấu tôi thường theo chân mẹ
Lội ra đồng nôm bắt lũ cá rô
Vớt bông súng về nấu canh chua mẹ
Bữa cơm ngon còn ấm đến bây giờ*

*Rồi chiều nay trên cánh đồng thăm thẳm
Sự lặng im nhường chỗ bước quay về
Một đời ta bao nhiêu đời cỏ đắng
Để ven đường ngơ ngác dấu chân quê*

*Lối trải dọc trưa hè người thưa vắng
Giậu bìm leo nghiêng ngã trước hiên nhà
Soi vào cổ tóc mẹ giờ bạc trắng
Soi vào mùa còm cõi bóng hình cha*

*Chiều bắt gặp lưng chừng bao sợi khói
Mà tưởng như tóc mẹ hóa bên trời
Sao đi vắng tiếng chim khô trên ngói
Có lẽ nào... sợi khói ấy lại rơi!*

Đom Đóm Quê Nhà



K
H
A
N
H
L
I
N
H

Xin đừng để những con côn trùng đáng yêu ấy thành những ngôi mộ đom đóm trên cánh đồng ký ức trong mỗi con người chúng ta để thiên nhiên còn ngân lên những nốt nhạc tuyệt vời dưới những sắc màu huyền ảo.

Quê tôi có một câu ca dao mà hồi nhỏ tôi thường nghe mẹ ngâm nga khi ru em tôi ngủ những buổi trưa hè oi ả đến giờ tôi vẫn còn nhớ: “Bàn de đom đóm lập lòe. Thấy em nhỏ xiu anh ve để dành”. Điều đó cho thấy con đom đóm xuất hiện từ nảo từ nao và trở thành một hình ảnh quen thuộc của cư dân vùng sông nước.

Quê tôi là một vùng đất miền Tây bên dòng sông Hậu, nơi có nhiều cây trái, ruộng vườn quanh năm xanh tốt nhờ phù sa bao đời nay đắp bồi. Làm sao quên được những con đường làng râm mát mỗi ngày đến trường, những chiếc cầu tre quen thuộc mỗi ngày mẹ đi chợ sáng và những kỷ niệm ấu thơ một thời nhỏ dại. Mùa hè tuổi thơ của tôi và các bạn cùng trang lứa sống trong niềm vui bất tận của những trò chơi con nít: Vui đùa trên sông nước, chạy tông ngồng tắm mưa, đánh đáo, chơi nhà chòi, chọi gà và nhất là đuổi bắt đom đóm là quà cho mấy cô bạn nhỏ tóc đuôi gà. Bọn con gái rất thích ngắm nghía sẫm soi chúng nhưng lại sợ đụng tay vào nên tụi con trai đành ra tay... nghĩa hiệp vậy. Mùa hè là mùa đom đóm trưởng thành mà lị. Cơ man từng đàn đom đóm trong vườn, trên nhánh cây bần, cây ổi, những chạc dây leo mọc de ra bờ sông mé nước.

Tuổi thơ chúng ta chắc ai cũng có một thời gắn liền với loài bọ mang tên đom đóm. Loài côn trùng này có một thứ ánh sáng lập lòe kỳ diệu phát ra trong đêm tối mà bất cứ đứa trẻ con nào cũng cảm thấy tò mò và thích thú. Có thể lần đầu tiên bọn trẻ con thấy đom đóm vừa bay vừa chớp sáng khi đi xem hát ở đình về khuya. Chắc hẳn thế nào nhiều đứa nhát gan tưởng là ma nhát sợ chạy vắt giò lên cổ nhưng khi đã biết rồi đứng trước cảnh dưới một bầu trời đêm có một thứ ánh sáng nhấp nháy di động liên hồi như thế người ta tưởng mình sống trong một thế giới mộng ảo nào đó, hay đang chiêm ngưỡng một bức tranh tuyệt mỹ được vẽ bằng một thứ bột lân tinh tạo thành một thứ ánh sáng vàng óng hay xanh lơ ma quái.

Bọn đom đóm bay rượt đuổi nhau vẽ thành những đường ánh sáng kỳ lạ, lập lòe trên những cành cây, bụi cỏ tạo thành một thế giới vô cùng ảo diệu, thần tiên. Sự phát sáng ở loài đom đóm là một điều kỳ diệu của thiên nhiên mà không phải bất cứ ai có thể lý giải được, nhất là với bọn trẻ con chúng tôi lúc bấy giờ. Sau này lớn lên một chút, tôi mới biết cơ thể đom đóm phát sáng được là nhờ hợp chất có tên Luciferin trong một quá trình phản ứng hóa học vô cùng phức tạp trong cơ thể con côn trùng này. Chính điều kỳ diệu này đã biến thế giới bình thường của ta thành một chốn thiên đường. Có người nói Chúa đã gọi đom đóm xuống trái đất cho con người và những sinh vật khác có thể chiêm ngưỡng. Tôi cũng nghĩ như thế.

Bọn trẻ chúng tôi thường thích bắt đom đóm để chơi. Bắt chúng bỏ vào trong bất cứ vật dụng nào mình có sẵn: Các hộp diêm, hộp nhựa hay lọ thủy tinh đựng thuốc mà các bệnh viện thải đi. Vòng đời của đom đóm hơi ngắn chỉ vồn vẹn một hai tuần mà thôi. Đom đóm đẻ trứng ở trong đất, trứng nở thành sâu rồi hóa nhộng. Nhộng nở thành đom đóm bay lập lòe với làn ánh sáng mờ mờ lung huyền ảo. Mùa hè là thời kỳ mà đom đóm trưởng thành. Đom đóm phát sáng là đom đóm cái, đom đóm đực lại không phát sáng, nhờ đặc điểm này mà con đực dễ dàng nhận ra người bạn tình của mình để ve vãn. Trong mùa giao phối, sau cơn động tình, con cái đã xoi tái con đực không thương tiếc, giống như loài ngựa trời, sau cơn say tình ái, nàng ngựa trời đã quơ cang lên như một lưỡi dao bén ngót phập một cái đầu anh bạn tình rơi xuống đất rồi ung dung “chén” một cách ngon lành.

Khi xa nhà lên thành phố học, hình ảnh đom đóm tưởng lụi dần vào ký ức thì nó lại sống dậy qua bài hát Đom Đóm của Phượng Linh với tiếng hát của nữ hoàng sầu muộn Giao Linh:

*“Ngày xa xưa chơi trò đi trốn nhau
Cho em đi tìm gọi anh Đom Đóm ơi
Anh khéo nên em thường hay giận hờn*

*Một lần anh thua em trèo lên trên ngọn khế
Nào giờ mưu kế đem đom đóm anh cài lên tóc em
Từ đêm đen lập lòe đom đóm bay
Em anh đây rồi nên vẫn khen anh tài ghê” ...*

Ở đất nước mình sau mấy thập kỷ chiến tranh, bom đạn, chất độc hóa học đã hủy hoại môi trường sống rất nhiều. Ngày nay, tốc độ đô thị hóa như những bước chân phi mã càng làm thu hẹp mảnh ruộng thừa vườn, các dòng sông ô nhiễm do chất thải từ những khu công nghiệp, những khu vườn đom đóm cũng bị thu hẹp lại và có nguy cơ biến mất. Trong khi loài côn trùng này ở Nhật rất được người dân yêu mến. Hình ảnh đom đóm với ánh sáng huyền ảo trong đêm tối nhấp nháy như những đóm lửa lập lòe làm họ liên tưởng đến pháo hoa Senkou hanabi, cũng là biểu tượng của mùa hè Nhật Bản. Được ngắm nhìn đom đóm là một trong những kỷ niệm đẹp không thể quên trong quãng đời thơ ấu của bọn trẻ xứ sở hoa anh đào này. Vậy mà có thời kỳ bọn trẻ con không còn được ngắm những con côn trùng phát sáng kỳ lạ này. Nguyên nhân bắt nguồn từ nhiều thảm họa suốt một thời gian dài trong cuộc phát triển thần kỳ (1950-1970) của nền kinh tế Nhật Bản: Ô nhiễm môi trường trầm trọng, môi trường sống Satoyama bị bỏ hoang cộng thêm thói quen sinh hoạt của con người đã làm cho số lượng đom đóm giảm đi đáng kể. Người Nhật đã nhận thức được điều này và bắt đầu khôi phục lại những vùng đom đóm sinh sống, khôi phục lại môi trường sống Satoyama, giữ gìn môi trường tự nhiên trong sạch. Bảo vệ nguồn nước, cải tạo sông ngòi, nuôi dưỡng ý thức bảo vệ đom đóm trong trẻ em, tổ chức lễ hội ngắm đom đóm trên khắp cả nước ở những khu vực ven sông hay cánh đồng, khuôn viên công viên để người dân có thể dễ dàng ngắm đom đóm, từ đó ý thức bảo vệ môi trường được nâng cao.

Nhắc đến đom đóm tôi liên tưởng đến một câu chuyện rất cảm động mà khi đọc xong vẫn ám ảnh tôi mãi: Đó là truyện ngắn có tên Hotaru no Haka (Mộ đom đóm) của nhà văn Nhật

Akiyuki Nosaka (1930-2015). Truyện kể về gia đình cậu bé Seita và cô em gái Setsuko thời chiến tranh thế giới thứ hai. Lúc ấy, cuộc chiến đang trong giai đoạn ác liệt. Cuộc sống của hai đứa trẻ và mẹ chúng trôi đi trong khắc khoải chờ đợi ngày trở về của người chồng người cha ngoài mặt trận. Nhưng điều bất hạnh đã ập xuống khi người mẹ đột ngột qua đời sau một trận không kích của quân đội Mỹ. Hai anh em phải sống nhờ và vào những người họ hàng nghèo khổ và thường xuyên bị họ đánh mắng. Nỗi uất ức ngày một chất chồng khiến Seita quyết định mang em gái mình vào sâu trong hang núi sống. Đói khổ ngày một trầm trọng hơn. Trong hoàn cảnh thiếu thốn mọi bề thậm chí nỗi cô đơn bị bỏ lại giữa rừng khi Seita đi tìm thức ăn, Setsuko đã tạo cho riêng mình một thế giới tưởng tượng bằng những hình vẽ nguệch ngoạc đám tang con đom đóm, những hình ảnh tưởng như ngô nghê nhưng hóa ra lại dự báo về một tương lai đầy bi kịch. Một ngày kia khi Seita tìm kiếm thức ăn về thì Setsuko đã thiếp ngủ và không bao giờ tỉnh dậy nữa.

Xin đừng để những con côn trùng đáng yêu ấy thành những ngôi mộ đom đóm trên cánh đồng ký ức trong mỗi con người chúng ta, như những bức vẽ ngô nghê đến tội nghiệp của cô bé Setsuko đáng thương trong lúc cô đơn nhất chỉ với một mơ ước giản dị sống trong vòng tay yêu thương của những người thân. Mà hãy để chúng được tự do cùng thiên nhiên ngân lên những nốt nhạc tuyệt vời với những sắc màu huyền ảo của bầu trời đêm lộng gió.

Xin đừng để hình ảnh những con đom đóm chỉ còn là những hoài niệm trong ký ức tuổi thơ của thế hệ chúng tôi, những người đã bước qua lứa tuổi heo may chỉ chờ những cơn gió mạnh mang ký ức ấy ra đi, để rồi bọn trẻ khi nhắc tới loài côn trùng này ngo ngác chỉ còn được nhìn thấy trong tranh ảnh và coi đó là con vật trong truyện cổ tích thần tiên nào đó mà thôi.

Lời Chim Mẹ

*Chim mẹ bay năm rừng bảy rú
Kiếm mồi về mớm lũ chim non
Ngày mưa hay ngày nắng đã đoan
Đôi cánh chở tình thương trĩu mền.*

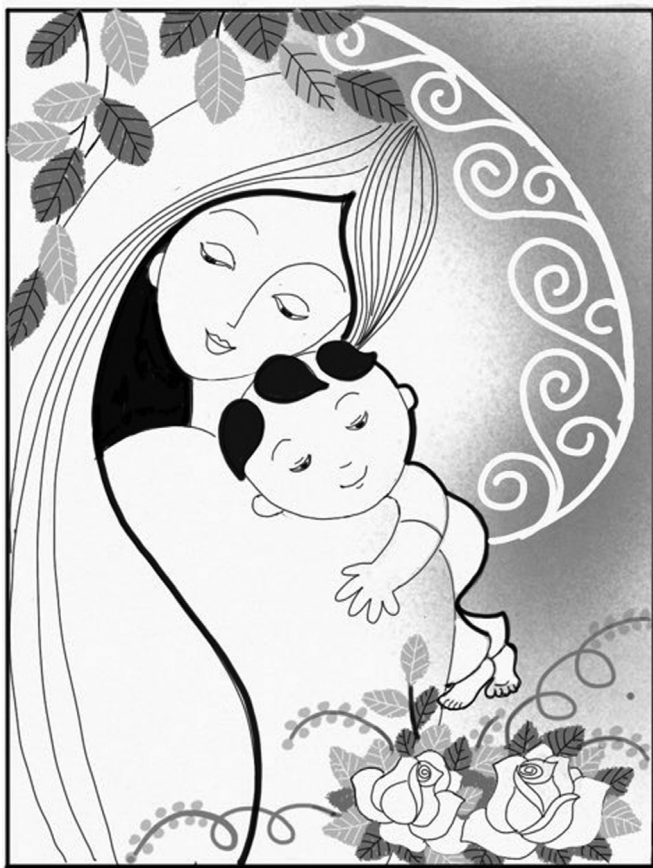
*Con bão liềm qua vạt nắng sớm
Bạt cánh chim trời khản tiếng kêu
Lũ chim non lại ngày đói rét
Cánh xoải nhòa theo giọt mưa tuôn.*

*Chim mẹ qua bao thác bao truông
Cất tiếng bi thương như ai oán
Chim gom từng mảnh trời chạng vạng
Vào đôi mắt của bản của buôn.*

*Lời chim bật từ núi từ non
Sinh ra từ đại ngàn thác cuộn
Thả rong trời tiếng kêu nhức thốn
Buồn ai đốt sém cả hoàng hôn?*

*Chim mẹ bay qua vòng xoáy tròn
Rời rã một đời nợ áo cơm
Cánh khụy xuống. Tâm người lồi lõm
Xin đừng chuốc rượu mảnh tình son!*

Mẹ Làm Bóng Cả Thời Gian



Chiều nay cũng giống như mấy ngày vừa qua, Sài Gòn vẫn nắng gắt. Cái nắng có lúc tưởng chừng như làm mình ngột hơi, thiếu oxy. Bỗng mây đen ủa về kéo theo cơn gió lạnh. Mưa rồi. Mưa ào ào. Mái tôn nhà bên phố nghe rào rào. Có người mẹ trẻ

đang ngồi ru con. Lời mẹ ru con bay qua ghènh thác, bay qua lũy tre làng, bay qua cánh đồng lúa chín và bay qua những giấc mơ trong mẹ. Cánh võng theo tay mẹ vẫn đưa nhịp nhàng, hơi ấm được truyền từ lời ru thương yêu. Tôi chợt nghe được trong lời ru đó có bài ca dao:

*“Mẹ mang một nắng hai sương
Đem ra chợ đổi làm đường con đi”.*

Bao nỗi niềm trong tôi dậy lên một mùi hương lạ. Đó là thứ hương thơm mầu từ.

Chợt nghĩ về mẹ. Phút lắng tâm hồn trong tôi không sao quên được hình ảnh của những năm xưa...

Hồi đó, nhà tôi nghèo lắm, nắng xuyên qua mái lá, mưa nhỏ thành dòng theo mái nhà. Mỗi lần mưa thì nào là xô lớn, xô nhỏ, xoong nồi cũng đem ra thi nhau hứng nước chổ mưa dột. Nền đất nhầy nhầy. Chúng tôi vui vọc sinh đất, có biết đâu mẹ cha đang buồn rầu. Mẹ luôn dành cho anh em chúng tôi chổ nằm khô ráo, kín gió. Phía mẹ vẫn nghe giọt mưa nhỏ toong toong, bóng mẹ rộng lớn trong đêm mơ của con.

Tuổi thơ con được đến trường tung tăng vui học và chơi. Cũng bằng khoảng đó thời gian, mẹ phải trải qua công việc đi bán trứng vịt lộn giữa trưa cháy bỏng. Gánh rau mẹ đổi gạo thơm cho con ăn không hụt sụn. Lúc nào mẹ cũng để dành trứng lộn ngon nhất cho con. Bao giờ mẹ cũng bới chén cơm cho con ăn nóng hổi, thơm dẻo. Con đau bệnh giữa đêm mưa gió giật, mẹ mặc áo mưa mỏng sồn lội bộ mua thuốc cho con, đến nỗi gấp vôi mà vấp ngã, chân bầm tím, mẹ vẫn mỉm cười. Mẹ khen “Con ngoan nào uống thuốc cho mau lành bệnh!”.

- Mẹ, mẹ ơi! Kể sao cho hết, nói sao cho vừa đây hờ mẹ!

Tháng bảy – tiết Vu Lan, bài học đạo Hiếu sâu dày lại nhắc nhở con thêm bao điều hay. Con mãi trôi lặn trong dòng đời trong – đục, đã nhiều lần con quên mẹ. Một nhành hoa con chưa từng cài trên áo mẹ! Phút gặp lại mẹ con chưa nở nụ cười tròn vành

môi, con lấp lửng câu nói nhớ... giấu trong lòng mình yêu thương mẹ thật nhiều. Có nhiều đêm ngủ mơ, con mơ thấy mẹ kề bên, giọt nước mắt nào lăn hời hời nóng trên má thấm cả gối khuya. Con giật mình choàng dậy, xú người côì cút quá!

Đã dần qua tháng Bảy. Đã dần qua ngày tháng tươi xanh. Con chưa về thăm mẹ, để một lần cài hoa trên áo mẹ, dầu một lần thôi mà sao con vẫn thấy khó, mẹ ơi!

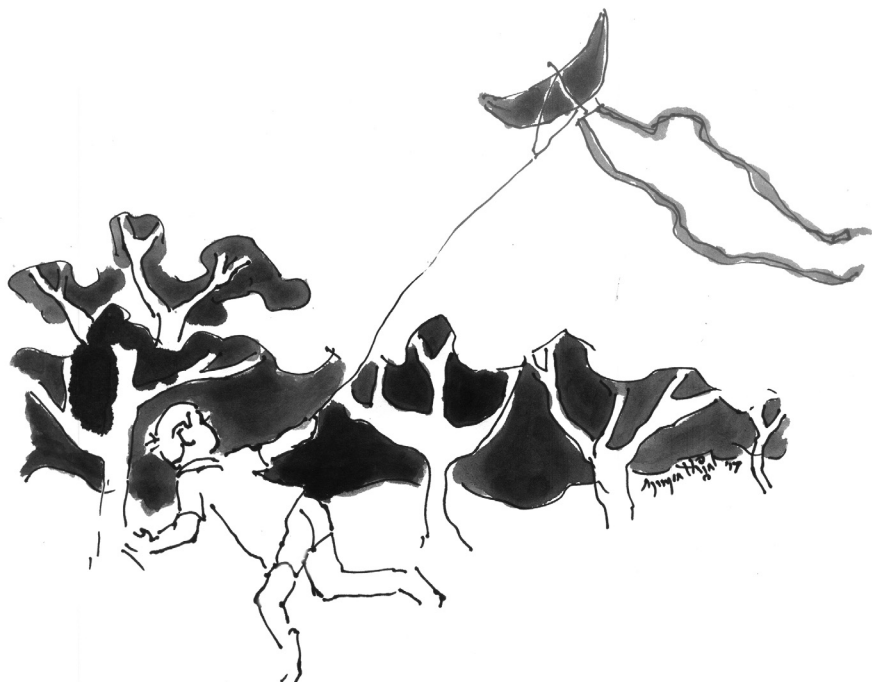
“Mẹ mang một nắng hai sương”. Thật vậy, sương buổi sớm mai lúc mặt trời còn đang ngái ngủ thì mẹ đã thức dậy lo cho con. Khi đêm đã xuống đầy, sương bắt đầu rơi, con đã ngủ ngon trong vòng tay mẹ, lúc đó mẹ mới bắt đầu ngả lưng. Lưng mẹ cõng ngày đầy nắng. Con chưa từng thấy mẹ có giấc ngủ trưa. Ôi! Cái nắng hay cái mưa chi là phiếm dụ trong câu nói, để con thấy rằng mẹ không có phút giây thư thả. Không có phút giây nào mẹ dành cho riêng mẹ đâu. Mẹ làm như vậy để “Đem ra chợ đổi làm đường con đi”. Con đường của mẹ có thể là gập ghềnh khó đi, là trúc trắc trực trắc. Còn con đường của con đã được mẹ lót sẵn, dọn sạch những đá nhọn, gai dọc đường, sẽ không có chông chênh. Đường con đi thẳng tắp. Đường con đi có hoa trái ngọt lành mẹ sẵn dành cho con. Động từ “mang” về trên ứng đối với động từ “đổi” về dưới làm cho thẳng bằng. Câu chữ nghe nhẹ vậy mà nặng lòng người xiết bao!

Dù cho trọn đời này con có báo hiếu đáp đền công dưỡng dục của mẹ cũng không bằng, cũng không thể đáp đền trước công ơn sâu dày ngần ấy. Con rung rung ru lại bài ca dao: “Mẹ mang một nắng hai sương/ Đem ra chợ đổi làm đường con đi”. Và rồi con òa khóc. Khóc vì thấy mình vô tâm. Khóc vì thấy sợi bạc trên tóc mẹ ngày mỗi thêm nhiều, mà con thì không biết cách nào xóa nhòa bước thời gian. Mẹ vẫn cười tươi, che chở cho con. Mẹ mặc kệ thời gian. Mẹ vẫn làm bóng cả che cho con đi tiếp chặng đường yêu thương của nhịp sống đang réo gọi và sinh sôi./.

Lễ Phật Đêm Rằm

*Tôi đi trăng cũng đi theo,
Tôi vào chùa Phật trắng treo sánh tiền
Chợt quên bao nỗi muộn phiền
Hoa trên bàn Phật cũng thien cùng trăng!
Hương trầm thoảng gió lâng lâng,
Trên cao Phật tọa chín tầng uy nghiêm
“Nam mô Phật pháp vô biên,
Cầu cho nhơn loại thoát miền khổ đau”
Ngoài kia trăng đã lên cao,
Tôi về... trăng cũng theo vào ngõ quen
Đêm rằm gió nhẹ thổi êm,
Bóng trăng tròn rớt xuống thềm huệ lan.*

Tuổi Thơ Của Tôi



Tôi sinh ra ở đất Nhật Tảo, huyện Tân Trụ, quê ngoại xã Long Cang, huyện Cần Đức là vùng chiến tranh dữ dội chống Pháp và chống Mỹ. Ngày đó, má tôi đã chạy giặc rất cơ cực. Nhật Tảo đánh rồi thì chạy về Long Cang. Mỹ càn thì chạy về Nhật Tảo cho đến khi rời quê lên Sài Gòn. Mỗi lần chạy giặc, má chỉ cột vào người cái túi có hai bộ đồ và hộp sữa bỏ theo phòng khi có lạc nhau không bị đói. Từ nhỏ, tôi đã nổi tiếng là con nhỏ đi lạc. Đi đâu cũng tò mò quan sát nên đi chậm hoặc bỏ mọi người, chứ không phải khờ mà bị lạc.

Thuở nhỏ, mẹ bận buôn bán nên tôi được gửi về ngoại cho đi

nuôi. Tuổi thơ tôi đã diễn ra ở đây với bao kỷ niệm. Nào đi trèo cây hái quả, ra ao làng mót gương sen để ăn, lúi hắt điều trong bếp, nướng cá với lửa rơm, đi hun khói bắt chuột đồng hay cả bắt rắn nữa. Mùa mưa thì bắt ốc bò lên bờ, đi giở tép về hấp lá sả ăn rất ngon. Ngoài ra, mình cùng các anh em họ thả điều hay chơi đánh chông hoặc trốn tìm trong mấy bụi rơm.

Lên thành phố, ngoài giờ học, tụi tôi tùm tùm chơi nhảy dây, banh dĩa, chơi tạt lon, chơi u, chơi nhảy cao đến nút 1, nút 2 của vạt áo, chơi ô ăn quan, chơi cờ cá ngựa, cờ triệu phú, chơi đánh cầu bằng cái quạt mo và trái cầu làm bằng nút khoén. Chơi may đồ cho búp bê, tập mót vớ, áo bằng chỉ len, chơi bán đồ hàng, chiên bánh tai yến, đồ bánh khọt v.v... Gần như trò gì mình cũng chơi, kể cả đá cầu với bọn con trai trong xóm. Gặp bữa mưa thì đi tắm mưa đến khi lạnh run, tím môi mới về.

Có lẽ chơi nhiều khiến tôi dễ dàng thích ứng mọi việc, năng động tự lực cánh sinh, khi lớn lên thường tự làm lấy mọi việc, không dựa dẫm người khác. Ham chơi vậy chứ tôi vẫn học rất giỏi. Nhà nghèo nên tự học thôi mà năm nào cũng lãnh thưởng.

Giờ tôi thấy các em gì cũng không biết. Có lẽ do được bố mẹ lo xong rồi, tối ngày chỉ đi học, hè cũng không nghỉ. Thân thể do ít vận động nên hoặc béo phì hay còm cõi. Còn thì chỉ ôm cái máy tính bảng đến nỗi đeo kính cận dày cộm, làm văn không có chút ý tứ gì cả!

Mong các trẻ em được vui chơi, thư giãn xiu trong hè. Các bậc phụ huynh hãy cho các em được chơi đùa vận động, trí óc được ngơi nghỉ thì các bé mới được tiếp sức và tiếp thu bài tốt. Được hoạt động ngoài trời, tiếp xúc với thiên nhiên, với cuộc sống sẽ cho các em kinh nghiệm hội nhập sau này. Biết ơn mọi người, biết xử lý một số tình huống trong đời thường. Chắc chắn điều này sẽ đem lại cho các em vốn sống để diễn tả khi làm văn chứ không nghèo ý như tình trạng hiện nay.

Lục Bát Cho Mẹ

Một đời tưới lá trầu không
mòn tay mẹ vẫn khô lòng ai hay!
vườn trầu voi lá trầu cay
mà hoa cau trắng vẫn đầy vườn xưa
người đi để một đời thừa
bó cau làm chổi quét chưa hết sâu
con mương cạn cá về đâu
để bè ngơ ngẩn dưới cầu héo khô?
trăng non khuyết cạnh sao mờ
gió mùa thu thổi ở hồ xuân xưa.

Mẹ làm lũi góc vườn thưa
nhặt hoa cau rụng chiều mưa một mình.



Nỗi Nhớ Bỏ Quên

*Có một ngày
ta quên
không nhớ nhau
lá cỏ buồn
ngủ vùi/ sương ướt gối
nắng mùa thu nhận ra mình
nông nổi
thèm một bờ vai...
tình tự của mây trời.*

*Có một ngày
đóa cúc bông chơi vơi
con bướm đi hoang
quên lời xưa
chẳng tới
mắt lá đa đoan đong nổi buồn vời vợi
gieo xuống mặt hồ
đưa tiễn/ một mùa thu.*

*Có một ngày
ta bỗng thấy hoang vu
không thể nhớ ra
tên một người con gái
tự hỏi thời gian có bao giờ trở lại
thử còn yêu
môi vẫn đượm
nụ hôn
Người?*

Nhớ Mẹ Bên Sông



*Từ con cách biệt quê cha
Nỗi buồn cứ mãi dài ra từng ngày
Con như cánh nhạn lẻ bầy
Bơ vơ lạc nẻo biết ngày nào xuân?*

Từ lâu lắm con không về. Chiều nay trở lại chốn cũ, nhìn dòng nước lặng lẽ trôi mà lòng bồi hồi nhớ mẹ đến đau lòng.

*Sông quê con nước hiền hòa
Con xa lòng mẹ phong ba quê người
Dù cho sông lở cát bồi
Công ơn cha mẹ ngàn đời không quên.*

Nhà mẹ nằm bên sông, một căn nhà lá vách đất nghèo khó, tuy sơ sài nhưng đã gắn liền với con sông, với bao mùa mưa nắng thăng trầm...

Sông là kỷ niệm, là dòng chảy muôn đời lưu trong huyết quản của mỗi người. Dòng sông luôn gắn bó với ta từ thuở ấu thơ đến ngày khôn lớn.

*Mẹ sinh ra con bên dòng sông
Sông hiền hòa xuôi về trăm ngã...*

Sông quê hiền hòa, nước trong xanh ngắt, êm đềm chảy qua những bãi biển uốn khúc như dải lụa. Những đêm trăng sáng mặt sông lấp lánh như giọt sương.

Đời mẹ khổ cực đã nhiều, thương nhớ đợi chờ bao năm tháng xa con mòn mỏi, càng làm cho tóc mẹ mỗi ngày mỗi trắng thêm, những phiến tóc buồn lẻ loi, cô đơn, bay theo dòng chảy của kiếp người... như hình ảnh của mẹ cam chịu với số phận hẩm hiu cay đắng một đời...

*Bao năm gian khổ héo hon
Mẹ luôn cam chịu mong con thành người
Dù cay đắng vẫn tươi cười
Mẹ vui phần mẹ... ngậm ngùi lòng con...*

Năm tháng đi qua biết bao thay đổi... Chiều nay trở về, nhìn dòng sông vẫn lặng lẽ xuôi chảy... Dòng sông trong xanh hiền hòa sao lòng ta gợn sóng... Những lau lách trắng xóa hai bên bờ, bay phất phơ trong gió chiều mon man êm ả, càng gọi thêm nỗi nhớ mẹ nhớ cha...

Tất cả đã xa rồi, còn chẳng là nỗi muộn phiền nhớ nhung đoàn đoạn.

*Gió vẫn thổi bên sông chiều heo hút
Chuông vọng buồn xa vắng gọi hồn đưa
Mẹ ở đâu? Sao người không trở lại
Một lần thôi, một lần lại đi xa...*

Mẹ ơi! Hồn mẹ có thiêng, hãy nương theo gió bay về thăm con, con nhớ mẹ vô vàn nhưng biết làm sao, khi âm dương cách trở đôi đường, biết bao giờ con mới gặp được mẹ? Mẹ ơi!

*Mẹ ơi! Sao bỏ con đành đoạn
Đời bơ vơ thân lưu lạc quê người
Biết lấy gì con đền đáp công lao
Ơn dưỡng dục nặng sâu như trời biển.*

Công ơn cha mẹ cao dày không bờ bến, làm sao con đền đáp được, con về thăm lại dòng sông xưa, nơi ngày nào mẹ đã tắm gội cho tuổi thơ con khôn lớn nên người. Bây giờ tóc con đã nhuốm màu thời gian, màu sương trắng quê nhà, như màu tóc mẹ đổi thay vì năm tháng đợi chờ nhớ nhung khắc khoải...

Con về tìm lại dấu xưa

Dòng sông ngày cũ bây giờ quanh hiu.

Dòng sông giờ hoang vắng, con về tắm lại dòng sông cũ để gội đi những bụi đường sương gió thời gian phủ bám đời mình.

Những dòng sông vẫn xuôi về biển

Con nửa đời nổi trôi theo sông

Con nửa đời bôn ba xuôi ngược, lận đận kiếp người, bỏ lại sau lưng hình ảnh tóc mẹ bạc phơ... Bây giờ mẹ đã về trời. Dù muôn vàn khó khăn nhưng con không bao giờ quên lời dặn dò của mẹ.

Lời mẹ dặn con còn ghi khắc mãi

Nẻo ngay lành mẹ trao lại cho con

Lòng dặn lòng sống thanh bạch sắt son

Mong đáp nghĩa ân sâu trong muôn một.

Cầu trời cho mẹ được an nghỉ nơi chín suối. Xin mẹ hộ trì và cho con được an lành, tâm hồn luôn trắng trong như một trời lau tóc mẹ, vẫn hiên ngang đứng thẳng, vươn lên từ đá sỏi sỏi tũn buồn, mặc cho phong ba bão tố...

“Đời người như sương mù, đời người như cỏ lau. Đi qua hết cái màu trắng của sương mù, cỏ lau và tóc mẹ thì con người sẽ lớn lên nhân hậu và chín chắn hơn nhiều...” (*) . Xin mẹ an nghỉ, lời mẹ mãi mãi là dòng sông, là ân tình thiết tha bao trùm mến, là màu trắng hoa lau muôn đời phát phơ trong gió...

Ngàn năm tóc mẹ còn bay

Ngàn năm tình mẹ sống đây trong con.

(*) Hoàng Đình Thi

Bến Bờ Thuyền Quyên

*Mỗi người mỗi phận em à
Đừng mơ cái bóng ánh ngà chuốc đau
Tình nào trong cuộc bể dâu
Mà không lần trái dãi dầu ngọt cay*

*Buồn vui nắm cả trong tay
Khéo vun giữ những tháng ngày chính chuyên
Đại ngại lem luốc thuyền quyên
Bỏ quên tứ đức lan truyền thị phi*

*Thênh thang lối nhỏ ta đi
Đoan trang ươm đóa nhu mì tịnh tâm
Chen chi biển rộng sóng ngầm
Thuyền nan nát cánh buồn làm lữ trôi*

*Nụ cười vẫn thắm vành môi
Đừng làm héo úa nhánh chồi nụ xuân
Bên đời vẫn trở thanh tân
Quay về bến cũ trong ngần bờ vai*

*Em ơi tình vẫn chưa phai
Trầu cau thắm đỏ đường dài nợ duyên
Chung tay mấy độ bình yên
Thì thôi cố giữ trọn miền đực trong.*

Quay Đầu Thấy Bến
(Đáo Bỉ Ngạn)

*Quay đầu thấy bến bụi hồng rơi,
Nhân quả tùy duyên thốt chẳng lời.
Trước mắt một cầu qua lắt léo,
Sau lưng vạn kiếp trải chơi vơi.
Sông mê tám chánh bình tâm vượt,
Biển khổ bốn đề tịnh nghiệp bơi.
Bảo cái tràng phang vô úy thí,
Tam quy hai thặng (*) quý muôn đời...*

.....
(*) hai thặng: hai gánh kinh đại thừa và tiểu thừa.

Mẹ và Phật Pháp

*“Dù ai buồn bán đầu đầu
Cứ rằm tháng Bảy mưa ngâu thì về”.*
(Ca dao)



Con về thăm mẹ vào một ngày mưa ngâu sùi sụt, cũng là mùa Vu lan, mùa báo hiếu và ngày xá tội vong nhân... Cha bảo: “Mẹ mày lên chùa từ sớm”! Con khẽ “ạ” một tiếng và không mấy ngạc nhiên, bởi đi chùa từ lâu đã là niềm vui của mẹ!

Sinh ra ở làng quê nghèo chiêm trũng, suốt một đời, mẹ vất vả nắng mưa, quanh năm “bán mặt cho đất bán lưng cho trời”. Bốn chị em con khôn lớn, trưởng thành cũng nhờ “chín chữ cao sâu” ấy. Chúng con cứ dần lớn lên từ trăm ngàn giọt mồ hôi thấm lặng của mẹ nhỏ xuống. Mẹ luôn bao dung, cao thượng, luôn lắng lo cho các con, và mẹ đã trở thành chỗ dựa tinh thần vững chãi, bình an nhất với chúng con.

Con nghe ngoại kể lại, mẹ thích lên chùa kể từ ngày ba trải qua trận bạo bệnh “thập tử nhất sinh”. Bà bảo: “Thuốc thang đều đã tìm đủ đường. Giờ chỉ cầu mong trời Phật che chở, cứu độ mới mong hy vọng”. Mẹ đã khóc cạn nước mắt. Thế rồi, chẳng hiểu vì sao, suốt từ đêm đó, ngồi bên giường bệnh của ba, mẹ đã thì thầm cầu nguyện “Nam Mô A Di Đà Phật”... Cứ thế, suốt một thời gian dài, mẹ chuyển sang ăn chay từ lúc nào con cũng không nhớ rõ, mẹ lại năng đi chùa Hàn Sơn (ngôi chùa ở xã bên cách nhà gần 10 cây số) cầu nguyện dù không phải là ngày lễ. Và sự thành tâm của

mẹ đã được đền đáp. Mẹ vui sướng biết bao khi phép nhiệm màu đã đưa ba trở về từ cõi chết. Mẹ khóc vì biết ơn và vui sướng. Từ đó, mẹ luôn tin có Phật bên mình.

Bốn chị em con, mỗi đứa lập nghiệp một nơi, ít có dịp về thăm mẹ. Lần trước, mẹ gọi vào thăm cháu ngoại, mẹ không quên khoe: “Trên núi, sau nhà mình, mọi người đang xây chùa Tiên Sơn, lớn lắm con à! Vậy là từ nay, mẹ sẽ được lên chùa nhiều hơn”. Trong giọng nói của mẹ, con nhận thấy một niềm hoan hỷ, an nhiên. Rồi mẹ thủ thỉ bao nhiêu là chuyện liên quan đến ngôi chùa đang xây trên dãy núi sau nhà. “Dãy núi thiêng lắm con ơi. Giữa trưa nắng, anh Tản chặn bò nhìn thấy hai đứa trẻ khoảng chừng lên 4, lên 5, tóc để chõm đào đuôi nhau, cười rả rích. Rồi bác Gái nhà mình một hôm đi hái củi lại nhìn thấy hai con heo, một lành lặn, một bị cụt đuôi chạy tung tăng trước mặt bác. Và cả ông Hấn có hôm một mình rong ruổi ra sau nhà giáp núi, ngạc nhiên nghe thấy tiếng nhạc, tiếng trống nổi lên inh ỏi. Nhìn rõ mới hay toàn là những ông quan đội đai, mũ, đèn lồng,... nườm nượp bước đi như trẩy hội, ...”. Chỉ nghe mẹ kể thôi, con cũng ước được về nhà ngay để lên chùa lạy Phật.

Mẹ bảo: “Có chứng kiến cảnh mọi người góp công, góp sức, người khiêng gạch, người cống nước, người mang cơm,... lên núi để xây chùa mới biết dân mình đoàn kết và tin yêu Phật lắm”. Mẹ đã ngoài 60 tuổi nhưng vẫn cùng các cô chú trong xóm góp gạo, thổi cơm để phục vụ đội thợ xây. Không chỉ có mẹ đâu, bà Nguyễn xóm dưới, dù ngoài 70 tuổi vẫn chống gậy lê từng bước lên núi để góp cho chùa những bó rau xanh trồng được ở vườn nhà. Mẹ kể chuyện xây chùa, con nghe mà sướng mũi cay xè vì hạnh phúc, tự hào về người dân quê mình, những con người chân chất, mộc mạc với tình nghĩa đậm sâu, cao cả.

Chưa một lần lên chùa nhưng qua lời mẹ kể, trong tâm trí con cũng đã đọng đầy tình yêu Phật Pháp. Một ngày mùa đông cách đây hơn mười năm, mẹ đau bụng quằn quại. Một mình cha vừa

lo chạy gọi hàng xóm giúp, lại vừa thấp hương khấn vái ông bà, và không quên niệm Phật cho mẹ. Mẹ được đưa đi cấp cứu, nằm viện suốt cả tháng trời mới khỏi. Chị em con ở xa, chỉ thay phiên nhau về thăm mẹ được đôi lần. Lòng thương mẹ, nhớ cha chỉ lặng thầm trong ý nghĩ cầu nguyện của các con.

“Phật chẳng những che chở cho những ai biết tin yêu mà còn thấu hiểu và phù trợ cho những ước muốn bé nhỏ đời thường của con người”. Con nghe lại nhớ đến những câu chuyện cổ tích “ngày xưa ngày xưa” mẹ thường hay kể. Nhưng câu chuyện về em trai của con càng khiến con nghĩ rằng Phật có thật trong đời thường. Bốn năm sau khi cưới, cậu mợ đã từng ra Bắc, vào Nam với đủ thuốc, đủ thầy nhưng niềm mong mỏi một đứa con vẫn mãi là hi vọng mỏng manh. Đó cũng là nỗi lòng đau đáu của mẹ cho cậu con trai duy nhất trong nhà. Mấy hôm trước, nghe cậu gọi điện về báo mợ mới mang thai được hai tuần, mẹ cười trong nước mắt. Chắp tay vái Phật, khước mắt mẹ lệ tràn.

Cha tâm sự: Kể từ ngày lên chùa và được một Phật tử ở xa về tặng bộ quần áo màu lam, mẹ quý lắm. Sáng lên chùa làm công quả, chiều lên chùa niệm Phật, và cả khi dậy sớm tụng kinh, mẹ đều khoác lên mình bộ áo lam ấy. Mẹ còn thường xuyên đọc sách, nghe kinh kệ, nghe thuyết pháp về Phật nữa. Thế rồi, cha cũng thích lên chùa cùng mẹ để cầu nguyện sức khỏe, cầu bình an cho mình, cho con cháu.

Nay là ngày rằm tháng Bảy, mưa ngâu rả rích, tiết trời bắt đầu sang thu. Mâm cơm cúng lễ rằm đã được mẹ chuẩn bị chu đáo, đủ đầy. Nào đồ cúng Phật, cúng thần linh; nào đồ cúng gia tiên và cả những đồ cúng thí thực cô hồn và phóng sinh nữa. Trong mùi hương trầm thoang thoảng, quyện vào tiếng chuông đồng trên núi theo gió vọng xuống, mẹ thành tâm, cung kính vái lạy. Con đứng bên mẹ, chắp tay nguyện cầu cho cha mẹ suốt đời hoan hỷ, bình an!

Sông Trăng Hoàng Hôn



Chia tay màn đêm, ngọn cỏ may bên rào còn đọng tình sương trên lá. Hoa ban giăng lối về xóm nhỏ. Nghiêng nghiêng đôi bờ sông nắng. Sông quê một thời tấp nập thuyền bè. Mẹ dẫn con đợi bến. Nước nghiêng một màu đỏ gạch. *Sông mùa khô dòng chảy dịu hiền, nhưng đời chẳng bình yên nên bên bồi, bên lở. Sông mùa mưa nước đục ngầu sóng lũ.* Củi cây cập cầu thành bến. Tao tác tiếng gọi đò. Vui theo người vớt củi đêm đông. Những cảnh khô sũng nước chờ ngày đỏ lửa cao dần bên vách nứa. Như thời gian cao dần trên vai mẹ. Hai mươi năm vội vã trôi qua. Mẹ đã *vay dáng còng của thời gian* cho con sức xuân tươi trẻ. Như chiếc nến đốt cháy thân mình. “*Cự lập thành hôi lệ thủy can*” (Lý Thương Ẩn). Lửa tàn... Ngày ấy, rằm vừa đến. Trăng vừa ngả bóng, mẹ lặng lẽ ra đi.

Đường dẫn lối con về thấp trên mộ mẹ nén hương. Bóng nắng nghiêng chiều xoay tròn đồi cát. Bỏ đứng lặng. Chinh chiến bao năm, đạn bom bất lực. Mà mẹ đi, sáu khắc người già. Bên dòng sông... Nỗi buồn dâng mắt. Thảng thốt giật mình. Con bão nghiêng đêm. Quê hương tôi – Phú Yên – chông chênh đá cát. Nửa biển sâu, nửa núi đá cheo leo. Con sông quê cũng bao lần chơi vơi, vắt nghiêng mình hồi hải chảy về đông. Dòng mãi trôi chưa tìm ra bến đỗ. Để hoàng hôn lạnh phủ nụ cười. *Tết Trăng* viếng mẹ, giọt ngắn giọt dài. Mây nhỏ theo sương. Ngửa mặt nhìn trời... nghe như lời Úc Ông văng vẳng: “*Thiên nham vạn hác vô nhân tích – Độc tự phi hành minh nguyệt trung*” (“Càn khôn không dấu tích người – Ngàn tầm vạn cốc một trời minh mông – Phiêu nhiên dưới nguyệt dậy lưng – Một thân vi vút nghìn trùng hoang liêu”, *Bùi Giáng* dịch). Đời người ai cũng một lần về đất. Mẹ “*ra đi, trả lại tin vui cho nhân gian chờ đợi*”. Đứng giữa đời, người – người xa lạ. Trông ảnh mẹ, một giấc Thiên thai. Khói hương cay cay. Sông quê nhẹ chảy, khoảng đời người gửi lại. Khúc “*Thu ca*” người thích dạo nào, giờ con ngồi nắn phím mà thời gian dường như đọng lại. Từng giọt, từng giọt rơi rớt tan nhanh vào thồn thức như “*một satna – một ý niệm*” thoáng mau. Tròn ba năm. Con mơ chập chờn.

Xưa trong thơ Thi Phật Vương Duy, “*nguyệt xuất kinh sơn điệu*” – trăng lên làm kinh động chim rừng. Giờ giữa đời hiu quạnh, “*ánh trăng im phăng phắc – Đủ cho ta giật mình*” (Nguyễn Duy). Cả vũ trụ như thân hình trên chiếc lá. Mặt đất vốn đã nghiêng, người ra đi lòng con chòng chành quá đổi. Ngày tập tễnh con học vẽ liếp nhà tranh, mẹ bảo “*con học điệu có thật*”, vẽ cánh cò – mẹ dạy – “*dấu ở mỗi chiều vẽ ngang miền ký ức*”. Giai điệu cho con, mẹ ru cả một đời. Như dòng xoáy uốn nghiêng đem phù sa bồi đắp. Lúa nghiêng bông cho đồng mùa gặt. Cô gái nghiêng tay che nón lá làm duyên. Cây cỏ nghiêng hoa cho đời thêm đẹp. Sự trải nghiệm là kết tinh của bao lần nghiêng ngã. Có ngã đôi lần

Cỏ Ba Lá

*Cỏ Ba Lá ngày nào
vẫn dễ thương
như em,
như nụ cười em lúng liếng
bên người...*

*Và mùa thu
cũng dễ thương như ánh mắt
em
nhìn người...*

*Người và em
như cỏ Ba Lá và gió thu
Qua chiều
nhuộm hoàng hôn tím...*

*Và hoàng hôn,
trên lá cỏ,
trong mắt người
đã một màu xanh...*

NGUYỄN HỮU TÌNH

bé mới đứng vững ngày sau. Trong cuộc sống hôm nay nào chỉ có đầu bình yên và tĩnh lặng, có những phút nghiêng hồn để người sống người hơn.

Nhìn cội mai gầy trước ngõ nhà người rủ lá vàng chờ ngày kết nụ. “*Mai là hoa của người. Người là hoa của đất*” (Cao Quảng Văn). Đưa tay hứng lấy một chiếc lá mai vừa rời cành còn chao trong gió. Khẽ đặt cạnh mộ mẹ để người có bạn. Mai đau trong cội cành rụng lá đơm lộc xanh cho mùa sau. Người ra đi buồn thương trong nước mắt, trả lại thời gian tuổi trẻ cho cháu con. Tôi lại xa nhà sau ngày giỗ mẹ. Người cha già lặng lẽ tiễn chân con. Trên đất Quy Nhơn, 16 – trăng tròn. Nhưng sao lạ, trăng nghiêng dường âm ức? Gãi đầu cười bẽn lễn: Trung thu quên mất cả chị Hằng.

Đêm nay trên bờ cát nhìn ánh trăng dát bạc đầy mặt sóng nhấp nhô. Băn khoăn tự hỏi lòng: “*Đêm nay trăng hoa như nước. Nước như trăng sương*”, biết đâu ngày mai...?! Chợt dậy lòng nhớ cội mai già đang lặng lẽ đêm đêm...



Mùa Thu
Qua Thi Ca Và Âm Nhạc

NGUYỄN ĐỨC TỐ

Mùa thu như một bức tranh đẹp nhất trong bốn mùa, với màu xanh của đất trời, với sắc vàng của hoa cúc, của màu áo mơ phai và của cả lá vàng. Mùa thu là nguồn cảm hứng bất tận, tâm tư lãng mạn của các nhà thơ và nhạc sĩ.

Thi sĩ Tản Đà đã cảm thu với những ngậm ngùi qua từng chiếc lá. Mỗi chiếc lá vàng bay đều mang theo một ý niệm, một cuộc đời. Tản Đà đã hòa hợp chiếc lá lia cành để liên tưởng đến thân phận buồn vui, hợp rồi tan, trắng tròn lại khuyết:

Trận gió thu phong rụng lá vàng.

Lá rơi hàng xóm lá bay sang

Vàng bay mấy lá năm già nữa

Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng.

hay

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh

Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly.

Với Lưu Trọng Lư, mùa thu là tiếng thở dài nghẹn ngào, niềm đau khắc khoải, mùa thu của Lưu Trọng Lư là một bức tranh đầy thi vị:

Em không nghe mùa thu

Dưới trăng mờ thỏ thức

Em không nghe rạo rục

Hình ảnh kẻ chinh phu

Trong lòng người cô phụ

...

Con nai vàng ngơ ngác,

Đạp trên lá vàng khô.

Xuân Diệu nổi bật trong làng thơ mới, ông quan niệm “thi sĩ nghĩa là ru với gió. Mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây”. Mùa thu của Xuân Diệu là cái buồn muôn thuở, nhưng cũng là cái buồn của thời đại, cái buồn của riêng “thơ mới”. Buồn vì cái lạnh đầu đây gợi nỗi cô đơn, buồn vì sự chia lìa từ hoa cỏ, chim muông và

con người, buồn vì nỗi nhớ:

*Rặng liễu đều hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng
Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.*

Trong một ngày nhàn hạ, không gian thu là bức tranh thu tuyệt đẹp, ao thu trong vắt với chiếc thuyền câu bé nhỏ giữa làng nước phẳng như gương. Lặng lẽ phẳng phắc, tưởng như chỉ một cử động khe khẽ cũng sẽ làm vỡ tan cái không gian trong veo như thủy tinh ấy. Nguyễn Khuyến với bài thơ Thu Điếu:

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biết theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.*

Mùa thu của Hàn Mặc Tử là một bức tranh được vẽ bằng gam màu lạnh lẽo, suốt muốt. Con người trong thơ vì thế mà thâm lạnh, đem cái run rẩy của hồn mình mà hòa cảm cùng nhịp điệu của tạo vật:

*Áp úng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi
Vội vàng cánh nhạn bay đi trốn
Hiu hắt heo mây thoảng lại rồi.*

Nữ sĩ Xuân Quỳnh với thi phẩm “Thơ tình cuối mùa thu” với tâm trạng vừa xao xuyến vừa ngọt ngào:

*Cuối trời mây trắng bay
Lá vàng thưa thớt quá
Phải chăng lá về rừng
Mùa thu đi cùng lá.*

Chuyển sang âm nhạc. Ai đã từng đi qua phố vắng dưới nắng chiều thu, khi lá vàng bay bay khắp lối mới cảm thấy được cái vẻ đẹp tuyệt vời của mùa thu, mùa thu của lá vàng bay, của lá vàng rơi, những tia nắng thu diu diu mới thấy được ý nhạc tuyệt vời

của “nhạc sĩ của mùa thu” - Đoàn Chuẩn. Mùa thu với bao vẻ đẹp nên thơ của đất trời đã gieo cảm xúc khiến Đoàn Chuẩn viết nên những giai điệu làm say đắm lòng người:

Thu đi cho lá vàng bay/ lá rơi cho đám cưới về.

hay

Với bao tà áo xanh đây mùa thu

Hoa lá tàn hàng cây đứng hững hờ

Lá vàng từng cánh, rơi từng cánh

Rơi xuống âm thầm trên đất xưa.

“Buồn tàn thu” là sáng tác của nhạc sĩ Văn Cao viết vào năm 1939 với lời tựa dành cho nhạc sĩ Phạm Duy - cũng là người đầu tiên trình bày ca khúc này năm 1940. Giai điệu buồn da diết thể hiện nỗi sầu thương của người thiếu phụ mòn mỏi đợi chờ người yêu đi rồi chết cùng người yêu:

Ai lướt đi ngoài sương gió

Không dừng chân đến em bẽ bàng

Ôi vira thoáng nghe em

Mơ ngày bước chân chàng

Từ từ xa đường vắng

Đếm mùa thu chết

Nghe mùa đang rớt rơi theo lá vàng.

Mỗi nhạc sĩ đều có cảm nhận riêng, nhưng hầu hết đều là mùa thu của nội tâm. Tác giả mượn mùa thu thiên nhiên để nói lên mùa thu của lòng mình. Với Đặng Thế Phong thì “Con thuyền không bến” cho đến nay vẫn được xem là tác phẩm bất hủ của tân nhạc Việt Nam. Từng giai điệu tê tái, náo nức, đã để lại dấu ấn không thể phai nhòa trong tâm trí người yêu nhạc suốt gần 70 năm qua:

Đêm nay thu sang cùng heo may

Đêm nay sương lam mờ chân mây

Thuyền ai lơ lững trôi xuôi dòng

Như nhớ thương ai chùng tơ lòng.

Với Phạm Duy thì mùa thu có lúc đã là chết chóc, là vĩnh biệt,

có lúc toàn là nước mắt, nhạc sĩ mượn mùa thu thiên nhiên để tâm sự nỗi lòng:

Nước mắt mùa thu khóc ai trong chiều

Hàng cây trút lá nghĩa trang điêu hiu

Từng chiếc từng chiếc lệ khô vàng héo

Buồn thương từng kiếp nằm trong mộ réo tên người đời quên

Nước mắt mùa thu khóc than thiên miên.

Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn thì mùa thu đi qua để lại bao nỗi tiếc trong nhẹ nhàng, mỏng lung, hư ảo, mỗi một mùa thu đi qua như một tình nhân đi qua cuộc đời mình trầm lặng, lẻ loi, cô độc:

Nhìn những mùa thu đi

Em nghe sầu lên trong nắng

Và lá rụng ngoài song

Nghe tên mình trong quên lãng

Nghe tháng ngày chết trong thu vàng.

Tình cảm dành cho mùa thu được nhạc sĩ Ngô Thụy Miên thể hiện vừa lãng mạn, vừa kín đáo nhưng vẫn có sự nồng nàn. Mùa thu đến mang theo những cơn gió heo may dịu dàng, những con đường tràn ngập lá vàng rơi và cả khúc yêu thương của những trái tim vương màu xanh mới. Ngô Thụy Miên đã gửi gắm tâm tình qua “Mùa thu cho em”:

Em có nghe mùa thu mưa giăng lá đỏ,

Em có nghe nai vàng hát khúc yêu đương

Và em có nghe khi mùa thu tới

Mang ái ân mang tình yêu tới

Anh có nghe, nghe hồn thu nói mình yêu nhau nhé!

Không chỉ xứ phương Bắc mới có mùa thu mà ở đất Việt ta, mùa thu vẫn tạo nên những cảnh trí thật mơ màng quyến rũ. Thi sĩ, nhạc sĩ trong quá trình sáng tác, phát huy văn hóa dân tộc, đề tài mùa thu vẫn thu hút nhiều cảm hứng hơn so với những mùa

Thu Điếu

NGUYỄN KHUYẾN

*Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo
Tầng mây lơ lửng, trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

khác trong năm. Với cảnh trời thu man mác mơ mộng, sương khói lãng đãng giăng khắp núi đồi thoáng hiện trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du, Chinh Phụ Ngâm của Đoàn Thị Điểm, Bích Câu Kỳ Ngộ của Vô Danh Thị... trong bài thơ Thu Điếu của Nguyễn Khuyến, trong Tống Biệt của Tản Đà,... đều chan chứa những nỗi niềm bi thiết. Mùa thu là đề tài bất tận cho thi ca và âm nhạc, phạm vi của bài viết chỉ giới hạn như giọt nước trong bể khơi của chủ đề mùa thu, tuy nhiên cũng là dịp để chúng ta cảm nhận sâu sắc tâm tư tình cảm của thi nhân và nhạc sĩ đã mang lại cho đời, cho kho tàng nghệ thuật nước nhà, ảnh hưởng sâu đậm trong tâm tưởng người thưởng thức từ ngàn xưa cho đến ngàn sau.

Thằng Bờm

Con Số Dân Gian Và Bài Toán Cuộc Đời



Một “phi vụ” trao đổi vật thể/hàng hóa để sở hữu “cái quạt mo” vì điều được diễn ra giữa hai nhân vật Phú Ông và Thằng Bờm trong bài ca dao “Thằng Bờm” cực kỳ kịch tính và thú vị, khiến người đọc tưởng chừng như có một buổi đấu giá “ngoạn mục” vì sự ngược đời của tính chất sự việc. Bởi lẽ “hiện vật quý” cái quạt mo được đấu giá theo quá trình tiệm thoái trật tự, tức là Phú Ông đặt ra giá cao rồi giảm dần giá trị vật đổi, chứ không tăng giá trị vật đổi như bao buổi đấu giá bình thường khác. Và cao trào hơn nữa, là cuộc đấu giá này lại không biết kết quả cuối cùng, (chắc có lẽ vì không có Ban tổ chức, nên hai nhân vật tự hiểu nhau). Điều đó, tạo ra một cái kết mở, đa nghĩa với chi tiết Bờm Cười dành cho khán giả. Và nó trở thành “viên ngọc đặt trên bệ đỡ của cuộc thỏa thuận kỳ lạ”, khiến nụ cười đó luôn là ẩn số, đầy tính hấp dẫn, kích thích nhiều sự luận bàn, tranh cãi, làm cho tác phẩm dân gian này thêm nhiều màu sắc, phong phú và sống mãi với thời gian:

Thằng Bờm có cái quạt mo

Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu,

Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè,

Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim,

Phú ông xin đổi con chim đồi mồi

Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi,

Phú ông xin đổi nắm xôi... Bờm cười.

(Ca dao Việt Nam)

Khác với phần nhiều tác phẩm dân gian khác, người hiểu hay người sử dụng tác phẩm dễ dàng thống nhất về ý nghĩa của nó, thì tác phẩm “Thằng Bờm” là một trong những thiếu số hiếm hoi trong cách hiểu rất đa chiều, thậm chí lại hiểu trái ngược nhau. Điều đó, làm bài ca dao này tạo nên một hiện tượng lạ, đặc biệt

trong thi ca dân gian Việt Nam. “Hiện tượng lạ” của bài ca dao “*Thằng Bờm*” không chỉ về hình thức diễn đạt ngôn từ mà còn về nội dung thể hiện, tạo nên sự tích tụ tính đa dạng các tính chất của văn bản nghệ thuật. Đó cũng chính là nguyên có quan trọng làm nảy sinh nhiều cách hiểu khác nhau về tác phẩm này.

Cũng với tinh thần góp thêm chút ý vị cho bài ca dao “*Thằng Bờm*”, người viết xin được “khám phá” một vài điều khác biệt hơn những bậc thức giả đi trước để cùng tô điểm cho bức tranh của Bờm, bởi lẽ, *khả năng giải mã một văn bản là vô tận và mỗi cách tiếp cận, lại có nhiều góc nhìn khác nhau*. Với cách nhìn chủ quan, “lãng mạn”, tôi xin được chia sẻ ở hai góc độ về con số và thuật toán cổ từ bài thơ này.

1. Từ những con số dân gian

a). Hầu như không một lĩnh vực nào của đời sống mà không có sự hiện hữu của các con số. Từ chức năng ban đầu nhằm chỉ định lượng hay chỉ thứ tự, con số đã đi vào tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán và văn học dân gian một cách tự nhiên sống động, với nhiều tầng nghĩa phong phú, bí ẩn. Trong các thể loại này, con số đặc biệt xuất hiện với tần số cao ở ca dao, tục ngữ. Điều này không chỉ xuất phát từ đặc trưng của thể loại mà chắc chắn còn ẩn chứa những đặc điểm văn hóa – thẩm mỹ độc đáo từ cách cảm, cách nghĩ đến nói nói, lối tư duy của người Việt. Trường hợp bài ca dao “*Thằng Bờm*” cũng không ngoại lệ về sự xuất hiện những con số. Bài thơ chỉ có 10 câu thơ lục bát, có đến 5 lần trao đổi vật thể với *3 bò 9 trâu, ao sâu cá bè* (có dị bản *1/3 xâu cá mè*), *1 bè gỗ lim, con chim đôi mồi*.

Xét thấy, bài ca dao “*Thằng Bờm*” với nhiều con số, nhưng chiếm ưu thế là những con số 1, 3, 9 và 5 lần đôi, đó là những con số lẻ. Và điều này, hoàn toàn phù hợp với nét đặc trưng trong cách dùng những con số trong văn hóa dân gian của người Việt. Bởi lẽ, tư duy số lẻ là nét đặc thù của văn hóa nông nghiệp trọng tính phương Nam. Trong thành ngữ, tục ngữ Việt Nam rất thích dùng

những cách nói với các con số lẻ 3, 5, 7, 9 (1 lời nói dối, sám hối 7 ngày; 1 câu nhin, 9 câu lành; 3 hồn 7 vía, 5 lo 7 liệu, 5 thê 7 thiếp, 3 chìm 7 nổi, 3 bè 7 mối, 3 mặt 1 lời; mua danh 3 vạn, bán danh 3 đồng...). Trong ngôn ngữ hằng ngày và trong văn hóa dân gian rất phổ biến các cách nói và các biểu tượng số lẻ: 9 tầng mây, 9 suối, rấn 3 đầu 9 đuôi; voi 9 ngà, gà 9 cựa, ngựa 9 hồng mao,... Lại nữa, nếu ở miền Bắc chúng ta có chùa 1 cột (chùa Diên Hựu) – một kiến trúc độc đáo và được chọn làm biểu tượng văn hóa Việt, hay danh thắng Tam (3) cốc bích động đầy tính thơ mộng, đến miền Trung có Ngũ (5) hành sơn hùng vĩ và miền Nam lại có thất (7) sơn huyền bí (An Giang) và sông Cửu Long (9 Rồng) ngọt ngào phù sa. Tất cả dường như là một sự ngẫu nhiên có chủ ý, bởi lẽ thực tế, đó là những con số vừa mang tính hiện thực vừa ước lệ, tượng trưng, thiên về tư duy số lẻ của người Việt. Điều này, nếu so sánh với Trung Hoa, ta có kết quả khác hơn: Họ thích dùng những cách nói khái quát với những con số chẵn 4, 6, 8 phổ biến hơn số lẻ: tứ đại, tứ mã, tứ đức, tứ quý, tứ trụ...; lục thu, lục nghệ, lục xạ,...; bát tiên, bát âm, bát vị, bát trân,...; thập toàn thập mỹ, thập đại mỹ nhân,...

Để lý giải hiện tượng này, GS. Trần Ngọc Thêm rất có lý khi cho rằng: Ở Phương Nam, thiên nhiên nóng (dương), sinh ra nền văn hóa nông nghiệp trọng tĩnh (âm). Nền văn hóa nông nghiệp âm tính này, đến lượt mình lại sinh ra phong cách ứng xử linh hoạt cùng lối tư duy tổng hợp và trọng quan hệ (dương), tạo nên những mô hình vũ trụ bí ẩn với số lượng thành tố lẻ (dương): 2 sinh 3 (tam tài), 3 sinh 5 (ngũ hành). Không phải ngẫu nhiên mà Lão Tử - nhà triết học người nước Sở, vùng của cộng đồng Bách Việt phương Nam – lại quan niệm: Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, tam sinh vạn vật. [1: 118 – 119]. Và do đó, từ mô hình tam tài, tiến tới ngũ hành là một loại tư duy ở phương Nam. Nếu quả thật là vậy, thì bài ca dao Thăng Bờm này, một lần nữa đã tiếp thêm bằng chứng cho triết thuyết đó. Bởi lý do sau:

Như đã phân tích, những con số trên là số lẻ, mang ý nghĩa biểu tượng, cho nên có thể giúp chúng ta “loại trừ” cách hiểu theo kiểu tiệt thoái theo trật tự từ cao xuống thấp như nhiều người phân tích (điều này cũng hợp lý vì xét về giá trị vật chất *ao sâu/ ba râu cá mè* chưa chắc đã bằng *một bè gỗ lim*). Xuất phát từ 5 lần đối, khiến người viết đặt ra giả định rằng có liên quan đến ngũ hành chăng? Suy nghĩ đó đang miên man, lãng mạn thì bất ngờ được củng cố bởi tính hợp lý, khoa học do sự sắp xếp thứ tự, vị trí của các vật đối trong bài thơ, hoàn toàn trùng khớp với triết thuyết ngũ hành tương sinh của hà đồ. Điều này, không biết tác giả dân gian vô tình hay hữu ý, nhưng dấu sau nó vẫn là một phát hiện thú vị. Theo đó, ta thấy thứ tự sau:

- Ba bò chín râu = thuộc hành KIM (vì động vật thuộc về vật nuôi, thuộc văn hóa gốc du mục, phương Tây, hành Kim)
- Ao sâu cá mè = thuộc hành THỦY (vì nước, cá)
- Bè gỗ lim = thuộc hành MỘC (vì là gỗ)
- Chim đôi mồi = thuộc hành HỎA (vì loài chim tượng trưng phương Nam, hành Hỏa)
- Năm xôi = thuộc hành THỔ (vì trong các dị bản khác của bài thơ từ năm xôi có dị bản gọi là hòn xôi hoặc cục xôi. Ở các từ: năm, hòn, cục thường thích hợp để ghép với từ năm/cục/hòn đất thuộc Thổ).

Vô tình ta sẽ thấy một bức tranh rất hợp lý cho vòng quay của ngũ hành tương sinh: Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ và Thổ sinh Kim.

Hơn nữa, trong Ngũ hành, hành Thổ là số 5, là hành trung tâm, hành quan trọng nhất, chi phối các hành còn lại, lại tương ứng vật đối thứ 5 là năm xôi, là vật đối mang tính quyết định trong bài ca dao. Điều đó cũng dễ hiểu bởi năm xôi – hành Thổ có giá trị quan trọng nhất trong các vật đối còn lại. Từ đây sẽ phát lộ ra một đường dẫn thú vị về văn hóa nhận thức của người Việt cổ.

Trong triết lý nhận thức của người Việt cổ xưa, nổi bật lên

kiểu tư duy đặc thù, tư duy lưỡng phân, lưỡng hợp – một kiểu thức hài hòa âm dương. Kiểu như, vật tổ của người Việt là cặp đôi trù tượng *Tiên – Rồng*; mọi thứ thường đi theo nguyên tắc cặp đôi: *Ông Đồng - bà Cốt, đồng Cô - đồng Cậu, Công Cha như núi Thái Sơn, Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra* (cặp Mẹ - Cha, núi – nước), *Phật Ông - Phật Bà, Bụt Đực – Bụt Cái*... Do đó, việc thiết lập một cặp đấng đối trong bài ca dao này là hoàn toàn theo tư duy đó: Nấm xôi và Quạt Mo. Hai vật đối có giá trị cân đối, ngang nhau, không chỉ về khía cạnh vật thể mà cao hơn đó là một kiểu biểu trưng văn hóa.

Xét riêng nấm xôi, một biểu tượng dân dã, nhưng giúp ta gợi nhớ đến truyền thuyết “Bánh chưng bánh giầy” của dân tộc, một thông điệp đầu năm trong dịp tế lễ trời đất, bánh chưng bánh giầy đã vượt ra khỏi giá trị vật chất thông thường để trở thành một phẩm vật được thiêng liêng hóa trong việc tế lễ, ghi nhớ cội nguồn, hiểu được quy luật của muôn vật trong triết lý “vuông tròn” – âm dương của dân tộc. Câu chuyện nói lên sự quý trọng của người Việt đối với hạt gạo, với nền văn minh thực vật: “*Ta sẽ dùng nếp trắng thom để làm hai thứ bánh, một cái tròn như hình bầu trời cao xa, một thứ vuông giống như hình đất màu mỡ*”. Thái tử Liêu, không phải là con Trương, cũng không phải là con cung. Tại sao vua Cha lại chọn Thái tử Liêu lên kế vị vương nghiệp? Quyết định quan trọng đó, chỉ vì thái tử Liêu đã biết làm bánh chưng bánh dày từ chất liệu của dân gian, không cần sơn hào hải vị, nem công chả phượng, chứng tỏ thái tử đã nắm vững và vận dụng tinh hoa văn hóa dân tộc vào cuộc sống. Điều đó bảo đảm Thái tử có tài an dân trị quốc theo đúng truyền thống và đủ sáng tạo để đưa đất nước đi lên với phương tiện sẵn có. Không phải ngẫu nhiên trong 4 vật đối của Phú Ông (trừ nấm xôi) lại đến ba vật đối thiên về động vật (ba bò, chín trâu, cá mè, con chim), riêng chỉ nấm xôi xuất hiện với biểu tượng cho nền văn hóa nông nghiệp. Việc chọn nấm xôi này rất phù hợp với motif chọn lựa

của Vua Cha trong truyền thuyết Bánh chưng bánh giầy. Điều này, tương tự trong truyện Thánh Gióng, để lớn nhanh như thổi, cậu bé Gióng chỉ cần ăn “*bảy nong cơm ba nong cà/ Nước uống một mạch, cạn đà khúc sông*” (lại tư duy số lẻ, tượng trưng), không cần đến thịt thà, cao lương mỹ vị, đó chính là dấu ấn của văn hóa nông nghiệp trong ẩm thực của người Việt. Như vậy, không nghi ngờ gì nữa, nắm xôi là một biểu tượng thiêng liêng trong văn hóa ẩm thực của dân tộc. Không phải ngẫu nhiên nhà văn Đỗ Minh Tuấn xem nắm xôi là vật thiêng trong việc tế lễ, từ đó nâng cấp thân phận của Bờm lên đến cực đỉnh của tinh thần.

Đôi với vật được đôi là cái quạt mo. Đương nhiên, cái quạt này về mặt biểu trưng văn hóa cũng không thua kém với nắm xôi của Phú Ông, xét như vậy mới trở thành cặp đôi ngang giá được. Cây quạt nói chung trong văn hóa người Việt, nó thể hiện phương cách ứng phó với môi trường tự nhiên nắng nóng ở đây, nên nó không thiên về giá trị trang sức như những nền văn hóa khác, mà nó mang một giá trị thực tiễn rất rõ là làm cho mát, tạo ra gió, nhằm mang lại cảm giác sảng khoái, phục vụ cho tinh thần. Vấn đề là tại sao không phải là cái quạt làm bằng chất liệu khác, cao cấp hơn mà phải là quạt mo? Đơn giản là, quạt mo được làm từ chất liệu dân gian là cái mo cau (tương tự bánh chưng bánh dày, nắm xôi được làm từ chất liệu dân gian), một loại thực vật không thể không làm ta liên tưởng đến giá trị trầu cau trong văn hóa truyền thống dân tộc. Trầu cau ở đây đã trở thành một ngôn ngữ văn hóa, không cần phải diễn tả thì người Việt đã hiểu ý nghĩa biểu trưng của hình tượng này. Người Việt đã nâng cấp một món ăn phổ biến, quen thuộc của cộng đồng lên thành một phong tục, một môn học, một biểu tượng của hôn nhân, của lòng chung thủy: “*Miếng trầu ăn ngọt như đường/ Đã ăn lấy của phải thương lấy người*”. Từ đó, những vật dụng gắn với phong tục này đều được đề cao và có khi có nơi được thiêng hóa như: Bình đựng vôi, cái ống nhổ, trầu, cau, vôi, thậm chí cái dao bõ cau cũng được hình

tượng hóa: “*Cổ tay em trắng như ngà/ Con mắt em liếc như là dao cau*”, “*Trầu xanh, cau trắng, chay hồng/ Vôi pha với nghia, thuốc nông với duyên*”, “*Yêu nhau cau sáu bổ ba, ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười*”,... Do vậy, quạt mo làm từ mo cau của cây cau không loại trừ khả năng thiêng liêng hóa phẩm vật này. Có thể nói, con người, gia đình, gia tộc và xã hội là bốn hướng của một khung trời Việt Nam cuộn tròn trong miếng trầu nhỏ bé mà mặn nồng, tươi thắm cùng với những vật dụng xung quanh nó: “*Lấy anh, anh sắm sửa cho/ Cái bị, cái bát, cái quạt mo đuổi ruồi*”. “*Nói thì trao núi trao sông/ Mà mảnh mo quạt phủ ông có giành*”,...

Xét như thế, ta sẽ thấy, cả bài thơ là một sự hài hòa, êm ái, không cãi vả, không hơn thua, luôn giữ trạng thái cân bằng. Hài hòa từ hình tượng nhân vật rất đối xứng, âm - dương: Phú Ông – Thằng Bòm: một già – một trẻ, một giàu (Phú = giàu) – một nghèo (Bòm = Bần = nghèo), một xin đổi – một thừa rằng. Và đỉnh điểm vật đổi ngang nhau: một vật chất (nấm xôi = ăn) và một tinh thần (quạt mo = quạt mát, mang lại sáng khoái = tinh thần), một giàu sang – một nhàn nhã. Đó là kiểu: *trong âm ngoài êm* (ăn nấm xôi vào bên trong âm - quạt mát từ bên ngoài tạo nên êm). Đó cũng không ngoài quy luật: “*trong âm có dương, trong dương có âm*” và quy luật chuyển hóa tạo nên vũ trụ hài hòa mà người Việt đã từng nắm vững với triết lý *không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời*, bởi khi “âm đến cùng cực sẽ chuyển dương và dương đến cùng cực sẽ chuyển âm”: “*Nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rong, nhất nông nhì sĩ*”, “*Con vua thì lại làm vua, Con sãi ở chùa thì quét lá đa, Bao giờ dân nổi can qua, Con vua thất thế lại ra quét chùa*”.

b). Với triết lý sống quân bình âm dương đó, khiến cho người Việt trong cuộc sống luôn cố gắng không mất lòng ai “*Ở sao cho vừa lòng người/ Ở rộng người cười, ở hẹp người chê*”. Trong kiến trúc, người Việt kết hợp đường nét hài hòa giữa vuông – tròn để

tạo nên mái cong hình thuyền độc đáo trong ngôi nhà Việt truyền thống. Trong việc ăn uống cố gắng giữ cơ thể được âm dương quân bình, trong phong thái ăn chọn kiểu “*ăn hết bị đòn, ăn còn mất vợ*”. Tương tự, trong cách mặc thì chọn phương án lưỡng đôi “*nửa kín nửa hở*” (từ chiếc yếm, đến áo tứ thân và áo dài tân thời ngày nay). Và đặc biệt, trong ứng xử giao tiếp ưa sự tế nhị ý tứ, tạo nên thói quen dẫn đo căn nhắc kỹ càng trước khi nói. Chính sự dẫn đo căn nhắc này khiến cho người Việt có khuyết điểm là thiếu tính quyết đoán. Để tránh phải quyết đoán, và đồng thời để tránh mất lòng ai, để giữ được hòa thuận cần thiết, người Việt hay cười. Nụ cười là một phần quan trọng trong thói quen giao tiếp của người Việt. Trong tác phẩm “*Người Việt cao quý*”, tác giả Pazzi A đã có nhận định rất tinh tế: “*Suy từ nụ cười, chúng ta thấy người Việt Nam có sự quân bình đặc biệt suốt trong mọi ngành sinh hoạt, khiến họ chấp nhận hợp lý được mọi quan niệm, dung hòa được mọi ý kiến dị đồng. Đời sống của dân tộc họ dù có chiến thắng cũng không có những hân hoan tột độ, và dù có chiến bại vẫn không có những bi đát tột cùng*” [trích lại từ 1: 283]. Nụ cười của Bờm ở góc nhìn văn hóa, có thể nói đó là cách ứng xử giao tiếp tế nhị, lịch sự. Bờm dùng nụ cười duyên dáng của mình trong lúc phân vân có nên từ chối hay chấp nhận, một nụ cười giao tiếp theo đúng phong cách Việt, theo kiểu: “*Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho kẻ dại nửa mừng nửa lo*”.

2. Đến bài toán cuộc đời

Tuy vậy, ở góc nhìn toàn diện, nụ cười đó dường như không chỉ cho riêng Bờm mà còn cho cả Phú Ông, vì nếu như Phú Ông đòi được vật mình cần thì Phú Ông cũng mừng vui không thua gì Bờm. Nói theo cách của GS. Lương Kim Định, câu chuyện Thăng Bờm và Phú Ông có ba tính chất: *Phú Ông không cưỡng hành, Thăng Bờm không lợi hành, mà cả hai Phú Ông và Thăng Bờm đều an hành* [2]. Đến đây, người viết xem nụ cười của Bờm mang tính đại diện cho một giá trị chung khi mà cả hai đã được thỏa

mãn hoặc bổ sung giá trị đầy đủ cho nhau. Hay nói cách khác, nụ cười của Bờm là kết quả/ đáp án đúng nhất của bài toán hạnh phúc, viên mãn. Do vậy, bài thơ Thăng Bờm này dường như một bài toán cổ, có một con số ẩn mình để giúp chúng ta có nhiều dãy lựa chọn. Bài toán cổ trắc nghiệm về hạnh phúc như sau: *Các bạn hãy chọn câu trả lời đúng nhất trong công thức/ bài toán sau:*

..... ? + Quạt mo = Nụ cười

- a. Ba bò chín trâu
- b. Ao sâu cá mè
- c. Một bè gỗ lim
- d. Con chim đôi mồi
- e. Năm xôi

Đáp án chính xác là: e. Năm xôi (giá trị vật chất) + Quạt mo (Giá trị tinh thần) = Nụ cười (hạnh phúc).

Ẩn số năm xôi là một thước đo cho chỉ số hạnh phúc hoàn toàn phù hợp. Bởi lẽ, các đáp án còn lại đều có thể đúng vì nó đều là vật chất, nhưng nó “không trúng” chính xác vì đơn giản “*hạnh phúc chính là những hành vi đạo đức*” (Ngạn ngữ Lào). Mà đạo đức hiểu theo nghĩa đơn giản nhất chính là sự trao đổi giữa các bên một cách công bằng, không làm thiệt ai, vừa có lợi cho người, vừa có lợi cho mình, vì vậy chỉ có năm xôi và quạt mo là tương xứng, phù hợp với bài toán hạnh phúc đó và nó tạo nên sự hài hòa cân bằng trong cuộc sống.

Như vậy, nếu nhìn một cách tổng thể, dường như các tác giả dân gian đã gửi gắm một thông điệp cao quý rằng: Hạnh phúc thật sự khi ta có đủ hai thành phần giá trị: vật chất và tinh thần, như lời Đức Phật nói: “*Tài sản lớn nhất của con người là sức khỏe và trí tuệ*”. Và tất nhiên hạnh phúc đích thực cần phải cân bằng giữa vật chất và tinh thần trong tinh thần của tri túc, “*tri túc thường lạc*” là vậy! Mở rộng hơn, vấn đề cơ bản của một xã hội khi muốn phục vụ cho con người thì trước hết là kinh tế - vật chất, và thứ đến là những tiện nghi thiết thực, đáp ứng nhu cầu về văn hóa phục vụ

cho đời sống tinh thần. Đó cũng là ước vọng, là nhu cầu chính đáng của mỗi dân tộc.

Tất nhiên, sẽ có người phản biện rằng, ca dao dân gian mà, các tác giả không nghĩ “cao siêu” đến vậy đâu, cùng lắm là gửi gắm thông điệp “*tham thì thâm*”, “*thật thà với chính mình*”... Nhưng người viết hình tượng rằng: Nếu văn hóa được ví như là một tòa lâu đài khổng lồ thì mỗi người nhận định về nó, nghĩ về nó, cảm nhận về nó chính là những ô cửa sổ của tòa lâu đài đó, với đa góc nhìn về hướng tòa nhà. Với ý nghĩa đó, người viết xin phép được làm một ô cửa sổ nhỏ, nhỏ nhất trong căn phòng khiêm tốn nhất ở tòa lâu này với nhiệm vụ/ chức năng chính của nó là mang lại tia sáng nhỏ nhoi như nắm xôi của Phú Ông và làm một cơn gió thoảng qua, mát dịu như cái quạt mo của Bờm trong một căn phòng nhỏ của tòa nhà. Tác giả cũng hiểu rằng, cũng có khi ô cửa sổ nhỏ này mang lại sự phiền phức, rắc rối cho căn phòng vì bất cẩn quên đóng cửa sổ trong một ngày gió bão, hoặc bị một cơn lốc thổi bay những vật quý trong căn phòng của chủ nhân. Nhưng dù cách nào đi nữa, cũng hy vọng mang lại một luồng gió lạ, góp phần thêm hương, thêm sắc cho bức tranh dân gian đồng quê “Thằng Bờm” thêm phần sinh động, để nụ cười của Bờm luôn được tin yêu và chất chứa mãi trong lòng chúng ta ở mỗi thời đại./.

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Ngọc Thêm, 1997, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp TP.HCM.
2. Đông Lan, 2014, *Triết Việt tâm an trong bài đồng dao Thằng Bờm có cái quạt mo*, www.dunglac.net.
3. Đỗ Minh Tuấn, 2011, *Một cách hiểu bài ca dao thằng Bờm*, báo Văn Nghệ Trẻ.
4. Nguyễn Hùng Vĩ, 2003, *Thằng Bờm có cái quạt mo... và cái mè*, Tạp chí Văn hóa Dân gian, số 85.

Một Chút Thiên Trong Tôi

*Tôi đã quên những cuộc hẹn hò
Quên những chuyến đi chơi dài trăm cây số
Đã quên đi những đêm trên đường phố
Trong chiếc xe chỉ có hai người.*

*Tôi sẽ quên đi lời nói...
Những ân cần
Đã vỡ về khi tôi buồn tôi khóc
Tôi sẽ quên đi những điều rất thật
Của một người - nhưng không phải là người
của tôi.
Trong đêm tối tôi ngồi và cố quên
Sao tư tưởng mông lung
Tâm hồn không tỉnh được
Giận mình quá dù trăm ngàn lần niệm
Nên đành nhớ - lời người dạy tôi thiên.*

Đốt Vàng Mã - Một Cái Nhìn Khác

Lâu nay, đọc trên báo, thấy trên mạng có rất nhiều ý kiến bài xích việc đốt hàng mã. Ấy vậy mà nghề làm vàng mã không chết, thị trường vàng mã vẫn phát triển. Vì sao?

1.

Không biết có bao nhiêu hộ ở TP. Hồ Chí Minh sống bằng nghề làm vàng mã, nhưng nếu đi khu chợ Thiếc (Quận 11) thì thấy không biết cơ man nào sản phẩm tiêu dùng dành cho người chết. Nếu ngày xưa hay ở thôn quê chỉ có cái nhà kho bằng giấy, kiểu nhà cấp 4 do các ông thầy tụng sản xuất thủ công thì ngày nay tại các chợ, nào là nhà lầu, xe hơi, xe gắn máy đủ hiệu Honda, Future... điện thoại thì đủ cả từ Iphone đến Samsung đời mới. Nhà lầu thì phải có giấy chủ quyền để gửi xuống âm ty tránh việc tranh chấp.

2.

Nhớ những năm đầu thống nhất đất nước, việc bài trừ mê tín dị đoan rất mạnh, việc làm nhà giấy bị cấm tuyệt đối, tuy nhiên việc cúng kiến trong gia đình của người dân thì chính quyền không can thiệp. Ông nội tôi mất, đám cúng giáp năm có đốt “nhà kho”, mặt hàng này không có bán ở chợ quê. Để có đủ “thủ tục” cùng nghi thức, gia đình tôi phải nhờ ông thầy cúng “xây dùm một căn nhà”, ông nhận lời nhưng người nhà tự đi lấy chứ ông không dám giao tận nhà. Tôi là người nhỏ tuổi nhất trong gia đình nhận được trọng trách đưa “báu vật” đó về nhà. Trên đường về tôi không dám nhìn mặt ai đi đường vì tự cảm thấy quê quê sao ấy, thời buổi này mà còn mua nhà giấy để đốt! Về nhà, tôi cầu nhàu với ba tôi, tại sao mình còn “mê tín dị đoan” đến như vậy? Ba tôi nói, ba không biết gửi cái nhà này xuống âm phủ ông nội có nhận được hay không, vì từ trước tới nay chưa thấy ai xuống âm phủ về nói lại. Thôi thì mình đốt gửi

xuống cho chắc ăn, tồn có vài chục đồng, ông nội không nhận được cũng không sao, bằng ngược lại thì mình ân hận. Tôi nghe có lý nên chỉ biết im lặng.

3.

Đi ra Bắc thăm làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) nơi sản xuất tranh dân gian nổi tiếng ngày xưa, nay đã chuyển sang làm vàng mã vì nhu cầu treo tranh trong nhà không bằng nhu cầu đốt vàng mã! Từ đầu đường đến cuối đường nào là ngựa giấy, hình nhân mỹ nữ, võng lộng - ngựa xe, giày dép, áo quần đủ cả. Vật nào cũng xanh đỏ vàng sáng chói. Trần gian sao thì cõi âm như vậy. Các nghệ nhân đua nhau làm sản phẩm đẹp cung ứng cho thị trường. Nghe nói có nhà sản xuất hàng xuất khẩu sang Đài Loan, thu hút nhiều ngoại tệ.

Bỏ qua việc in giấy tiền vàng bạc, đốt thì phí thiết, nhưng nhìn những con ngựa giấy màu sắc sỡ, nhìn các nhà lầu được chế tác công phu mà người thường làm cả tuần cũng không xong thì mới thấy người thợ ở làng Đông Hồ xứng danh nghệ nhân. Những tác phẩm này nếu rằm tháng 7, dịp xá tội vong nhân, nhà nhà đều trưng bày thì cũng là bức tranh tổng thể nghệ thuật.

4.

Đi thả diều trên các cánh đồng, xem thả hoa đăng trên sông Hương cũng tốn kém, có lợi gì cho con người? Chẳng qua thỏa ý muốn vui chơi, đã mất. Vậy hãy thử nhìn việc mua sắm hàng mã để cúng kiến ở góc độ mỹ thuật và kinh tế. Không khuyến khích đốt tiền giấy, nhưng cũng đừng đả phá việc tiêu dùng các tác phẩm vàng mã nghệ thuật. Giả thiết có một làng hay một khu vực ở Việt Nam mà nhà nào cũng đốt nhà lầu, xe hơi, các vật dụng khác trong dịp rằm tháng 7 thì quả thật tốn kém, không nên khuyến khích loại hình cúng kiến như thế này. Tuy nhiên, nếu nhìn ở góc độ “văn hóa hoài cổ” thì nơi đó có thể là điểm khai thác du lịch cho những ai muốn tìm hiểu một loại hình văn hóa tâm linh, tuy bị liệt vào hàng “mê tín dị đoan” nhưng vẫn có nét độc đáo về một cử chỉ báo hiếu của người xưa.

Hái Hoa

*Trong vườn hoa muôn sắc
Ngào ngạt tỏa hương thơm
Cô ơi, hái hoa nhé
Một buổi sáng mờ sương*

*Cô hái đóa hoa hồng
Tặng bạn yêu trăm năm
Duyên tôi chừ đã lỡ
Hái tặng hoa nên chăng?*

*Cô hái hoa hồng trắng
Tặng người tri kỷ xưa
Bạn tương thân còn đó
Nhưng ở xa... rất xa!*

*Cô hái hoa hồng đỏ
Tặng mẹ hiền dấu yêu
Mẹ tôi không còn nữa
Như khói bay qua chiều!*

*Tôi xin người, người ơi
Lòng tôi đầy nỗi đau
Cớ sao người cứ hỏi
Làm tim tôi nát nhàu!*

*Tôi sầu như liễu rủ
Hái dùm tôi hoa khô
Tôi ép vào nỗi nhớ
Tặng tim tôi đại khờ...*



THƯ PHÁP HUỲNH ĐỨC TÚ

Bến Sông Xưa

*Lục bình tím - em gom đầy trong nón
Cả quê hương - trĩu nặng chiếc xuồng con
Bến sông xưa - tro tím mà nã lòng
Hiu hắt đợi - mái tranh chiều trông ngóng.*

*Dư âm ai nhủ lòng ngăn lối mộng
Bờ đời anh là lữ khách không nhà
Lỡ phiêu lãng với xứ lạ đường xa
Để khung cửa tủi phận đời trắc trở.*

*Ai có thấu hoa tím màu nhung nhớ
Tìm thời gian tím mộng ước đợi chờ
Nỗi lòng em cuộn tím dòng sông xưa
Tro nổi tím mượn vãn thơ dỗ mộng.*



PHẠM VĂN SAU

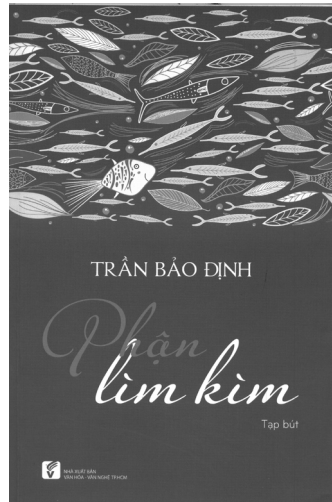
1/ **Trường ca:** Muộn giữa thu vàng:
(*Mơ chuốt đời thơm – Ngậm ngải tìm trầm* - *Xay mòn đá cuội – Nửa đêm thức giấc* - *Nghe đời vội mắt – Phế hoang đời người*).

2/ **Truyện dài:** Trên đời không ai ngu như mi (Khung cửa học trò 1). Cả hai ra mắt vào tháng 7- 2017 (Nhà xuất bản Hội Nhà văn).

TRẦN BẢO ĐỊNH

Vừa trình làng tập bút Phận Lìm Kim (NXB Văn hóa - Văn nghệ), gồm 28 tác phẩm mang đậm màu sắc nông thôn Nam bộ, như: *Cá chốt bến sông trắng, Cá thòi lòi cửa sông Cần Giuộc, Bãi châu con cá quê tôi, Miếu Trâu, Bánh trôi nước cúng ma da vịnh Đá Hàn...* Đây là tác phẩm văn xuôi thứ ba sau hai tập truyện Kiếp Ba Khía (2014) và Đời Bọ Hung (2016), cũng là những tác phẩm diu dặt hơi thở miền đồng bằng sông Cửu Long.

Ngoài ra, ông cũng là tác giả của 06 tập thơ: *Làng tôi, Mẹ - Tiếng lòng, Thầy tôi, Vợ tôi, Ngao du sơn thủy, Sáu tám*. Trần Bảo Định sinh năm 1944 tại thành phố Tân An, tỉnh Long An; cựu sinh viên Đại học Văn Khoa, Viện Đại học Đà Lạt. Tác giả cũng có nhiều truyện ngắn mang hơi thở Phật giáo đã đăng trên tập văn Hương Thiên từ nhiều năm nay.

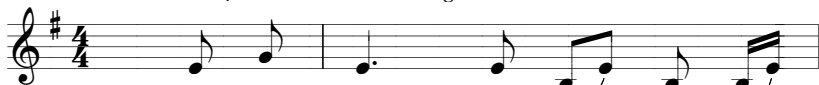


Ân Tình Quê Mẹ

◇ Thơ: **Huyền Lan**

Phổ nhạc: **Giác An**

SLOW - Chậm, buồn, mênh mang



Con lớn lên trong biển lòng của



mẹ, tóc mượt mà hạt gạo trắng nuôi con. Lời ca



dao mẹ ru con nhẹ nhẹ, giấc ngủ dài môi mộng đỏ như



son. Quê hương ấy một đời con đã sống, bằng ân



tình chia sẻ những buồn vui. Mẹ còng lưng giữa trưa hè đứng



bóng, vầng trán nhăn rơi từng hạt mồ hôi. Chờ xa



rồi quê mẹ sống tha phương, con nhớ lắm! Tiếng chuông chùa cuối



hạ, nhẹ ngân nga qua đồng lúa mù sương và bên



sông giong hò ai đa tạ. Chim mỗi cánh chim sẽ bay về



tổ, mẹ chờ con năm tháng nỗi hoài mong. Đời phiêu



bạt con lắm nhiều đau khổ, thương mẹ già run rẩy giữa trời



đông! Chiều Vu Lan lành lạnh gió hơi thu, lòng tái



tê trong nỗi buồn nhớ mẹ! Bước con về mưa sục sùi âm



u, môi thấm mặn mắt cay dòng lệ rơi!

Đêm Không Ngủ

Nhạc: *Trần Đức Tâm*

Thơ: *Trần Hậu*

Vừa phải



Đêm không ngủ bập bùng nghe sóng vỗ. Gió ngàn



khơi về rủ lá dương bay. Khe khe bước bóng trắng quỳ trước



ngõ. Vài cánh dơi chao động mái hiên ngoài. Đêm không



ngủ thơ buồn rơi trên gối. Nhật từng lời mà ghép chẳng nên



câu. Em có thức mộng tràn trên tóc rối. Đếm giùm



ta nỗi nhớ thuở ban đầu. Đêm không ngủ nghe sông về với



biển. Nước âm vang trăm nỗi nhớ xa nguồn. Bao đau



xót chớ dầy trong thân lượn. Chợt vỡ òa thành sóng trắng đại



dương. Đêm không ngủ nghe tiếng gà gáy rạng. Ngày lên



đi xác lập những niềm tin. Ôi! Niềm tin! Ai chẳng cần để



sống, để vượt qua nỗi bất hạnh của chính mình.

Về Tu Viện Phước Hoa

◇ Thơ: Ninh Giang Thu Cúc

Nhạc: Viễn Sum Nguyên Mãn

Surf / Rumba



Tu viện Phước Hoa, tu viện Phước Hoa một sớm



mai, hành nhân đừng gót, hành nhân đừng gót vọng liên



đài. Cảnh thanh người tịnh, cảnh thanh người tịnh lòng thanh



thần, chủ viện Huyền Lan, chủ viện Huyền Lan Thích Chánh



Tài. Bàn tay lèo lái con thuyền
... hiền dãi sĩ tâm hoan



đạo, đưa khách trăm luân vượt bến mê. Đạm
hỉ, trẻ quý già yêu trọng nghĩa nhân. Huyền



bạc nâu sông nương cõi tạm, sống đời tăng lữ diệt tham
diệu thay cảnh Lan chớm nở, vì...



si. Trọng... .. đời vì đạo mãi tương thân. Sơ tổ khai



sơn, sơ tổ khai sơn tịch diệt rồi. Truyền y truyền



bát, truyền y truyền bát nguyện tô bồi. Huyền Lan Chánh



Tài, Huyền Lan Chánh Tài ngọn đức tuệ ngồi ngồi soi



sáng, ngồi ngồi soi sáng, sáng Tam Bảo.

Ngày Rằm Tháng Tám

◇ Tâm Vương

Nhí nhảnh

Ngày rằm tháng tám Ngày tết thiếu nhi có
cả chị Hằng xuống chơi với em... Chị Hằng vui
tươi _ Chị Hằng mỉm cười cùng xuống với em vui
múa quay quần. Đô đô đô đô đô đô mi
mi mi mi mi mi mi la la... Nên đêm trung
thu trăng sáng khắp làng nên đêm trung thu có
ánh trăng vàng nên đêm trung thu có ánh trăng
(Hát nhiều lần và nhỏ dần...)
tròn. Đô đô đô đô đô đô mi mi... Đô...



Cô Nguyễn Dzoãn Cẩm Vân xuất thân từ giáo viên dạy Văn của trường Trung học phổ thông Nguyễn Thượng Hiền (TP. Hồ Chí Minh), sau đó cô chuyển sang dạy nấu ăn tại Trung tâm Dạy nghề quận Tân Bình. Năm 1993, Đài Truyền hình TP. Hồ Chí Minh mời cô tham gia hướng dẫn nấu ăn trong một thời gian dài trên mục “Ẩm Thực” của chương

trình “Khéo Tay Hay Làm”.

- Từng là giáo viên thỉnh giảng môn “Ẩm thực Việt Nam” tại Bắc Kinh và Học viện nấu ăn The Culinary Institute of America tại California (Hoa Kỳ) và tham gia nhiều chương trình quảng bá món ăn Việt tại cộng đồng Asian và nhiều nước trên thế giới.

- Giám đốc nhà hàng Dzoãn (11B Lê Quý Đôn, quận 3) và là tác giả của hơn 40 đầu sách dạy nấu ăn.

- Hiện nay, cô có xu hướng thiên về ẩm thực chay, với việc tham gia chương trình “VEGETARIAN FOOD - MÓN CHAY” do Trung tâm Diệu Pháp Âm (chùa Khuông Việt, Quận Tân Bình) tổ chức thực hiện. Chương trình này đã có mặt trên YOU TUBE và phát hành được 24 đĩa DVD, hướng dẫn hàng trăm món ăn chay cho khán giả.

MÌ XÀO GIÒN CHAY

THỜI GIAN THỰC HIỆN: 30 phút.

NGUYÊN LIỆU: (dành cho thực đơn 04 người)

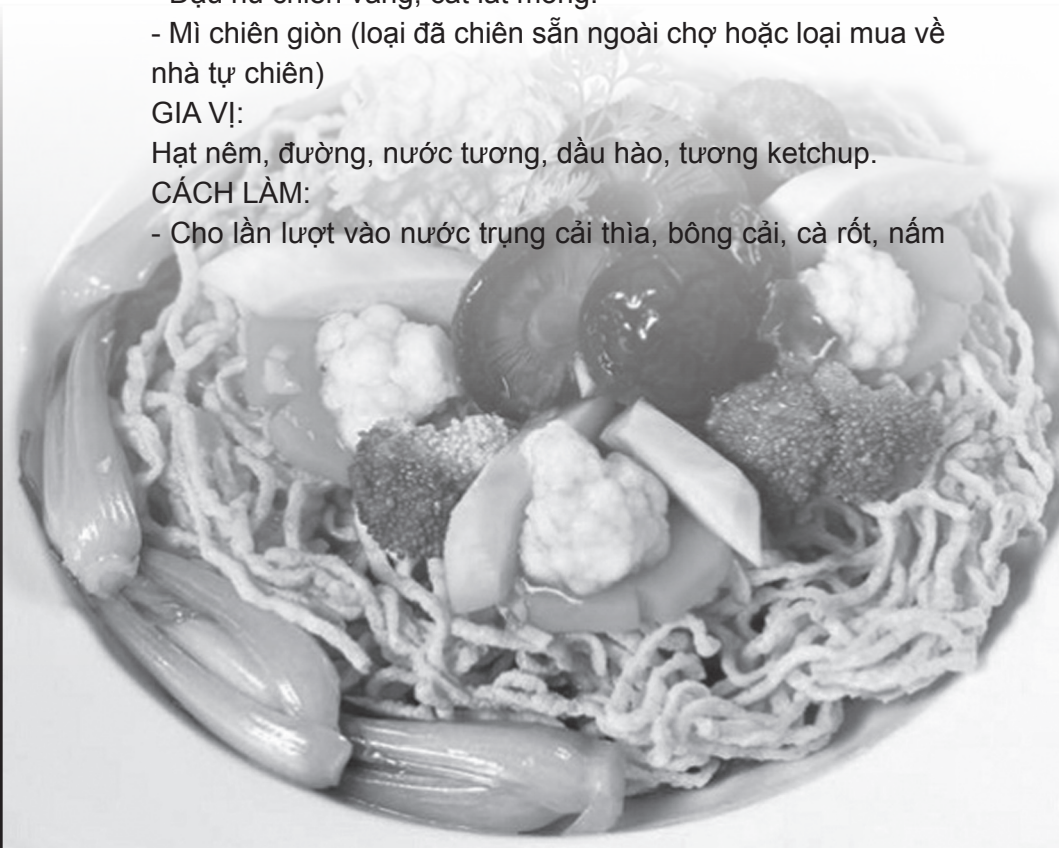
- 200 gam bông cải xanh trắng
- 02 cây cải thìa
- 01 miếng cà rốt
- Nửa củ hành tây
- 50 gam nấm bào ngư
- 05 tay nấm đông cô
- 50 gam đậu Hòa Lan trái
- Boia rô cắt mỏng
- Đậu hũ chiên vàng, cắt lát mỏng.
- Mì chiên giòn (loại đã chiên sẵn ngoài chợ hoặc loại mua về nhà tự chiên)

GIA VỊ:

Hạt nêm, đường, nước tương, dầu hào, tương ketchup.

CÁCH LÀM:

- Cho lần lượt vào nước trộn cải thìa, bông cải, cà rốt, nấm



đồng cô. Nước trưng cần nêm ít muối, đường (hoặc nước tro tàu) để tăng vị cho rau quả và giữ nguyên màu sắc tự nhiên của nguyên liệu.

- Cho ít dầu ăn để tăng béo và tạo độ bóng cho nguyên liệu.
- Cho đậu Hòa Lan vào trưng sau cùng.

CHÚ Ý:

- Không trưng rau củ quả quá chín, vì còn công đoạn xào.
- Không trưng nắm bào ngư.

CHUẨN BỊ GIA VỊ:

Hạt nêm, đường, nước tương, dầu hào, tương ketchup được trộn lẫn trong chén.

XÀO:

- Cho boa-rô cắt khoanh vào chảo dầu. Khi dầu sôi cho nắm bào ngư vào trước.
- Cho rau củ quả đã trưng cùng đậu hũ cắt lát, rồi gia vị vào chảo dầu.
- Đảo nhanh tay để nguyên liệu không bị dính chảo, cho hành tây vào sau cùng.

TRÌNH BÀY:

- Xếp rau củ quả đã chiên lên phía trên đĩa mì đã chiên giòn.

PHÂN TÍCH DINH DƯỠNG:

- Tinh bột: Mì
- Chất xơ: Rau, củ, quả
- Chất đạm: Đậu hũ, nắm

Mì xào giòn là cũng là một loại “fastfood” của châu Á, nó có thể dùng thay bữa ăn chính vì có đầy đủ các chất tinh bột, xơ, đạm và nguyên tố vi lượng. Đây cũng là một trong những món được nhà chùa sử dụng trong lễ cúng trai tăng hoặc cúng đãi khách vì dễ làm, dễ ăn và tiết kiệm.

NGUYỄN DZOÃN CẨM VÂN

(Món chay số 153, chương trình VEGETARIAN FOOD)

MỤC LỤC

CHUYÊN ĐỀ

02. TRỤ VŨ 03. HT. THÍCH NHẤT HẠNH 04.
PHẠM THIÊN THU 08. HT. THÍCH NHẬT
QUANG 11. PHẠM VĂN SAU 12. TRẦN TAM
BẢO 16. HẠNH PHƯƠNG 22. NGUYỄN HIẾU
TRUNG 31. LẠC NGUYỄN 32. HT. THÍCH
THIỆN PHƯỚC 37. NT. THÍCH NỮ HUỆ GIÁC
38. HT. THÍCH GIÁC QUANG 42. TT. THÍCH
THIỆN TÀI 45. NINH GIANG THU CÚC 53.
ĐĐ. THÍCH NGUYỄN NHỰT 54. ĐĐ. THÍCH
THIỆN QUY 55. NS. THÍCH NỮ TRÍ HẢI 59.
NGUYỄN ĐỨC SƠN

VĂN HỌC

60. NHẬT CHIÊU 69. DẠ LỮ KIỆU 70. LÊ
HÀNH 73. ĐẮC THỨC 74. CAO THỊ HOÀNG
81. MIÊN ĐỨC THẮNG 82. TRƯƠNG VĨNH
CHẤN 85. NGUYỄN NGỌC THỜ 87. CAO
QUẢNG VĂN 88. LƯƠNG VIỆT KHIÊM 89.
DU TỬ LÊ 90. LÊ TÁT SĨ 94. THÁI THANH
NGUYỄN 99. NAM CHU 100. CAO THÁI
THANH 103. HÀ KIM SÂU 104. NGUYỄN THỊ
MÂY 111. DIỆU THÀNH 115. DIỆU TÀI 119.
NGUYỄN HẢI THẢO 120. NGUYỄN QUỐC
HUNG 121. HOÀI HUYỀN THANH 125.
HOÀNG ANH 126. MAI TUYẾT 127. NGUYỄN
AN BÌNH 132. PHAN HOÀI THƯƠNG 133.
TRẦN HUY MINH PHƯƠNG 136. MP. TRƯỜNG
GIANG THỦY 137. PHẠM THỊ KIỆP 139.
P.N THƯỜNG ĐOAN 140. NGUYỄN ĐĂNG
THANH 141. BẢO CƯỜNG 144. ROSE 145.

Lời Tri Ân

Hương Thiên thành kính tri ân: Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam quận 8 - TP. Hồ Chí Minh, Tổ đình Quan Âm Tu viện (Biên Hòa - Đồng Nai), Tổ đình Thành An Tự (Núi Sập - An Giang), chùa Hang Tổ (Bà Rịa - Vũng Tàu), chùa Huệ Lâm, chùa Dược Sư, chùa Linh Bửu, chùa Linh Sơn, tịnh xá Ngọc Phương, cơm chay Hoa Sen, nhãn hiệu trầm hương Tâm Tài, thẩm mỹ viện Lê Hành, phòng phát hành kinh sách báo Giác Ngộ,... đã tích cực ủng hộ để Hương Thiên 41, số mùa Thu, ra ngày mùng 1/7/ Đỉnh Đậu (2017) được phát hành đúng thời hạn và kịp thời phục vụ bạn đọc nhân mùa Vu Lan PL.2561.

Thành kính tri ân.

BAN BIÊN SOẠN

PHAN THÀNH DANH 146. LÊ THỊ XUYÊN
VĂN HÓA

149. NGUYỄN HỮU TÌNH 153. NGUYỄN ĐỨC
TỔ 158. NGUYỄN HIẾU TÍNH 169. HOA
TRĂNG 170. LƯƠNG MINH 172. LÊ MAI
TRINH 173. HUỲNH ĐỨC TÚ 174. DƯƠNG
THỊ TÂM

ÂM NHẠC:

Bìa 3: NGUYỄN KHẢI HOÀN. 176. HUYỀN
LAN - GIÁC AN 178. TRẦN ĐỨC TÂM - TRẦN
HẬU 180. NINH GIANG THU CÚC - NGUYỄN
MÃN 182. TÂM VƯƠNG

ẨM THỰC CHAY:

183. NGUYỄN DZOÃN CẨM VÂN

MINH HỌA

NGUYỄN THỊNH - KHÁNH LINH - MAI TUẤN
- KIM DUẤN.

HƯƠNG THIÊN 41 (tập 03/2017)

NHIỀU TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

Hochiminh City Culture-Literature and Arts Publishing House

88 - 90 Ký Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

ĐT: (08) 38216009 - 39142419. Fax: (08) 39142890

Email: nxbvhvn@nxbvanhovannghe.org.vn

nxbvanhovannghe@yahoo.com.vn

Website và bán hàng trực tuyến: nxbvanhovannghe.org.vn

Cửa hàng sách: 310 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.HCM

Gian hàng 03 Đường sách TP.HCM, đường Nguyễn Văn Bình, Quận 1, TP.HCM

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc, Tổng biên tập: Đinh Thị Phương Thảo

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó Giám đốc, Phó Tổng biên tập: Bùi Đức Huy

Biên tập: Trần Thị Hoàng Tân

Sửa bản in: Mai Hoàng

Trình bày: Phương Nhất Điền

Bìa: Mai Phúc Châu

Liên kết xuất bản: Hương Thiên Books

304 Bông Sao, P.5, Q.8, TP.Hồ Chí Minh.

E-mail: phancattuong@gmail.com

ĐT: 0932 064 021 - 0913 724 043

In lần thứ nhất. Số lượng 1.000 cuốn khổ 14 x 20 cm

Tại: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu In Sài Gòn

Số đăng ký KHXB: 93-2017/CXBIPH/20-02/VNTPHCM

QĐXB số: 223-QĐ/NXBVHVN ngày 10/7/2017

ISBN: 978-604-68-3459-5

In xong và nộp lưu chiểu quý 03 năm 2017

Chiếc Vồng Mạ Ru

♢ Nhạc và lời: Nguyễn Khải Hoàn

16 Beat Ballad

Chuyện ngày xưa trên chiếc vồng dừa mẹ ru con ngủ giấc ngủ ngoan hiền.

Nhịp vồng dừa, kéo kẹt ầu ơ, những chuyện đời xưa mẹ kể con nghe.

Mẹ kể con nghe cổ tích Tiên Rồng, nòi giống Lạc Hồng mở cõi phương
... thơ câu nói câu chào, câu hát câu hò điệu lý quê

Nam, con cháu vua Hùng dựng nước Văn Lang. Mẹ dạy con...
hương, yêu tiếng quê... ... nhà yêu mến câu thật

thà. ầu ơ... ầu ơ... Rồi tuổi thơ trôi qua thật nhanh cuộc sống
kia biết bao buồn vui. Nhịp vồng dừa như mãi trong tôi, cùng tiếng ru ầu ơ...

Chuyện ngày nay trên chiếc vồng xưa tôi ru con ngủ giấc ngủ ngoan hiền. Nhịp vồng
dừa kéo kẹt ầu ơ những chuyện đời xưa tôi kể con nghe. Tôi dạy con

thơ câu nói câu chào, câu hát câu hò điệu lý quê hương, yêu tiếng quê nhà yêu mến câu thật

thà. Chuyện ngày... ầu ơ ầu ơ ầu ơ ầu ơ...



hương
thiên

TẬP 3/2017 (41)

ISBN: 978-604-68-3459-5



9 786046 834595

25.000 đồng